

Số: 57 /VPĐP

Lộc Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

V/v Đăng tải thông tin các xã dự
kiến đạt chuẩn nông thôn mới và
nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Kính gửi:

- Văn phòng HĐND & UBND huyện;
- Phòng Văn hóa & Thông tin.

Hiện nay, các xã Lộc Thành, Lộc Hòa và Lộc Điền là 03 xã của huyện Lộc Ninh đăng ký thực hiện hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao trong năm 2022. Qua quá trình triển khai thực hiện, đến nay 02 xã Lộc Thành và Lộc Hòa cơ bản hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới và xã Lộc Điền cơ bản hoàn thành 20/20 tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Để có cơ sở tham mưu UBND huyện Lộc Ninh, thực hiện quy trình lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thẩm tra, công nhận 02 xã Lộc Thành và Lộc Hòa đạt chuẩn nông thôn mới và xã Lộc Điền đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện kính gửi Thành viên BCĐ xây dựng nông thôn mới huyện, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và UBND các xã, thị trấn dự thảo “Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Lộc Thành và xã Lộc Hòa”; “Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Lộc Điền”, để đóng góp ý kiến vào dự thảo được hoàn chỉnh theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xem xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

(Kèm theo Dự thảo của UBND huyện về báo cáo thẩm tra thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Lộc Thành, xã Lộc Hòa và báo cáo thẩm tra thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Lộc Điền).

Mọi ý kiến đóng góp của Nhân dân thông qua trang thông tin điện tử của huyện đề nghị Văn phòng HĐND & UBND huyện tập hợp, gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện để tổng hợp, trình tham mưu UBND huyện phê duyệt.

Kính đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện, hoàn thành **trước 11 giờ 00 phút, ngày 23/12/2022** để Văn phòng nông thôn mới huyện hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- BCĐ XD NTM huyện;
- Như kính gửi;
- VP.NTM huyện;
- Lưu.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT
Trần Hùng

Số: /BC-UBND

Lộc Ninh, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Lộc Hòa năm 2022.**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị Quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 331/VPĐP ngày 13/10/2022 của Văn phòng Điều phối CT MTQG xây dựng NTM tỉnh về việc hướng dẫn tổ chức đánh giá thực hiện các tiêu chí/chỉ tiêu để hoàn thiện hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã NTM nâng cao;

Thực hiện Kế hoạch số 39-KH/HU ngày 01/9/2021 của Huyện ủy Lộc Ninh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lộc Ninh, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 5678/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc thay đổi Trưởng ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lộc Ninh, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Lộc Ninh;

Theo đề nghị Tờ trình số 100 /TTr-UBND ngày 16/11/2022 của UBND xã Lộc Hòa về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Lộc Hòa đạt chuẩn NTM năm 2022.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Lộc Hòa của các thành viên Ban chỉ đạo cấp huyện. UBND huyện Lộc Ninh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Lộc Hòa năm 2022, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG.

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã:

1.1. Vị trí địa lý:

- Phía Bắc là đường ranh giới Quốc gia Việt Nam – Campuchia.
- Phía Đông giáp xã Lộc An.
- Phía Nam giáp xã Lộc Tấn.
- Phía Tây giáp xã Lộc Thạnh.

1.2. Diện tích tự nhiên:

- Tổng diện tích tự nhiên: 5.017.32 ha.
- Đất nông nghiệp: 4.044.36 ha. Trong đó: Đất sản xuất Nông nghiệp: 3.001.15 Ha; Đất lâm nghiệp: 1.034.25 ha; Đất nông nghiệp khác: 8.96 ha
- Đất phi nông nghiệp: 972.96 ha. Trong đó: Đất ở: 37.85 ha; Đất chuyên dùng: 882.40 ha; Đất chưa sử dụng: 15.83
- Tổng số hộ: 1516 hộ/6017 khẩu. Xã có kết cấu dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào, có đường biên giới dài 12km với nước bạn Campuchia, giáp quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư được đầu tư quy hoạch nhiều Công ty, xí nghiệp là tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Là cầu nối liên kết tạo việc làm với thu nhập ổn định cho nhân dân trên địa bàn xã Lộc Hòa.

1.3. Kinh tế xã hội của địa phương:

Kinh tế của xã trong những năm qua có bước tăng trưởng khá ổn định, cơ cấu kinh tế cơ bản vẫn là nông nghiệp, thu nhập của người dân trong xã chủ yếu là trồng

cây công nghiệp dài ngày (cao su, hồ tiêu, điều, cây ăn trái); cây hàng năm (lúa nước, rau, củ quả...); chăn nuôi (heo, dê, bò và gia cầm).

Tổng thu nhập toàn xã năm 2022 là khoảng 408.910 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người 66,881 triệu đồng/năm. Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng nông lâm thủy sản chiếm 72%; Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp chiếm 15%; thương mại dịch vụ chiếm 13%. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2022 của xã 10%.

2. Thuận lợi và Khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Với vị trí xã nằm trên đường Quốc lộ 13 từ cửa khẩu Hoa Lư đến ngã ba Lộc Tấn đi các huyện khác của tỉnh hoặc đi thành phố Hồ Chí Minh là điều kiện giao lưu thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại dịch vụ. Ngành nông nghiệp phát triển ổn định với thế mạnh là cây lâu năm như cây cao su, hồ tiêu, điều và cây ăn trái mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Dân số có cơ cấu trẻ, lực lượng lao động dồi dào. Điều kiện thổ nhưỡng, đất đai thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp (cao su, tiêu, điều, cây ăn trái) và phát triển chăn nuôi.

2.2. Khó khăn:

- Cơ cấu kinh tế cơ bản vẫn là nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, tốc độ tăng trưởng kinh tế còn tiềm ẩn nhiều yếu tố kém bền vững.

- Ngành Công nghiệp - TTCN, ngành thương mại dịch vụ phát triển chậm.

- Trình độ dân trí không đồng đều, chất lượng lao động chưa cao, phần lớn là lao động nông nghiệp.

- Việc tiếp cận các nguồn vốn của nhà nước cho vay để đầu tư vào sản xuất chưa thật thuận lợi, mức cho vay còn hạn chế, thời gian cho vay quá ngắn, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất vào phát triển kinh tế hộ chưa mạnh dạn, thiếu đầu tư đồng bộ.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành.

Huyện ủy, HĐND hằng năm giao chỉ tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình NTM. UBND huyện, BCD huyện xây dựng kế hoạch, lộ trình giải pháp thực hiện chương trình hằng năm và năm 2022 trên địa bàn huyện đồng thời tập trung cho xã Lộc Hòa về đích NTM.

Được sự chỉ đạo của BCD tỉnh, Huyện ủy-UBND huyện, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện và các văn bản hướng dẫn của các ban, ngành cấp trên, Nghị quyết của Đảng bộ, HĐND xã, UBND xã tích cực triển khai các phương án triển khai xây dựng NTM trên địa bàn đúng theo kế hoạch cấp trên giao và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Hàng năm, UBND xã luôn kiện toàn Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã gồm 26 người do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; 02 đồng chí Phó Chủ tịch UBND làm Phó ban. Mời UBMTTQ xã và ban ngành đoàn thể tham gia Ban quản lý để thuận lợi trong việc triển khai nhiệm vụ tới hội viên, đoàn viên.

Trên cơ sở thành lập Ban quản lý, tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Theo đó, từng thành viên có trách nhiệm theo dõi đôn đốc việc xây dựng NTM trên, từng lĩnh vực được phân công.

Thành lập Ban giám sát cộng đồng, Ban Vận động thực hiện xây dựng nông thôn mới để tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. Hàng năm xem xét kiện toàn Ban Quản lý và Ban Vận động đủ số lượng theo quy định.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới (2011-2022):

Tổng kinh phí đã thực hiện từ 2011-2022: 97.055 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách: 94.967 triệu đồng, chiếm 97,85%.

+ Ngân sách Trung ương: 18.457 triệu đồng, chiếm 19,43%.

+ Vốn ngân sách tỉnh: 24.596 triệu đồng, chiếm 25,91%.

+ Ngân sách huyện: 51.914 triệu đồng, chiếm 54,66%.

- Nhân dân đóng góp: 2.088 triệu đồng, chiếm 2,15%.

- Ngoài ra, nguồn vốn tín dụng trên địa bàn xã giai đoạn 2011-2022 là 29.7 tỷ đồng cụ thể: Ngân hàng chính sách xã hội là 29.7 tỷ đồng.

- Tổng các nguồn vốn xây dựng NTM để xã về đích trong năm 2022:

Tiêu chí		Tổng KP	Vốn Trung ương	Vốn Tỉnh	Ghi chú
Tổng kế hoạch năm 2022		24.936.000.000	8.974.000.000	15.962.000.000	
I. Nông thôn mới vốn đầu tư		22.911.000.000	8.176.000.000	14.735.000.000	
1	Giao Thông	9.650.000.000	7.046.000.000	2.604.000.000	
2	Giáo dục và đào tạo	8.560.000.000	0	8.560.000.000	
3	Cơ sở vật chất văn hóa	4.339.000.000	1.130.000.000	3.209.000.000	
4	Môi trường	362.000.000	0	362.000.000	
II. Nông thôn mới vốn SN		2.025.000.000	798.000.000	1.227.000.000	
1	Kinh phí quy hoạch	285.000.000	285.000.000	0	

2	Kinh phí sửa chữa đường	800.000.000	0	800.000.000	
3	Kinh phí làm bảng hiệu	940.000.000	513.000.000	427.000.000	

- Ngân sách Tỉnh: 15.962.000.000 đồng chiếm 64%

- Ngân sách Trung ương: 8.974.000.000 đồng chiếm 36%

II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.

Thời gian: /12/2022.

1. Về hồ sơ: Đầy đủ theo quy định tại mục 1, Chương II của QĐ 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100 %, cụ thể:

2.1 Tiêu chí số 1 – Quy hoạch.

2.1.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn;

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh theo Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

2.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 1.1. Quyết định số: 6078/ QĐ – UBND huyện về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định 2345/QĐ-UBND huyện về việc phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Chỉ tiêu 1.2. UBND Huyện Lộc Ninh phê duyệt quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch nông thôn mới xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định 2345/QĐ-UBND huyện.

- UBND xã đã tiến hành ký hợp đồng về việc tư vấn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 với Công ty TNHH tư vấn FAS và đã hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Kinh phí thực hiện: 285 triệu đồng.

2.1.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 1 Quy hoạch: **Đạt.**

2.2 Tiêu chí số 2 – Giao thông.

2.2.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

- Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp, và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

2.2.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Tổng số 16.2 km, số km được nhựa hóa 16.2 km đạt 100%.

- Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Tổng số 40.6 km, số km đã được cứng hóa 40.6 km đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, Tổng số 4.76 km, số km đã được cứng hóa 4.76 km đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Tổng số 1 km, số km đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 1 km đạt 100%.

Biểu mẫu thống kê số km các loại đường

STT	Loại đường	Tổng số (Km)	Kết cấu mặt đường (Km)					Ghi chú
			BTN	BTXM	LN	CPSĐ	Khác	
1	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện	16.2			16.2			
2	Đường thôn, ấp và đường liên thôn, bản, ấp	40.6		13.3	17.7	9.6		
4	Đường ngõ, xóm	4.64		4.64				
5	Đường trục chính nội đồng	1		0.3		0.7		
	Tổng số	62.44		18.24	33.9	10.3		

Trong đó:

+ “BTN” là kết cấu mặt đường Bê tông nhựa.

+ “BTXM” là kết cấu mặt đường Bê tông xi măng.

+ “LN” là kết cấu mặt đường láng nhựa.

+ “CPSĐ” là kết cấu mặt đường cấp phối sỏi đỏ.

- Kinh phí thực hiện năm 2022 : 9.650 triệu đồng.

2.2.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 2 Giao thông: **Đạt.**

2.2.4. So sánh năm 2011:

- Đường xã, liên xã: Tăng 10.6 km so với năm 2011 (năm 2011 5.6 km).
- Đường thôn, xóm: Tăng 5.2 km so với năm 2011 (năm 2011 35.4 km).
- Đường ngõ, xóm: Tăng 4.76 km so với năm 2011 (năm 2011 0 km).
- Đường trục chính nội đồng: Tăng 01 km so với năm 2011 (năm 2011 0 km).

2.3. Tiêu chí số 3 – Thủy lợi.

2.3.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước và tiêu nước chủ động đạt trên 80% trở lên.
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

2.3.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 80% trở lên:
 - + Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước chủ động là 866/952 ha, đạt 90.96%.
 - + Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 530/553 ha đạt 95.84 %.
 - Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ: Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương:
 - + Xã đã thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn gồm 26 thành viên do do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; các đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã, Trưởng công an xã, CHT BCHQS xã làm phó ban. Các thành viên gồm trưởng các ban, ngành, đoàn thể xã, ban điều hành các ấp.
 - + Ban hành Quyết định số 438/QĐ-UBND, ngày 10/06/2022 về kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN.
 - + Ban hành Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 10/06/2022 về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN xã Lộc Hòa.
 - + Ban hành Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 10/06/2022 về quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN.
 - + Ban hành kế hoạch số 03/KH-UBND, ngày 06/07/2022 của UBND xã về Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2022.
 - + Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: Xã luôn huy động lực lượng từ ban điều hành các ấp, lực lượng dân quân, các đơn vị đóng chân trên địa bàn tham gia ứng cứu khi có thiên tai xảy ra. Hàng năm Ban chỉ huy xây dựng Kế hoạch, Phương án phòng, chống thiên

tai - tìm kiếm cứu nạn để khi xảy ra tình huống có phương án ứng cứu kịp thời, chủ động lực lượng, thiết bị vật chất cho việc ứng cứu và cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo công tác phòng tránh thiên tai.

+ Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

Ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như cuốc, xẻng, áo mưa, áo phao, đèn pin, ủng...

2.3.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 3 - Thủy lợi: **Đạt.**

2.4. Tiêu chí số 4 – Điện.

2.4.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Hệ thống điện đạt chuẩn.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ các nguồn ($\geq 99\%$).
- Tỷ lệ đường được chiếu sáng trong khu dân cư hoặc dân cư cư trú ($\geq 7\%$).

2.4.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Về hệ thống điện đạt chuẩn:

Điện lực Lộc Ninh thường xuyên kiểm tra, duy tu, nâng cấp hệ thống lưới điện và đường dây luôn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

+ Số trạm biến áp 62 trạm trong đó 17 trạm 3 pha còn lại 1P, số đường dây trung thế 32.9km trong đó 3P là 12km còn lại 1 pha; đường dây hạ thế khoảng 39km.

Năm 2021 – 2022 : Kéo điện trung thế - hạ thế tại các ấp 7-8C-8B cụ thể như sau:

+ Ấp 7: trung thế: 1.643m, hạ thế 4.286m (đặt 3 trạm TBA 1x50 KVA)

+ Ấp 8C, 8B: trung thế: 2.901m, hạ thế 4.836m (đặt 7 trạm TBA 1x50 KVA)

Điện lực Lộc Ninh đang tiến hành kéo dây điện và đặt các trạm biến áp.

- Số hộ và tỷ lệ hộ được dùng điện thường xuyên, an toàn 1.484/1484 hộ; đạt 100%.

- Tỷ lệ km đường được chiếu sáng trong khu dân cư hoặc dân cư cư trú: 16.69/62.44 km; đạt 27%.

- Kinh phí thực hiện năm 2022: 6.984 triệu đồng.

2.4.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 4 - Điện: **Đạt.**

2.4.4. So sánh giai đoạn:

Năm 2022 tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ các nguồn là 1.484/1.484 hộ, đạt 100%, tăng 130 hộ so với năm 2011 (1.354/1.354 hộ).

2.5. Tiêu chí số 5 – Trường học.

2.5.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt chuẩn quốc gia.

2.5.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có 2 trường, trong đó : Trường Tiểu học & Trung học cơ sở Lộc Hoà, trường Mẫu Giáo Hoa Phượng đang khẩn trương xây dựng mới, đầu tư

trang thiết bị để đạt chuẩn theo quy định, dự kiến cuối quý II năm 2023 cơ bản hoàn thành.

- Mẫu giáo : 01 trường ; Đạt.

+ Với 8 phòng học, gồm phòng chức năng gồm phòng ăn, phòng làm việc, phòng y tế ...

+ Trong năm 2022, đang triển khai xây dựng mới phòng thể chất, nghệ thuật, phòng họp, phòng y tế, phòng làm việc nhà kho diện tích 644m².

+ Nhà bảo vệ: 9m².

+ Nhà xe: diện tích 84m².

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở : 01 trường; Đạt.

*Trong đó:

+Bậc Tiểu học có 14 phòng học, 04 phòng chức năng, 05 phòng học bộ môn, sân chơi với diện tích 6.000 m².

+Bậc Trung học cơ sở có 7 phòng học, 6 phòng chức năng, 7 phòng học bộ môn, sân chơi với diện tích 4.000 m².

+Nhà xe GV : 02 nhà xe diện tích 250 m²

Trong năm 2022, Trường được đầu tư xây dựng và đang hoàn thiện 02 phòng học Tin học+Anh văn bậc TH, nhà đa năng với diện tích sàn 500 m2, sửa chữa phòng học, phòng chức năng và hàng rào . Kinh phí: Trên 07 tỷ đồng.

2.5.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 5 - Trường học: **Đạt.**

2.5.4. So sánh giai đoạn:

+ Giai đoạn 2011 – 2022: Xây mới nhiều phòng học và phòng chức năng cụ thể như sau:

- Đang xây dựng phòng ngoại ngữ, tin học, nhà đa năng và hàng rào trường tiểu học và THCS Lộc Hòa: 5.500 triệu đồng – ngân sách Tỉnh

- Đang XD phòng chức năng (âm nhạc, thể chất, y tế, phòng họp, phòng bảo vệ) và nhà vệ sinh trường mẫu giáo Hoa phượng: 3.200 triệu đồng- ngân sách Tỉnh

2.6. Tiêu chí số 6 – Cơ sở vật chất văn hóa.

2.6.1 Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (100%).

2.6.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện tại xã sử dụng Hội trường của xã và sân bãi của xã để hình thành trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.

+ Hội trường của xã: Hiện tại xã có 01 hội trường được trang bị đầy đủ bàn ghế, dàn âm thanh, hệ thống quạt, phong chữ, khánh tiết, diện tích 450 m², quy mô 120 chỗ ngồi.

+ Khu thể thao: Xã có 02 sân bóng chuyền kích thước 14m x 24m, kết hợp tổ chức các môn thể thao khác như kéo co, đẩy gậy, cầu lông, tổ chức hội diễn văn nghệ. sân bóng đá xã 4.000 m² – địa điểm ấp 7 xã Lộc Hòa về cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã.

- Hiện nay, nhân dân trong xã tham gia các hoạt động vui chơi tại các điểm vui chơi công cộng thuộc nhà văn hóa các ấp, các sân trường. Nhờ đó, đã góp phần tạo môi trường an toàn và lành mạnh cho trẻ em có cơ hội tham gia vui chơi, giải trí nhằm nâng cao kỹ năng sống, phát triển toàn diện về mọi mặt, có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Ngoài ra UBND xã đang đầu tư 1.100m² khu vui chơi trước cổng UBND xã.

- Xã có 8/8 ấp có Nhà văn hóa, được đầu tư xây dựng đảm bảo hoạt động, đạt 100%. Trong đó, năm 2022 đầu tư mới 04 nhà văn hóa (ấp 7, ấp 8, ấp 8A, ấp 8B).

* Hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa và chất lượng hoạt động văn hóa tại các khu dân cư, cộng đồng trên địa bàn xã: Nhìn chung các nhà văn hóa được đầu tư cơ bản, hệ thống cơ sở vật chất nhà văn hóa được trang bị khá đầy đủ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

* Kinh phí thực hiện năm 2022: 4.339 triệu đồng.

2.6.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.6.4. So sánh giai đoạn:

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng mới 04 nhà văn hóa ấp 7, ấp 8, ấp 8A, ấp 8B..

2.7. Tiêu chí số 7 – Cơ sở vật chất văn hóa thương mại nông thôn.

2.7.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (Trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, việc xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới).

2.7.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã Lộc Hòa không có trong quy hoạch chợ của Huyện. Tuy nhiên trên địa bàn xã có điểm mua bán, trao đổi hàng hóa đảm bảo vệ sinh môi trường được xây dựng từ những năm 2008 đến nay đã xuống cấp. Được đầu tư nâng cấp vào năm 2022 đảm bảo hệ thống mương đá thoát nước, sạch sẽ.

* Kinh phí thực hiện năm 2022: 600.000.000 đồng

2.7.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: **Đạt.**

2.7.4. So sánh giai đoạn:

Xây dựng 150 m² sân bê tông từ nguồn vốn NTM Trung ương giúp nhân dân có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa. Sản lượng hàng hóa được mua bán, trao đổi tăng hơn so với năm 2011 (sân đất).

2.8. Tiêu chí số 8 – Thông tin và Truyền thông.

2.8.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Có điểm phục vụ bưu chính.
- Có dịch vụ viễn thông, internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

2.8.2. Kết quả thực hiện tiêu chí :

- Điểm phục vụ bưu chính (Bưu cục hay Điểm văn hoá xã): Trên địa bàn xã có 01 điểm, đang hoạt động, được đặt tại ấp 8C.

- Dịch vụ viễn thông, internet:

Xã có 8 ấp có hạ tầng cáp viễn thông, 8 ấp có sóng điện thoại di động, kết nối với internet như Wifi, 3G, 4G. Dịch vụ viễn thông, internet đã và đang tạo ra rất thuận lợi cho người dân trong việc tìm hiểu về khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế, thuận lợi trong liên lạc, trao đổi thông tin, đáp ứng nhu cầu học tập, lao động sản xuất của nhân dân trong xã.

- Hệ thống đài truyền thanh xã:

Xã có đài truyền thanh xã đặt tại UBND xã Lộc Hòa, hệ thống được trang bị đầy đủ. Hiện đài truyền thanh xã đang thực hiện truyền thanh phát tần số ngắn không dây tín hiệu thu dạng FM. Tại xã là máy chủ điều khiển các cụm phát thanh ở các khu dân cư bằng tín hiệu mã hóa tần số thấp với thông số kỹ thuật như sau:

Vị trí lắp đặt: Kinh độ 106E3453; Vĩ độ 11N5317

Hoạt động ổn định ở tần số 63.2 MHz công suất 20W đúng giấy phép, mặt xạ ngoài băng (Mặt nạ phổ) đạt quy chuẩn QCVN 70:2013/BTTTT. Và được Trung Tâm tần số vô tuyến điện Khu vực II cấp giấy phép sử dụng số 225407/TTKD-GH ngày 7/2/2020 với tần số 63.2 MHz công suất 20w.

Xã có 8/8 số ấp trong xã có loa hoạt động.

+ Xã có 01 hệ thống loa truyền thanh với 15 cụm loa thông minh, truyền dẫn tín hiệu qua tần số và mạng 4G.

+ Đài truyền thanh xã với cơ sở vật chất hiện đang duy trì phát thanh thường xuyên chế độ tiếp âm, phát sóng phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và địa phương và góp phần đảm bảo nhu cầu nắm bắt thông tin của người dân trên địa bàn xã.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

+ Về cơ sở vật chất (số máy tính/số cán bộ, công chức, viên chức của xã): 25/25.

+ Trung tâm học tập cộng đồng xã: phòng họp trực tuyến.

+ Hiện tại tất cả có sử dụng dịch vụ internet và thực hiện nhận/gửi văn bản qua phần mềm quản lý văn bản của UBND huyện; từ ngày 19/5/2020 bộ phận 1 cửa của xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; hạn chế tiếp nhận văn bản giấy.

Kinh phí thực hiện năm 2022: Hơn 1.000 triệu đồng.

2.9. Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư.

2.9.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (90%).

2.9.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Nhà tạm, dột nát: Hiện nay, không còn nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2011-2021 đã hỗ trợ xóa nhà tạm, dột nát là 58 căn.

(Năm 2022 đã hỗ trợ xây dựng 11 căn nhà cho hộ ĐBDT thiếu số khó khăn về nhà ở. Tổng kinh phí: 1.360 triệu đồng) 03 căn xây dựng cho học sinh nghèo, hiếu học tổng kinh phí: 240 triệu đồng, 01 căn cho hội viên hội phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn. Tổng kinh phí: 150 triệu đồng. 10 căn nhà liên kết chốt dân quân biên giới: 1.200 triệu đồng).

- Số lượng nhà ở của dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định: 1.484/1.484 hộ, đạt 100%.

2.9.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 9 - Nhà ở: **Đạt**.

2.9.4. So sánh giai đoạn:

Năm 2022 tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định là 1.484/1.484 hộ, đạt 100 %, tăng 234 hộ so với năm 2011(1.250/1.2050 hộ).

Trong giai đoạn từ 2011-2021 đã hỗ trợ xóa nhà tạm, dột nát là 58 căn.

2.10. Tiêu chí số 10 – Thu Nhập

2.10.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2022 từ sản xuất trồng trọt (cây lương thực và các loại cây hàng hóa chủ yếu), chăn nuôi, lâm nghiệp, hoạt động ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, tỷ trọng hàng hóa.

2.10.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- UBND xã tập trung chỉ đạo ưu tiên các chính sách để hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, các mô hình có hiệu quả như chăn nuôi dê thương phẩm, bò giống; chăm sóc tiêu theo hướng hữu cơ sinh học, trồng cây ăn trái. Qua đó góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

- Trên địa bàn xã có 2.110,7 ha diện tích cây lâu năm (gồm cao su của các công ty và Nông trường đứng chân trên địa bàn xã và các hộ tiểu điền); cây hằng năm 628.89 ha; tổng đàn gia súc hiện có 29.099 con, tổng đàn gia cầm 20.852 con.

- Thu nhập bình quân đầu người từ 8.3 triệu đồng/người năm 2011, đến năm 2022 thu nhập bình quân 66.881 triệu đồng/người.

2.10.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Năm 2022 thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn là 66.881 triệu đồng/người/năm.

Tiêu chí số 10 - Thu nhập: **Đạt**.

2.10.4. So sánh giai đoạn:

Năm 2022 thu nhập bình quân đầu người là 66.881 triệu đồng/người/năm; tăng 58.581 triệu đồng so với năm 2011 (8.3 triệu đồng/người/năm).

2.11. Tiêu chí số 11 – Hộ Nghèo.

2.11.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: Định mức năm 2022 là $\leq 0,5\%$.

2.11.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác xóa đói giảm nghèo được các cấp quan tâm, tạo điều kiện cho hộ nghèo được vay vốn sản xuất, hướng dẫn cách làm ăn để thoát nghèo. Thực hiện đầy đủ các chính sách của nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo nhằm giúp các hộ thoát nghèo bền vững (cấp thẻ BHYT, chế độ giảm học phí học tập, hỗ trợ tiền điện sinh hoạt...).

Hỗ trợ sản xuất, đầu tư vật nuôi, cây trồng, vật tư và con giống giúp bà con nông dân nâng cao thu nhập, thoát nghèo năm 2022 với số tiền là 665 triệu đồng.

Từ năm 2021–2022 đã hỗ trợ được 20 con bò, sữa nhà 03 hộ với số tiền 90 triệu đồng, xây 11 căn nhà vệ sinh với số tiền 165 triệu đồng...

Tổng số hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo đầu năm 2022 là 27/1.637 hộ chiếm tỷ lệ 1,65%; cận nghèo 23/1.637 hộ chiếm tỷ lệ 1,4%. Cuối năm 2022 là có 22 hộ thoát nghèo còn lại 05/1.637 hộ chiếm 0,31% (trong đó: 4 hộ là đối tượng hưởng BTXH – không có khả năng lao động như vậy số hộ nghèo còn lại đạt theo NTM là 01/1.637 hộ đạt 0,06%). Thoát cận nghèo 15 hộ, còn lại 08/1.637 hộ, chiếm tỷ lệ 0,49% (trong đó: 4 hộ là đối tượng hưởng BTXH – không có khả năng lao động như vậy số hộ cận nghèo còn lại đạt theo NTM là 04/1.637 hộ đạt 0,2%).

Như vậy tỷ lệ nghèo đa chiều đạt 0,26%

Kinh phí thực hiện: 665 triệu đồng.

2.11.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 11- Hộ nghèo: **Đạt**

2.11.4. So sánh giai đoạn:

Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 05 hộ (trong đó có 04 hộ hưởng BTXH – không có khả năng lao động), giảm 132 hộ nghèo so với năm 2015 (137 hộ).

Tỷ lệ hộ cận nghèo là 08 hộ (trong đó có 04 hộ hưởng BTXH – không có khả năng lao động) giảm 56 hộ so với năm 2015 (64 hộ).

2.12. Tiêu chí số 12 – Lao động việc làm.

2.12.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho các nam và nữ) $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$.

2.12.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Hàng năm, UBND xã phối hợp với các Sở ban ngành, các phòng ban chuyên môn, các đoàn thể và các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn xã tổ chức các lớp đào tạo nghề như: cạo mũ cao su, trồng và chăm sóc các loại cây nông nghiệp, kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò, heo và dê, sửa chữa xe máy, trang điểm, cắt tóc...

** Khối lượng thực hiện:*

- Số lao động qua đào tạo theo tiêu chí số 12.1 là 2531/3143, người lao động đạt 80,5%, trong đó: số lao động nam là 1.321/1.601 người, đạt 82%; số lao động nữ là 1.290/1.542 người, đạt 83%.

- Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 938/3143, người lao động, đạt 30 %. Trong đó: số lao động là nam có bằng cấp, chứng chỉ là 480/1.601, đạt 30%; số lao động là nữ có bằng cấp, chứng chỉ là 458/1542, đạt 30%.

2.12.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 12 - Về Lao động: **Đạt**

2.12.4. So sánh giai đoạn:

Năm 2022: Số lao động qua đào tạo là 2531/3143; đạt 80,5%, tăng 4% so với năm 2021 là 2.310/3018, đạt 76,50%.

- Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 938/3143 đạt 30%, tăng 3.7% so với năm 2021 là 795/3018 đạt 26.3%.

2.13. Tiêu chí số 13 – Hình thức tổ chức sản xuất.

2.13.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (Luật số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội).

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng bảo vệ môi trường.

- Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

2.13.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định: 01 Hợp tác xã CHĂN NUÔI DÊ SINH SẢN XÃ LỘC HÒA.

+ Trụ sở: ấp 6 - xã Lộc Hòa - huyện Lộc Ninh - tỉnh Bình Phước.

Số lượng 07 thành viên thành lập năm 2022 theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012. Hợp tác xã hoạt động chăm sóc, chăn nuôi dê giống và dê thịt, mua bán các loại dê, sản xuất mua bán các sản phẩm từ dê. Từng bước quảng bá thương hiệu sản phẩm của HTX lên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Hồ sơ pháp lý: Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã số: 3801261344 ngày 26/10/2021; giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu công an tỉnh Bình Phước cấp. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, hoạt động theo quy định (Điều 7 Luật Hợp tác xã) và hoạt động theo Điều lệ của HTX đã ban hành.

Các thành viên HTX là công dân Việt Nam tuổi từ 18 trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; là đại diện hộ gia đình hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Có cơ cấu tổ chức quản lý hợp tác xã đầy đủ theo quy định: 01 giám đốc; 01 phó giám đốc, 01 kiểm soát viên, 01 thủ quỹ, 01 kế toán. Có phương án sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế, chế độ báo cáo của hợp tác xã.

+ Hiệu quả hoạt động:

Do HTX mới đi vào hoạt động, thời gian thành lập còn gặp phải dịch Covid 19 nên còn gặp nhiều khó khăn nhưng mục tiêu đặt ra của HTX chăn nuôi dê xã Lộc Hòa trong 03 năm đầu đạt: 2.447 triệu đồng trong đó: năm thứ nhất: 741 triệu đồng, năm thứ 2: 853 triệu đồng, năm thứ 3: 853 triệu đồng.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững:

+ Mô hình liên kết: Xã có 02 câu lạc bộ trồng tiêu theo mô hình tiêu sạch tại ấp 6 và ấp 7 – xã Lộc Hòa, liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty chế biến gia vị Nedspice. Hàng tháng tổ hợp tác tổ chức sinh hoạt để chia sẻ kinh nghiệm cách chăm sóc cây trồng.

Ngoài ra nhân viên công ty thường xuyên mở lớp hướng dẫn các tổ viên hạn chế sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật có hàm lượng thuốc quá mức cho phép. Cuối năm các hộ đều được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu sạch.

+ Đối tượng liên kết: Người trồng hồ tiêu.

+ Nội dung liên kết: Liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty chế biến gia vị Nedspice.

+ Hình thức liên kết: Nông dân trồng, chăm sóc hồ tiêu; Công ty chế biến gia vị Nedspice tư vấn kỹ thuật, thuốc bảo vệ thực vật và bao tiêu sản phẩm.

+ Hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của xã:

* Tên: Câu lạc bộ sản xuất Hồ tiêu bền vững xã Lộc Hòa (ấp 6).

Chủ nhiệm: Ông Hoàng Văn Thúy.

Địa chỉ: Ấp 6 - xã Lộc Hòa - huyện Lộc Ninh.

Quy mô: 19.1 ha.

Sản phẩm: Hồ tiêu

* Tên: Câu lạc bộ Hồ tiêu bền vững xã Lộc Hòa (ấp 7).

Chủ nhiệm: Ông Đậu Xuân Ngọc.

Địa chỉ: Ấp 7 - xã Lộc Hòa - huyện Lộc Ninh.

Quy mô: 15.5 ha.

Sản phẩm: Hồ tiêu

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

Hiện nay trên địa bàn xã có sản phẩm cây sầu riêng của nông dân ấp 6 – xã Lộc Hòa. Hội nông dân xã, UBND xã đang trình hồ sơ đến phòng NN & PTNT Huyện Lộc Ninh để công nhận VietGAP theo quy định. Dự kiến đến quý I năm 2023 sẽ có giấy chứng nhận.

- Làng nghề truyền thống: trên địa bàn xã không có làng nghề truyền thống.

- Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả:

- Xã Lộc Hòa có 01 tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo quyết định số: 540/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 gồm 7 thành viên do Ông: Điều Miêu – cán bộ khuyến nông xã làm tổ trưởng.

-Tổ khuyến nông xã đã tổ chức tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ bệnh cho Dê vào ngày 03/10/2022 tại HT UBND xã.

-Phối hợp tư vấn hỗ trợ phát triển HTX, tổ hợp tác chăn nuôi dê và câu lạc bộ hồ tiêu hoạt động theo đúng quy định.

- Các dịch vụ như tư vấn liên kết sản xuất, kết nối thị trường, tư vấn quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp đáp ứng 100% số hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

2.13.3 Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.14. Tiêu chí số 14 – Giáo dục.

2.14.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học; phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; xóa mù chữ.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 90\%$.

2.14.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Nội dung thực hiện: Để thực hiện tốt công tác giáo dục trên địa bàn, UBND xã chỉ đạo BGH các Trường tăng cường công tác phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể và BDH các ấp tuyên truyền, vận động người dân và tạo điều kiện để con em học hết THCS, sau đó tiếp tục học tiếp THPT, bỏ túc hoặc học nghề; vận động và tạo điều kiện giúp đỡ để các trường hợp khó khăn tiếp tục đến trường.

Chú trọng công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

* Khối lượng thực hiện:

- Phổ cập giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học: Đạt PHGDTH Đúng độ tuổi.

+ Phổ cập giáo dục THCS: Đạt chuẩn mức độ 2.

+ Phổ cập xóa mù: Đạt mức độ 3.

Được UBND huyện công nhận tại Quyết định số 7830/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc công nhận xã Lộc Hoà duy trì đạt chuẩn quốc gia công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 của trường TH&THCS Lộc Hoà luôn đạt $\geq 90,5\%$.

2.14.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo: Đạt.

2.14.4. So sánh giai đoạn: Năm 2022 tỷ lệ học sinh tiếp tục học lên trung phổ thông, bỏ túc hoặc học nghề đạt tỷ lệ 90,09%, trong đó số học sinh nam là 28/30, đạt 93,3%, số học sinh nữ là 12/14, đạt 85,7%.

2.15. Tiêu chí số 15 – Y tế:

2.15.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 14,5\%$.
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$.

2.15.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

* *Nội dung thực hiện:* Nhằm nâng cao tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, UBND xã phối hợp với các Đoàn thể tổ chức đi xuống các khu dân cư tuyên truyền, vận động người tham gia bảo hiểm y tế phục vụ tốt cho nhu cầu khám chữa bệnh, từ đó đã đạt được một số kết quả nhất định.

* *Khối lượng thực hiện:*

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế tính đến 14/11/2022 là 5.746/6.114 người; đạt 93.98 % .
- Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số: 2250/QĐ-UBND tỉnh Bình Phước ngày 30/8/2016.
- Ngày 24 tháng 9 năm 2022, UBND huyện thẩm tra lại bộ tiêu chí đạt 88 điểm (đạt).
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) có 36/544 trẻ đạt 6.62%, đạt theo quy định $\leq 14,5\%$.
- Tỷ lệ khám sức khỏe điện tử hiện tại chưa ban hành văn bản nên không đánh giá.

2.15.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 15 - Y tế: **Đạt.**

2.15.4. Giải pháp nâng cao tiêu chí trong thời gian tới: Tiếp tục công tác tuyên truyền về Luật BHYT, vận động để người dân tiếp tục tham gia BHYT bền vững.

2.15.5. So sánh giai đoạn:

- Năm 2022 tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là 5.746/6.114 người; đạt 93.98 %; tăng 3.336 người so với năm 2011 (năm 2011 2.410 người tham gia BHYT).

2.16. Tiêu chí số 16 – Văn hóa.

2.16.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ số thôn, bản, ấp xã đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới ($\geq 75\%$).

2.16.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

* *Nội dung thực hiện:* Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” tỉ lệ hàng năm có 8/8

KDC đăng ký KDC văn hóa và 95-99% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa. Cuối năm bình xét có từ 8/8 KDC đạt văn hóa, từ 95-99% hộ đạt gia đình văn hóa.

* Khối lượng thực hiện:

- Kết quả bình xét gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa năm 2022 xã Lộc Hòa: Cả xã đăng ký đầu năm 1431 hộ, cuối năm bình xét 1445 hộ, số hộ đạt gia đình đạt văn hóa 1416/1431 hộ, chiếm tỷ lệ 98,9% không đạt 29 hộ chiếm tỷ lệ 1,1%.

- Kết quả bình xét gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa năm 2022 xã Lộc Hòa: có 8/8 KDC được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quyết định số: 5434/QĐ-UBND huyện Lộc Ninh ngày 28/11/2022.

2.16.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 16 - Văn hóa: **Đạt.**

kinh phí thực hiện năm 2022: 60 triệu đồng

2.17. Tiêu chí số 17 – Môi trường.

2.17.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn $\geq 55\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung).

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%.

- Cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2m^2$ /người.

- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định;

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường $\geq 80\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 65\%$.

2.17.3. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Về Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch: Ngoài nguồn nước sinh hoạt là các giếng đào, giếng khoan để phục vụ sản xuất sinh hoạt, trên địa bàn xã còn có một công trình cấp nước tập trung các hộ dân chỉ sử dụng trong mùa khô hạn, ngoài ra nhiều hộ dân còn sử dụng hệ thống lọc nước hộ gia đình và nước đóng bình đảm bảo

yêu cầu nước sạch để sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt, hiện nay trên địa bàn xã có 1506/1533 hộ sử dụng nước HVS từ các nguồn như trên, đạt 98%. Đạt.

- Về Tỷ lệ hộ sản xuất kinh doanh làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đạt.

+ Tổ chức tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề thực hiện đảm bảo quy định bảo vệ môi trường: hồ sơ thủ tục pháp lý về môi trường và thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết.

+ Hiện có 134/134 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã đã có cam kết không vi phạm các quy định về Bảo vệ môi trường và thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết, đạt 100% .

+ Cơ sở SXKD dịch vụ có công trình thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải đảm bảo xử lý các chất thải trước khi thải ra môi trường, hạn chế tiếng ồn, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh và người lao động.

+ Có các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn đúng quy định.

- Về Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt.

Đối với khu dân cư tập trung, khu vực công cộng:

+ Định kỳ UBND xã phối hợp với Ban Điều hành các ấp tổ chức ra quân vệ sinh đường làng, ngõ xóm.

+ Các ban ngành đoàn thể xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân vệ sinh môi trường tại các khu dân cư; xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các tuyến đường tự quản sáng - xanh - sạch - đẹp.

+ Các tổ chức đoàn thể trên địa bàn xã thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân tham gia phong trào bảo vệ môi trường như nạo vét, cải tạo kênh mương 5.8 km nhằm tạo ra không gian, cảnh quan sạch, thông thoáng. (Kế hoạch số 03/ KH – ĐTN ngày 27/01/2021; Kế hoạch số 09/ KH – ĐTN ngày 13/05/2021; Kế hoạch số 02/ KH – ĐTN ngày 18/01/2022; Kế hoạch số 03 KH – ĐTN ngày 23/04/2022, Kế hoạch số 05 KH – ĐTN ngày 07/05/2022 của BHC Đoàn Xã).

+ Các tuyến đường ở các khu dân cư, khu vực công cộng được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa. Người dân đã thực hiện cải tạo vườn, xây dựng hàng rào, cổng ngõ sạch đẹp, hàng rào bằng cây được cắt tỉa gọn gàng.

+ Trên địa bàn xã không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường; các hoạt động chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất kinh doanh của người dân đều đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

+ Các hộ gia đình ở các tuyến đường chính đều đăng ký xe thu gom rác với lực lượng thu gom; những hộ ở các tuyến đường nhỏ, xa trung tâm thì có các lò đốt rác mini tại hộ và hố chôn lấp chất thải sau khi đã phân loại, đảm bảo hợp vệ sinh. Không có các hoạt động phát tán khí thải, nước thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Mỗi hộ gia đình đều có hệ thống thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại hoặc hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường. Các hộ dân đều có nhà vệ sinh, nhà tắm hợp vệ sinh, hệ thống tiêu thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường. Những hộ có chăn nuôi gia súc, gia cầm bố trí

chuồng trại các xa nguồn nước, chất thải được thu gom và xử lý đúng quy định, hợp vệ sinh.

Đã hình thành các tuyến đường hoa, trồng cây xanh với tổng chiều dài 14 km (gồm các loại hoa như cỏ lạc, mười giờ, cây xanh như dầu, giáng hương...).

- Về Đất trồng cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$: Đạt.

UBND xã đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp với BDH các ấp bố trí sử dụng đất để trồng cây xanh đảm bảo theo quy định. (Dọc theo các tuyến đường Quy hoạch trên địa bàn xã, UBND xã và tại trụ sở BDH các ấp, trường học, trạm y tế, trạm dân quân y... với diện tích $14.563\text{ m}^2/6.017$ khẩu; chiếm $2,4\text{m}^2/\text{người}$).

- Về Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

Xã có 01 nghĩa trang tại ấp 8A, có cảnh quan và môi trường đảm bảo; việc chôn cất người chết trong nghĩa trang phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của địa phương và theo Quy chế quản lý nghĩa trang (Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND xã Lộc Hòa về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang xã Lộc Hòa).

- Về Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 90\%$: Đạt.

Các hộ dân sống dọc theo tuyến đường Quốc lộ 13, đường liên xã đăng ký với xe thu gom rác thải, những hộ sống ở các tuyến đường nông thôn, xa trung tâm xã thì xây lò đốt rác mini hoặc hố chôn lấp chất thải sau khi đã phân loại, đảm bảo vệ sinh. Không có các hoạt động phát tán khí thải, nước thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Mỗi hộ gia đình đều có hệ thống thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại hoặc hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường. Các hộ dân đều có nhà vệ sinh, nhà tắm hợp vệ sinh, hệ thống tiêu thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường. Những hộ có chăn nuôi gia súc, gia cầm bố trí chuồng trại các xa nguồn nước, chất thải được thu gom và xử lý đúng quy định, hợp vệ sinh.

Các khu dân cư đều có hương ước cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải, nước thải.

Tổng lượng Rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã là $758\text{ kg/ngày}/8\text{ KDC}$ và tỷ lệ xử lý theo quy định đạt 100% , trong đó có 100 hộ đăng ký thu gom rác với đơn vị thu gom, 1.415 hộ tự xử lý theo quy định bằng các hình thức chôn, đốt. Tổng lượng Chất thải rắn không nguy hại phát sinh trên địa bàn xã là 270 kg/ngày và tỷ lệ xử lý theo quy định $250/270$ đạt 93% .

- Về Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đạt.

Trên địa bàn xã không có tình trạng phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt bừa bãi ra môi trường.

Việc thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật được tiêu hủy ngay tại chỗ. Tổng khối lượng bao gói thuốc BVTV trên địa bàn là 12/12 kg/năm (Đa số các hộ tự thu gom xử lý bằng hình thức đốt rác và chôn lấp), tỷ lệ được thu gom xử lý là 100%.

Các khu dân cư đều có hương ước cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải.

Rác thải y tế được thu gom vận chuyển về lò đốt rác thải của TTYT huyện Lộc Ninh. Tổng chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn là 240/240kg/1 năm. Tỷ lệ được thu gom xử lý là 100%.

- Về Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Đạt.

Có 1314/1416 hộ; đạt 92,79%, vận động các hộ xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; vận động các hộ chăn nuôi hợp vệ sinh. Thực hiện điều tra Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn.

- Về Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường (80%):

Tiến hành thống kê, rà soát các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã, thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra, nhắc nhở các hộ chăn nuôi, các chủ trại, trang trại thực hiện tốt công tác vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường. Xây dựng các mô hình chăn nuôi có sử dụng hệ thống Biogas bằng vật liệu composite, giúp tiết kiệm chi phí cho người chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường.

Kết quả có 416/416 hộ, đạt 100%. Đạt.

- Về Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đạt.

Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; hướng dẫn các hộ sản xuất, kinh doanh hồ sơ, thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Giấy cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.

Kết quả 46/46 hộ, đạt 100%.

- Về Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 30\%$).

Các hộ dân sống dọc theo tuyến đường Quốc Lộ 13 và đường liên xã đăng ký với xe thu gom rác thải, những hộ sống ở các tuyến đường nông thôn, xa trung tâm xã thì xây lò đốt rác mini hoặc hố chôn lấp chất thải sau khi đã phân loại, đảm bảo vệ sinh. Không có hoạt động phát tán khí thải, rác thải ra môi trường.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 475/1.516 hộ, đạt 0.31%. Đạt.

- Về Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 65\%$):

Hàng tháng, các ban ngành, đoàn thể phối hợp ra quân, phát động phong trào thu gom rác thải nhựa trên địa bàn xã, qua đó tuyên truyền, nâng cao ý thức cho người dân trong việc bảo vệ môi trường sống. Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh khoảng

303kg/ngày (bình quân 0,2 kg/hộ/ngày), tỷ lệ được thu gom, tái chế, tái xử lý 225/303 kg đạt 74%. Đạt.

- Kinh phí thực hiện năm 2022: 362 triệu đồng.

2.17.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm: **Đạt**.

2.18. Tiêu chí số 18 – Hệ thống chính trị xã hội và tiếp cận pháp luật.

2.18.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Báo cáo hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức xã và đánh giá so với tiêu chuẩn quy định, nêu cụ thể chức danh đạt chuẩn, chức danh không đạt chuẩn, lý do, cách khắc phục đối với những cán bộ, công chức xã chưa đạt chuẩn.

- Kết quả đánh giá, phân loại Đảng bộ, chính quyền của xã “trong sạch, vững mạnh”, đề nghị báo cáo cụ thể kết quả năm trước năm đánh giá công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, dự kiến kết quả đánh giá Đảng bộ, chính quyền năm đánh giá công nhận nông thôn mới (trường hợp khi thẩm định chưa có kết quả đánh giá).

- Kết quả đánh giá, phân loại các tổ chức - chính trị xã hội của xã đạt loại khá trở lên (đề nghị báo cáo như phân đánh giá Đảng bộ, chính quyền xã).

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Kết quả đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình ; bảo trợ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn.

2.18.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: 21/21 cán bộ công chức và đáp ứng tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định số: 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/1/2004 của Bộ nội vụ, Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ, Thông tư 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 30/2013/QĐ/UBND ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh Bình Phước.

Biểu thống kê số lượng, chất lượng cán bộ công chức xã

Cán bộ công chức	Học vấn			Chuyên môn				Chính trị			Tin học	Ngoại ngữ
	Tiểu học	TH CS	THPT	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
Cán bộ chuyên trách			11	5	1	4	1	0	11	0	11	4
Công chức			10	8	0	2	0	0	4	5	10	7
Tổng cộng			21	13	1	6	1	0	15	5	21	11

Tỷ lệ %			100	61,9	4,76	28,57	4,76	0	71,43	23,9	100	52,4
---------	--	--	-----	------	------	-------	------	---	-------	------	-----	------

- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Năm 2021, Đảng bộ và chính quyền được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số: 8109/QĐ – UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Lộc Ninh).

Đánh giá sơ bộ 10 tháng đầu năm 2022; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Năm 2021, có 5/5 tổ chức chính trị - xã hội đều được cấp trên đánh giá đạt loại tốt trở lên. Đánh giá sơ bộ 10 tháng đầu năm 2022, các Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại tốt trở lên.

- Năm 2021 xã được đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quyết định số 384/QĐ-UBND, ngày 27/01/2022 của UBND huyện Lộc Ninh.

Đánh giá sơ bộ đến cuối tháng 11 năm 2022, xã cơ bản đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND huyện công nhận tiếp cận pháp luật năm 2022.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

+ Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị: Hiện nay trên địa bàn xã 01 tổ phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế (08 thành viên) 06 Chi hội tại KDC có vốn xoay vòng giúp đỡ chị em phát triển kinh tế.

+ Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của tỉnh: Trong thời gian qua trên địa bàn không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, tất cả các trường hợp kết hôn đều tuân theo nguyên tắc hôn nhân tự nguyện; tỷ lệ giới tính khi sinh vẫn ở mức cân đối, trong năm 2022 có 97 trẻ được sinh ra, trong đó có 55 nữ và 42 nam.

+ Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình: Trong thời gian qua trên địa bàn xã không có vụ việc bạo lực nghiêm trọng xảy ra, nhưng 8/8 ấp trên địa bàn xã đều đã chủ động chọn được “Địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh” để tiếp nhận, bảo vệ nạn nhân khi có bạo lực xảy ra, đó là nhà của Trưởng ấp hoặc chi hội trưởng phụ nữ (nếu nhà đó đủ điều kiện) để bảo vệ an toàn tuyệt đối cho nạn nhân. Theo quyết định số 1184/QĐ-UBND của UBND xã Lộc Hoà ngày 31 tháng 12 năm 2021.

+ Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: Công chức VHXXH (phụ trách LĐTBXH) được bố trí phụ trách kiêm nhiệm chức danh bảo vệ, chăm sóc trẻ em .

+ Có Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã: Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em xã Lộc Hoà được thành lập theo Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND xã Lộc Hoà và ban hành quy chế làm việc của Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em xã.

+ Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của tỉnh: 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã Lộc Hoà đều được trợ giúp, đảm bảo đạt chỉ tiêu.

Trong năm 2022, xã Lộc Hoà không có xảy ra các vấn đề bạo lực trên cơ sở giới cũng như không nhận được đơn thư phản ánh về việc bạo lực trên cơ sở giới.

+ Đối với công tác hỗ trợ trẻ em bị xâm hại: Xảy ra 01 vụ xâm hại trẻ em được phát hiện kịp thời và công an xã đã làm hồ sơ gửi Công an huyện đã thụ lý hồ sơ.

+ Đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã: Hội LHPN xã đã hỗ trợ bé Thị Lung sinh năm 2012 bị thận nặng– hỗ trợ về thủ tục, hồ sơ làm bảo hiểm y tế, nhằm cho bé kịp thời nhập viện chữa trị bệnh. Đến nay bé đã khỏe mạnh.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn: UBND xã đã xây dựng Kế hoạch 21/KH-UBND ngày 11/10/2022 về bồi dưỡng kiến thức xây dựng xây thôn mới trên địa bàn xã, trong đó triển khai nội dung tuyên truyền về chương trình xây dựng nông thôn mới; triển khai Bộ tiêu chí NTM mới, các văn bản của chương trình cho Thành viên Ban quản lý xây dựng NTM xã và các Trưởng ấp.

2.18.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt

2.19. Tiêu chí số 19 – An ninh và Quốc quốc phòng

2.19.1. Yêu cầu của tiêu chí.

* Về Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

(1). Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. (Đạt)

a) Hằng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) xã căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Sau khi nhận được các văn bản, Chỉ thị, Kế hoạch của trên Ban CHQS xã đã tổ chức quán triệt cho đơn vị và triển khai thực hiện. Đồng thời thực hiện xây dựng đầy đủ các kế hoạch theo quy định. Làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; củng cố, kiện toàn các hội đồng về lĩnh vực QP - AN.

Ban hành Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng – an ninh; Nghị quyết lãnh đạo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Kế hoạch của UBND xã về việc phát triển Kinh tế - văn hóa xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh luôn được thể hiện rõ vai trò quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã, xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp; xây dựng quân nhân dự bị hạng 1 đạt chỉ tiêu, Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, giáo dục quốc phòng an ninh cho các đối tượng; phối hợp với các lực lượng trong giữ gìn ANCT-TTATXH ở địa phương; quan tâm chăm lo chính sách hậu phương quân đội.

b) Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã:

- Hằng năm UBND xã chỉ đạo cho ban CHQS xã xây dựng Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động của dân quân; dự toán ngân sách phục vụ hoạt động của ban CHQS xã và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân;

- UBND xã chỉ đạo cho Ban CHQS xã chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; và Nghị định 03; kế hoạch hoạt động hằng năm; kế hoạch công tác đảng công tác chính trị trong từng nhiệm vụ, Các KH SSCĐ Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

(2). Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (Đạt).

a) Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần

- Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, sỹ quan dự bị; Đảng ủy viên, Đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026.

- Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy xã đảm nhiệm.

- Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM) xã đảm nhiệm.

b) Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng:

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ; Lộc Hòa thuộc xã biên giới được bố trí 02 đ/c Pcht Ban CHQS xã, hiện nay đã đủ 02 phó chỉ huy trưởng đảm bảo theo chỉ tiêu quy định. *(theo Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành kèm theo đề án Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2021 - 2025).*

c) Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

- Có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở, cụ thể năm 2022 đạt 75%, năm 2023 đạt 80%, năm 2024 đạt 85%, năm 2025 đạt 90% trình độ cao đẳng, đại học.

Ban CHQS xã có trình độ trung cấp, đại học ngành quân sự cơ sở, cụ thể năm 2022 đạt 100%.

- Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã có trình độ Trung cấp ngành quân sự cơ sở, trung cấp lý luận chính trị - hành chính; sỹ quan dự bị, hiện nay đang học Đại học quản lý nhà nước *(hệ vừa làm vừa học)*.

- 01 đồng chí Phó chỉ huy trưởng Ban CHQS xã có trình độ Trung cấp ngành quân sự cơ sở; trung cấp lý luận chính trị, hiện nay cũng đang theo học lớp Đại học quản lý nhà nước *(hệ vừa làm vừa học)*.

- 01 đồng chí Phó chỉ huy trưởng Ban CHQS xã có trình độ Đại học ngành quân sự cơ sở; trung cấp lý luận chính trị; sỹ quan dự bị.

- Hằng năm cán bộ trong Ban CHQS xã được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

d) Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng; có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật *(quy định tại phụ lục I kèm theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với DQTV)*.

Ban CHQS có trụ sở làm việc riêng bao gồm: Phòng làm việc của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, phòng nghỉ dân quân, nhà bếp ăn tập trung cho dân quân thường trực; phòng giao ban, tuy nhiên hiện nay cơ sở vật chất bàn ghế tại hội trường phòng giao ban của Ban chỉ huy quân sự chưa được trang bị đầy đủ, khi tổ chức giao ban tận dụng hội trường của UBND xã và phòng làm việc của Chỉ huy trưởng, hiện nay đã đề xuất UBND xã bố trí nguồn kinh phí đầu tư mua sắm cơ sở vật chất tại phòng hội trường phòng giao ban Ban CHQS xã.

Chốt dân quân biên được đầu tư xây dựng kiên cố gồm: Phòng làm việc của chốt trưởng, phòng giao ban, phòng nghỉ DQTT, bếp ăn tập trung; nhà vệ sinh, công trình chiến đấu đảm bảo.

(3). Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (Đạt).

Hằng năm và trong năm đã tham mưu cho UBND xã ra quyết định về việc kiện toàn hội đồng GDQP&AN năm 2022. Ban CHQS xã tham mưu cho Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh và cử cán bộ đảng viên và giáo viên thuộc đối tượng 3, 4 đi tập huấn khi cấp trên mở lớp; phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân nhất là các hộ dân sống giáp biên. *(Đạt)*

(4). Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân (Đạt).

a) Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày

23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. *(Đạt)*

Tổng số dân quân trên toàn xã là 131 đ/c được biên chế:

- + Dân quân thường trực 2adqtt = 18 đ/c.
- + Dân quân cơ động 1bdqcd = 28 đ/c,
- + Dân quân tại chỗ 08 adqtc/08ấp = 64 đ/c.
- + Dân quân bình chủng = 21 đ/c gồm: Khẩu đội Cối 60mm 02 KĐ = 06 đ/c, QBTS = 03 đ/c, Công binh = 03 đ/c, Thông tin = 03 đ/c, Y tế = 03 đ/c, Hóa học = 03 đ/c.
- Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm chỉ lệnh, kế hoạch, hướng dẫn công tác kỹ thuật của Ban CHQS huyện năm 2022 về trang bị Vũ khí SSCĐ, LLDQTT xã được trang bị 100% VKTB và 05 bộ CCHT ở xã và chốt DQBG, thường xuyên tổ chức HL cho LLDQTT sử dụng CCHT, VKTB.

Ban CHQS xã được biên chế 02 tủ súng gồm 01 tủ súng trung đội bố trí tại phòng làm việc của đ/c PCHT; 01 tủ súng tiểu đội bố trí tại chốt dân quân biên giới tại phòng làm việc của đ/c PCHT phụ trách chốt; Công tác lau chùi bảo quản luôn được chú trọng, thực hiện công tác lau chùi bảo quản hằng tuần vào giờ thứ 8 ngày thứ 6 và lau chùi sau huấn luyện, VKTB luôn được cất giữ an toàn và đảm bảo cho công tác huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

b) Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương. *(Đạt)*

Chi bộ quân sự xã hiện nay có 11 Đảng viên, chi ủy có 03 đ/c; Bí thư chi bộ là đồng chí Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm, phó bí thư chi bộ được bầu tại đại hội là đ/c Cht/Ban CHQS xã, Chi ủy viên là đ/c Bí thư đoàn thanh niên CSHCM xã.

Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần theo quy định của Điều lệ Đảng, đóng đảng phí đầy đủ. Trong sinh hoạt hằng tháng thực hiện theo hướng dẫn nội dung của buổi sinh hoạt, tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề; Chi bộ tập trung thảo luận và giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Chi bộ, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đảng viên.

Chi bộ thường xuyên đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của đảng ủy, kế hoạch của chính quyền đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, sự vào cuộc của các đoàn thể địa phương và kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chi bộ; Triển khai kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; theo dõi và đánh giá chất lượng thực hiện trong từng tháng.

Thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình sinh hoạt, công tác tự phê bình và phê bình của cán bộ đảng viên; phát huy tinh thần dân chủ, thảo luận, bàn bạc và thống nhất trong đảng; mở rộng và phát huy dân chủ, nhất là khi thảo luận, quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của đảng viên; tạo được không khí cởi mở, chân thành để mọi đảng viên thể hiện chính kiến, tâm tư, nguyện vọng của mình; nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần tự phê bình và phê bình; tăng cường đoàn kết, thống nhất và tình thương yêu đồng chí trong Chi bộ.

c) Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên.

Ban CHQS xã tham mưu cho Đảng ủy ban hành kế hoạch phát triển đảng trong lực lượng Dân quân và Đảng viên giữ chức vụ ấp đội trưởng 2022; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng 20,31%, ấp đội trưởng 8/8 ấp là Đảng viên.

d) Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Căn cứ khoản 1 điều 28 Luật dân quân tự vệ năm 2019 và thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/06/2020. (Đạt)

Tham mưu cấp trên xây dựng kế hoạch huấn luyện DQCTĐ trong tháng 4 và tham gia hội thi, hội thao do Ban CHQS huyện tổ chức. Ban CHQS xã làm tốt công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân thuộc quyền; dân quân thường trực 60 ngày/năm; dân quân năm thứ nhất 15 ngày/năm, dân quân năm thứ 2 trở đi 12 ngày/năm; dân quân tại chỗ 7 ngày/năm

đ) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. (Đạt)

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị và các đợt cao điểm lễ, tết, Ban CHQS xã thực hiện nghiêm công tác trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các cao điểm lễ, tết, sự kiện chính trị của địa phương cũng như các sự kiện lớn trong nước.

Thường xuyên tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương điều chỉnh các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ quốc phòng trình cấp trên phê duyệt đúng theo quy định.

e) Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật. (Đạt)

Căn cứ Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật; Ban CHQS xã hằng năm tổ chức phối hợp với Công an xã, Đội công tác địa bàn Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư, Ban quản lý rừng Lộc Ninh, Kiểm lâm địa bàn trong tuần tra giữ vững ANCT-TTATXH, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng, tuần tra bảo vệ đường biên, cột mốc vào các ngày thứ 3, 5, 7 hàng tuần hoặc đột xuất. Tổ chức hội ý trao đổi thông tin giữa các lực lượng hàng tuần và tham mưu giao ban hàng tháng vào ngày theo quy chế phối hợp.

Ngoài công tác phối hợp tuần tra, Ban CHQS xã – Công an xã – Đội công tác địa bàn, Kiểm lâm địa bàn, Ban quản lý rừng Lộc Ninh thường xuyên phối hợp với các đoàn thể địa phương tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước đến đông đảo các tầng lớp nhân dân trong bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, bảo vệ Cột mốc, đấu tranh phòng chống tội phạm và tổ giác

tội phạm; bảo vệ rừng; tham gia xây dựng Đảng – chính quyền – đoàn thể địa phương vững mạnh; tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

g) Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (*tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động*); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn. *(Đạt)*

- Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội khóa XIII;

- Căn cứ Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính Phủ, quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Ban CHQS xã đã tham mưu cho UBND xã ban hành quyết định thành lập đội xung kích phòng chống thiên tai trên địa bàn xã gồm 50 thành viên trong đó đ/c Cht/Ban CHQS xã là Đội trưởng, Pcht/Ban CHQS xã là Đội phó, cán bộ chiến sỹ BĐQCD và Dqtt xã tham gia vào đội xung kích. Các ấp có tổ viên xung kích của các ấp mỗi ấp một tổ 5 đ/c Trưởng Ban điều hành ấp làm tổ trưởng.

Tham mưu cho Đảng ủy và UBND xã năm 2022 đã tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Lộc Hòa năm 2022 đảm bảo đúng đủ nội dung và đảm bảo an toàn trong quá trình diễn tập.

h) Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật. *(Đạt)*

Hằng năm Ban CHQS xã luôn thực tốt quy trình trong đăng ký, kết nạp, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân.

Ban CHQS xã tiến hành họp ban chỉ huy xét kết nạp dân quân và tham mưu cho UBND xã ban hành quyết định công nhận công dân thực hiện nghĩa vụ dân quân; đồng thời rà soát công dân hoàn thành thời gian nghĩa vụ tham gia dân quân thường trực, dân quân cơ động, dân quân bình chủng, dân quân tại chỗ để tham mưu ban hành quyết định hoàn thành nghĩa vụ cho dân quân.

(5). Xây dựng và quản lý lực lượng Dự bị động viên (Đạt).

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền. *(Đạt)*

Hằng năm Ban CHQS xã thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp.

Ban CHQS xã tổ chức rà soát và phát lệnh của cấp trên huy động lực lượng DBĐV tham gia huấn luyện tại các đơn vị DBĐV huấn luyện tại trung đoàn 736 được 03 đợt 01 đợt cho lực lượng DBBV, 02 đợt cho SQDB và huấn luyện tại Tiểu đoàn huấn luyện, cơ động Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Bình Phước được 01 đợt.

(6). Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh (Đạt).

a) Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản hướng dẫn; Ban CHQS xã tham mưu cho UBND xã kiện toàn Hội đồng NVQS xã, quy chế làm việc, kế hoạch phân công thành viên phụ trách ấp.

Căn cứ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ CHQS tỉnh, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về việc đăng ký NVQS, Hội đồng NVQS xã đã xây dựng kế hoạch đăng ký nghĩa vụ quân sự và phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân hằng năm đạt 100% quân số:

Hằng năm Ban CHQS xã tham mưu cho Hội đồng NVQS xã tổ chức thực hiện quy trình tuyển chọn và công dân nhập ngũ hằng năm đúng theo quy định, tiến hành bình cử từ khu dân cư đến cấp xã, cấp huyện; quân số giao đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

Kết quả đã giao 11/11 công dân lên đường nhập ngũ, (trong đó có 09 TN thực hiện NVQSVà 02 TN thực hiện NVCAND) đúng thời gian quy định, đạt chỉ tiêu trên giao, (Tháng 02/2022). Tổ chức đi thăm chiến sĩ mới nhập ngũ năm 2022 tại Sư Đoàn 9 huyện Củ Chi TP.HCM tháng 4/2022.

- Đăng ký NVQS tuổi 17 năm 2022, kết quả đạt 54/54 TN đạt 100%.

- Phúc tra nguồn TN trong độ tuổi SSNN từ 18-27 được 236 TN.

- Tham mưu tổ chức xét duyệt chính sách, chính trị cấp xã, cấp huyện. Tổng nguồn TN trong độ tuổi SSNN năm 2023: Đủ điều kiện khám sức khỏe 92 hồ sơ, miễn gọi nhập ngũ 0, chính trị đạo đức 10, tạm hoãn về văn hóa thấp 57 hồ sơ, HSSV 35 hồ sơ, tạm hoãn về chính sách 10 hồ sơ, không đủ sức khỏe 27 hồ sơ, không có mặt ở địa phương 05 hồ sơ.

- Thực hiện đầy đủ các quy trình về công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ 2023.

- Tham mưu tổ chức khám sơ tuyển quân sự tại Trạm Y tế xã Lộc Hòa, kết quả: Tổng số thanh niên khám sơ tuyển 71, đủ điều kiện khám sức khỏe tại tuyển huyện 55 tổng số phát lệnh 41 thanh niên.

- Hệ thống sổ sách quản lý TN, công tác tuyển quân thực hiện tốt theo hướng dẫn của Cơ quan quân lực/Ban CHQS Huyện.

b) Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng.

Ban CHQS xã chủ động phối hợp với các hội đoàn thể từ xã đến các ấp tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân vận động con em của đoàn viên hội viên thi vào các trường quân đội.

(7). Thực hiện chế độ, chính sách, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Đạt).

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết

tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

Căn cứ Luật dân quân tự vệ năm 2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ. Ban CHQS xã đã tham mưu cho Hội đồng nhân dân, UBND xã bảo đảm chế độ chính sách cho dân quân như sau.

- Phụ cấp chức vụ chỉ huy dân quân tự vệ theo tháng như sau:
 - + Chỉ huy trưởng, chính trị viên Ban CHQS xã: 357,600 đồng;
 - + Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban CHQS xã: 327,800 đồng;
 - + Thôn đội trưởng kiêm tiểu đội trưởng dqtc: 208,600 đồng;
 - + Trung đội trưởng dqcd: 298,000 đồng;
 - + Tiểu đội trưởng dqtt, Kdt: 178,800 đồng.
- Phụ cấp ngày công lao động, tiền ăn cho dqtt và dq được điều động lên làm nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, tuần tra và thực hiện các nhiệm vụ khác.
 - + Tiền ăn: 149,000 đồng/ngày;
 - + Tiền ăn: 65,000 đồng/ngày;
- Chế độ bảo hiểm y tế: Tham mưu cho UBND mua bảo hiểm y tế cho dân quân thường trực xã.
- Phối hợp với cấp trên thực hiện tốt các chế độ chính sách cho lực lượng dự bị động viên như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp quân nhân trong biên chế; phụ cấp khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện; giúp đỡ quân nhân khi gặp khó khăn, hoạn nạn.
- Tham mưu cho UBND xã thực tốt chính sách hậu phương quân đội như: lập hồ sơ đề nghị cấp trên giải quyết chế độ cho đối tượng chính sách được hưởng theo Quyết định 142, 290, 49, 62, của chính phủ, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực hay gây phiền hà người dân; thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng nhân các ngày lễ, tết trong năm; tham mưu cho HĐ NVQS xã tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho công dân lên đường nhập ngũ cũng như công dân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương.
- Trong thời gian qua Ban CHQS xã chưa có nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo cán bộ, chiến sỹ dân quân vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước trong thực thi công việc tại địa phương.

(8). Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng (Đạt).

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng tại địa phương, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

Tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã, UBND xã tổ chức quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng – an ninh trên địa bàn trong đó tập trung hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao trình độ dân trí, hỗ trợ xây nhà ở và đất sản xuất; đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng chốt dân quân biên giới, công trình chiến đấu tại chốt. Chốt Dân biên giới có diện tích 8,3 héc ta đã trồng cây

cao su hợp đồng với tư nhân đầu tư chăm sóc hiện đã thu hoạch được năm thứ 3, xây dựng nhà ở khu dân cư liền kề chốt dân quân biên giới. Hiện nay đã xây dựng xong được 10 căn nhà và đã bàn giao cho các hộ dân đưa vào sử dụng và đang mở rộng xây dựng thêm 10 căn nhà hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện phần lắp đặt cửa và quét sơn để bàn giao cho các hộ dân được thụ trong tháng 12/2022.

(9). *Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng (Đạt).*

a) Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “*Tôi yêu chiến sỹ sao vương*” và “*Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam*”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, trong đó tập trung vào các nội dung như: Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, Luật NVQS, Luật quốc phòng, Luật DQTV, Luật dự bị động viên luật biên giới quốc gia; luật biển đảo..v.v., âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đến đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân thông qua các buổi sinh hoạt của các Hội – Đoàn thể. Từ đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, tích cực vươn lên làm giàu chính đáng, tuyệt đối không nghe theo lời của kẻ xấu, tham gia các phong trào ở địa phương, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tổ chức cho dân quân đăng bài trên trang facebook “*Tôi yêu chiến sỹ sao vương*” và “*Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam*”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

b) Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên.

Ban CHQS xã chủ động phát động thi đua đột kích lập thành tích chào mừng các ngày lễ, tết, phong trào thi đua quyết thắng năm đến 100% cán bộ, chiến sỹ dân quân thuộc quyền và các đợt huy động quân nhân dự bị tập trung huấn luyện. Tổ chức họp Ban CHQS xã và cán bộ quản lý dân quân để xét thi đua khen thưởng hằng năm hoặc khen thưởng đột xuất đúng quy định; công tác thi đua khen thưởng luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ và sự đồng thuận cao của tất cả cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị.

* Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm các tội về xâm hại trẻ em; phạm tội và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm ít nhất 5% so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

a. Công tác tham mưu hướng dẫn: Trong 10 tháng đầu năm 2022 Công an xã đã tham mưu cho ĐU - UBND xã tiếp tục thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn, bên cạnh đó Công an xã đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp giữa Công an với các đội nghiệp vụ Công an huyện, Ban CHQS xã, các ban ngành đoàn thể, các trường học và các đồn biên phòng đứng chân trên địa bàn về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa phương. Cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy xã về thực hiện công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong năm 2022 phần đầu năm 2022 xã Phước Thiện đạt tiêu chí số 19 và về đích nông thôn mới.

b. Đánh giá công tác thực hiện kết quả đạt được trong việc thực hiện tiêu chí số 19.2.

a. Công tác tham mưu hướng dẫn: Trong 10 tháng đầu năm 2022 Công an xã đã tham mưu cho ĐU - UBND xã tiếp tục thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn, bên cạnh đó Công an xã đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp giữa Công an với các đội nghiệp vụ Công an huyện, Ban CHQS xã, các ban ngành đoàn thể, các trường học và các đồn biên phòng đứng chân trên địa bàn về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa phương. Cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy xã về thực hiện công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong năm 2022 phần đầu năm 2022 xã Phước Thiện đạt tiêu chí số 19 và về đích nông thôn mới.

b. Đánh giá công tác thực hiện kết quả đạt được trong việc thực hiện tiêu chí số 19.2.

+ Chỉ tiêu 1:

* Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT; có bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

* Tổ thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ ANTT; 100% khu dân cư trên địa bàn xã tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT, theo chỉ đạo của UBND và hướng dẫn của cơ quan Công an cấp trên.

* Hàng năm UBND xã có bản đăng ký thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, cuối năm phân loại đạt từ loại khá trở lên.

* Lực lượng Công an xã được xây dựng và củng cố ngày càng trong sạch, vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành Công an. Hàng năm, Công an xã có bản đăng ký thi đua, cuối năm phân loại thi đua tập thể Công an xã đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" trở lên, không có cá nhân Công an xã bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

* Các tổ chức, lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn xã được xây dựng, củng cố vững mạnh và tham gia có hiệu quả vào công tác giữ gìn ANTT; nhân rộng mô hình tiên tiến trong công tác giữ gìn ANTT.

+ Chỉ tiêu 2: Không để xảy ra các hoạt động sau:

* Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế - văn hóa, an ninh- quốc phòng.

* Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- * Không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật.
- * Gây rối An ninh trật tự.
- * Không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp kéo dài trái pháp luật.

- Chi tiêu 3:

- * Kiểm chế và làm giảm các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật so với năm trước;
- * Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

* Kiểm chế và làm giảm tệ nạn xã hội so với năm trước.

* không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng.

Kết quả trong 10 tháng đầu năm 2022

+ Số vụ PPHS trên địa bàn: 07 vụ/22 đối tượng (so sánh với cùng kỳ năm 2021 giảm 09 vụ/12 đối tượng vi phạm)

+ Công an xã chính quy đã trực tiếp giải quyết bao nhiêu vụ: 04 vụ/ 08 đối tượng (giảm 08 vụ/ 16 đối tượng so với cùng kỳ năm 2021)

+ Chuyển Cơ quan điều tra : 03 vụ/14 đối tượng.

Kết quả kiểm chế TNXH

+ Kết quả lập hồ sơ CNBB: 03 TH (so sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng 01 TH)

+ Kết quả đưa đi CNBB: 04 (so sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng 03 TH)

+ Tình hình quản lý người nghiện: 03 đối tượng nghiện (so sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng 01 đối tượng)

Trong năm, địa bàn xã không xảy ra tai nạn giao thông, không xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ.

* Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng.

* Không có vụ việc tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng.

* Kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông và tai nạn lao động ít nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng so với năm trước.

Kinh phí thực hiện: 1.312 triệu đồng.

2.19.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

(Có bảng phụ lục tóm tắt 19 tiêu chí kèm theo)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Tính đến ngày 06/12/2022, xã Lộc Hòa không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới. báo cáo số: 138/BC-UBND ngày 06/12/2022.

Đối với các công trình đầu tư về đích năm 2022 thực hiện nguồn vốn theo Luật đầu tư công đúng quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đủ hồ sơ theo quy định tại điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số 19/19 tiêu chí nông thôn mới của xã Lộc Hòa đã được thành viên của huyện cơ bản đánh giá thống nhất đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Đảm bảo điều kiện xã đạt chuẩn NTM: “Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới” theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

IV. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ

1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

1.1. Quan điểm:

Tiếp tiếp tục triển khai thực hiện giữ vững, nâng chất các chỉ tiêu, tiêu chí. Trong đó trọng tâm là áp dụng các tiến bộ của KHKT vào sản xuất; triển khai thực hiện các phong trào thi đua nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng chính quyền từ xã tới ấp trong việc thực hiện Chương trình nông thôn mới, chú trọng khơi dậy và phát huy tinh thần chủ động, tự giác của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư.

1.2. Mục tiêu:

Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi, giảm dần khoảng cách so với cuộc sống đô thị.

Nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nâng cao vai trò trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, cộng đồng dân cư trong việc xây dựng nông thôn mới.

1.3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới:

+ Tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Thực hiện tốt và đảm bảo quy hoạch theo quy định, thường xuyên kiểm tra kiến nghị điều chỉnh quy hoạch theo sát tình hình thực tế của địa phương.

+ Tiêu chí số 2 về Giao thông: Tiếp tục cứng hóa các tuyến đường đất (sỏi Phún) để đầu đường Bê tông xi măng hoặc đường nhựa để nhân dân đi lại thuận tiện và phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông.

+ Tiêu chí số 3 về Thủy lợi: Thường xuyên kiểm tra toàn, xây dựng phương án PCTT và TKCN đảm bảo 100% không xảy ra các trường hợp xấu về thủy lợi.

Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tuyên truyền hướng dẫn đảm bảo tưới tiêu chủ động, tưới tiết kiệm nước trong nhân dân.

+ Tiêu chí số 4 về Điện: Kiểm tra hướng dẫn nhân dân sử dụng các thiết bị điện đảm bảo an toàn, tiết kiệm. Vận động nhân dân đóng góp để làm đèn đường GTNT cơ bản đáp ứng từ 50% số Km đường GTNT trên địa bàn xã.

+ Tiêu chí số 5 về Cơ sở vật chất trường học: Nâng cao chất lượng về cơ sở vật chất bằng các hình thức như kêu gọi đóng góp, xã hội hóa hoặc đề nghị ngân sách Nhà nước (nếu có) để xây dựng, bổ sung các hạng mục cần thiết cơ bản đáp ứng việc dạy và học theo hướng phát triển mới.

+ Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: Giữ vững tỉ lệ ấp văn hóa theo quy định, vận động nhân dân hoặc xã hội hóa các thiết chế văn hóa của 8/8 KDC đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hội họp của BDH ấp và nhân dân.

+ Tiêu chí số 7 về hạ tầng thương mại: Nâng cấp, quy hoạch điểm mua bán tập trung thành chợ xã có trong quy hoạch để nhân dân có nơi mua bán trao đổi hàng hóa đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

+ Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông: Tổ chức quản lý và vận hành tốt hệ thống một cửa điện tử. Duy trì hệ thống loa truyền thanh xã, kịp thời đề nghị tăng cường hoặc sửa chữa hệ thống loa bị hư và đề nghị lắp mới các điểm hệ thống loa truyền thanh chưa phát sóng đến nhân dân.

+ Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Vận động nhân dân chỉnh trang khu dân cư, chỉnh trang nhà cửa. vận động nhân dân thường xuyên tu bổ, sửa chữa nhà cửa đảm bảo 3 cứng theo quy định. Kịp thời khắc phục tình trạng nhà cửa bị tóe máe do thiên tai (nếu có) để đảm bảo 3 cứng cho nhân dân có nơi ở an toàn.

+ Tiêu chí số 10 về Thu nhập: Tiếp tục tuyên truyền vận động các hộ tích cực lao động sản xuất, xen canh cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên. Tổ chức các buổi hội thảo chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân. Tìm kiếm, học hỏi những mô hình sản xuất kinh doanh mới, hiệu quả của các địa phương khác để áp dụng về địa phương nhằm nâng cao thu nhập. đảm bảo thu nhập bền vững và lâu dài.

+ Tiêu chí số 11 về hộ nghèo: Thực hiện tốt công tác khảo sát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo hàng năm. Giữ vững tỉ lệ hộ nghèo theo quy định. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo. Vận động nhân dân, mạnh thường quân, doanh nghiệp... thường xuyên chăm lo, hướng dẫn các hộ dân lao động sản xuất nhằm đảm bảo cuộc sống thoát nghèo bền vững.

+ Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm: Vận động tuyên truyền, làm cầu nối giữa UBND xã với các doanh nghiệp trong và ngoài xã để định hướng, liên kết giới thiệu việc làm cho các lao động trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định. Đồng thời tạo sân chơi như bóng đá, bóng chuyền và các hoạt động xã hội khác để thanh niên rèn luyện sức khỏe hằng say lao động không tham gia các tệ nạn xã hội....

+ Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất: Theo dõi, hướng dẫn và tạo điều kiện để HTX, câu lạc bộ hoạt động ngày càng hiệu quả. Đồng thời hướng dẫn hộ dân canh tác cây trồng theo đúng tiêu chuẩn quy định để được chứng nhận VietGap (cây sầu riêng).

+ Tiêu chí số 14 về Giáo dục, đào tạo: Thường xuyên nâng cao trình độ, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn để nâng cao chất lượng dạy và học theo xu hướng phát

triển của giáo dục. kịp thời áp dụng những cách dạy hay, những thay đổi của sách giáo khoa để giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng của công tác dạy và học.

+ Tiêu chí số 15 về Y tế: Đảm bảo cơ sở y tế luôn phục vụ tốt nhất đến nhân dân, đáp ứng mọi nhu cầu về y tế của nhân dân trong tình hình mới, kịp thời, chủ động ứng phó với các đại dịch(nếu có), tiếp tục tuyên truyền vận động nâng cao tỉ lệ người dân tham gia mua BHYT , để nhân dân ý thức rõ về lợi ích mà BHYT mang lại.

+ Tiêu chí số 16 về Văn hóa: Hàng năm thực hiện tốt việc triển khai xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư theo quy định, giữ vững tỉ lệ ấp văn hóa. Đồng thời tuyên truyền khôi phục các phong trào văn hóa truyền thống như: điệu nhảy, điệu múa cồng chiêng của ĐBDT X' tiêng...

+ Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

-Phát động phong trào thanh niên giúp nhau dọn dẹp vệ sinh nơi cư trú, xây dựng hồ rác sinh hoạt tại gia, không xả rác bừa bãi, dọn dẹp, chỉnh trang nhà cửa, vườn, kiến trúc cho ngăn nắp.

- Tuyên truyền, giao nhiệm vụ cụ thể cho người đứng đầu đẩy mạnh công tác môi trường để không có hiện tượng rác thải tại các cơ quan công sở, trường học, nhà văn hóa, dọc các tuyến đường giao thông.

- Tiếp tục có kế hoạch cụ thể và triển khai: Phân công các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị có liên quan, vận động nhân dân trồng cây tạo bóng mát, trồng hoa ven các tuyến đường giao thông trên địa bàn để tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Trong đó, đẩy mạnh hoàn thiện một số đoạn đường cảnh kiểu mẫu làm mô hình dễ phổ biến và nhân rộng .

- Định kỳ 01 ngày/ 02 tuần: dọn vệ sinh, trồng cây xanh, trồng hoa để từng bước góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân cộng đồng. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức chính trị - xã hội tham gia phối hợp về công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường.

- Nâng cao trách nhiệm của ban giám hiệu các trường trên địa bàn và tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức của học sinh về để rác thải đúng nơi quy định. Định kỳ trong tuần kêu gọi giáo viên và học sinh tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, hoa...

- Nâng cấp hệ thống các rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ các tuyến đường giao thông để đảm bảo hiệu quả sử dụng, cấm biển giao thông.

- Yêu cầu các có sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có cam kết và đồng hành tuyên truyền về công tác nâng cao ý thức bảo vệ môi trường .

- Bổ sung các pano, áp phích, băng rôn tuyên truyền về môi trường, sơn sửa lại các tấm biển đã xuống cấp...

+ Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Vận động cán bộ công chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn; Thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy từ xã tới ấp; Thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; Phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực gia đình.

+ Tiêu chí số 19 về An ninh và Quốc phòng: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hai lực lượng về hoạt động tuần tra truy quét làm trong sạch địa bàn; Thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện di biến động của các đối tượng; Đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

Sau khi được công nhận xã NTM, UBND xã Lộc Hòa rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng kế hoạch, lộ trình và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

Triển khai thực hiện Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu ấp 6 năm 2023.

V. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh Bình Phước thẩm định, xét, công nhận xã Lộc Hòa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện Lộc Ninh về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Lộc Hòa năm 2022 của UBND huyện Lộc Ninh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BCĐ, VPĐP tỉnh;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các tổ chức CT-XH;
- TV BCĐ huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, VP.ĐPNTM huyện.

CHỦ TỊCH

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2022 CỦA XÃ LỘC HÒA.**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện Lộc Ninh)

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	-QĐ: 6078/QĐ-UBND Huyện phê duyệt đề án; -QĐ: 2345/QĐ-UBND Huyện phê duyệt đồ án -UBND xã ký HĐ lập quy hoạch giai đoạn 2021 – 2025. Kinh phí: 285 triệu đồng	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	QĐ số: 2345/QĐ – UBND Huyện về ban hành quy định quản lý XD theo QH NTM	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	-16.2 km láng nhựa	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	-13.3 km BTXM -17.7 km láng nhựa - 9.6 km CPSĐ Tổng: 46.6km	100%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100%	-4.64 km BTXM	100%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%	-0.3 km BTXM -0.7 km CPSĐ Tổng: 1km	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	-S đất SXNN được tưới chủ động: 866/952 ha. Đạt 90.96% -S đất SXNN và Phi NN được tiêu chủ động 530/553ha. đạt 95.84 %	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	-QĐ 438/QĐ-UBND xã kiện toàn BCH PCTT & TKCN -QĐ 440/QĐ – UBND xã phân công nhiệm vụ BCH -QĐ 439/QĐ – UBND xã quy chế hoạt động BCH	Đạt

				- KH 03/KH – UBND về PCTT & TKCN nà. - Trang bị đầy đủ trang thiết bị PCTT & TKCN	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	-Trạm biến áp 62 trạm (17 trạm 3 pha, 1 trạm 1pha) -Đường dây trung thế: 32.9 km (3P 12km, 20.9 km 1p) - Đường dây hạ thế: 39km	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	1.484/1.484 hộ	100%
		4.3. Tỷ lệ đường được chiếu sáng trong khu dân cư hoặc dân cư cư trú.	≥7%	16.69/62.44 km	27%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Các xã có từ 03 trường trở xuống.	100%	-Trường TH & THCS: đạt, năm 2022 đầu tư 5.500 triệu đồng -Trường mẫu giáo Hoa Phượng: đạt, năm 2022 đầu tư 3.200 triệu đồng	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	-Hội trường xã: 450 m ² , đầy đủ trang thiết bị -Sân bóng xã 4.000 m ² đầu tư mới năm 2022: 800 triệu đồng -Sân bóng chuyên 02 sân KT: 14mx24m	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	-1.100 m ² khu vui chơi trước công UBND xã đầu tư mới năm 2022: 1.130 triệu đồng	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	-8/8 nhà văn hóa . năm 2022 xây dựng mới 04 NVH	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, việc xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Đạt	Xã không có quy hoạch chợ của Huyện	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	-01 điểm đạt tại ấp 8C	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông.	Đạt	8 ấp có hạ tầng viễn thông.	Đạt

		internet			8/8 ấp có sóng di động Wifi, 3G, 4G	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	-8/8 ấp có loa hoạt động (01 hệ thống loa truyền thanh + 15 cụm loa thông minh) -Đài truyền thanh xã có đủ cơ sở vật chất	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt	-cơ sở vật chất: máy tính/số CB,CC: 25/25 -TTHTCĐ xã: 01 phòng họp trực tuyến. -Từ ngày 19/05/2022 bộ phận 01 của xã thực hiện DV công trực tuyến mức độ 3,4.	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không	không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		90%	1.484/1.484 hộ	100%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022	≥ 62	-Tập trung ưu tiên các chính sách để hỗ trợ nhân dân nâng cao thu nhập. -Liên kết các công ty giới thiệu việc làm nâng cao thu nhập.	=66.881
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		$\leq 0.5\%$	-Hộ nghèo 05/1.637 hộ đạt 0.31% . trừ 4 hộ hưởng BTXH, không có khả năng lao động còn 01/1637 hộ đạt 0.06%. -Hộ cận nghèo 08/1.637 hộ đạt 0.49%. trừ 4 hộ hưởng BTXH, không có khả năng lao động còn 04/1637 hộ đạt 0.2%. -Tổng hộ nghèo và hộ cận nghèo 05/1.637	=0.26 %
12	Lao động có việc làm	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 80\%$	-LĐ nam: 1.321/1.601 người, đạt 82% -LĐ nữ: 1.290/1.542 người, đạt 83% Tổng: 2531/3143 người, đạt: 80.5%	=80.5%
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 30\%$	-LĐ Nam có bằng cấp: 480/1.601 người, đạt 30% -LĐ nữ có bằng cấp: 458/1.542 người đạt 30% -Tổng: 938/2143 người đạt 30%	= 30%
13	Tổ chức			Đạt	HTX chăn nuôi dê sinh sản	Đạt

		động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		xã Lộc Hòa -GCN HTX số: 3801261344 ngày 26/11/2021	
	sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt và gấp 1,5 lần so với bình quân của huyện	-CLB sản xuất hồ tiêu bền vững ấp 6 (kết hợp Công ty Nedspice): 19.1 ha -CLB sản xuất hồ tiêu bền vững ấp 7 (kết hợp Công ty Nedspice): 15.5 ha	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	-Hiện đang trình hồ sơ phê duyệt công nhận VietGAP đối với cây sầu riêng ấp 6 – xã Lộc Hòa. Dự kiến đến quý I – năm 2023.	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	-Xã không có làng nghề truyền thống	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	-Thành lập 01 tổ khuyến nông QĐ số: 540/QĐ – UBND gồm 07 thành viên	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	-Được UBND Huyện công nhận QĐ số: 7830/QĐ-UBND huyện chuẩn quốc gia về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥90%	≥90,5%	100%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	-tính đến 14/11/2022 5.746/6.114 người	=93.98%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	-UBND Tỉnh công nhận tại QĐ số: 2250/QĐ-UBND Tỉnh. -ngày 24/09/2022 UBND Huyện thẩm tra lại bộ tiêu chí đạt 88 điểm (đạt)	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤14.5%	-36/544 trẻ (đạt)	= 6.62%

		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh diện tử	- Năm 2022-2024: $\geq 70\%$ - Năm 2025: $\geq 95\%$	- chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa đánh giá	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 75\%$	-số hộ gia đình văn hóa 1.416/1.431 đạt 98.9%, không đạt 29/1.431 tỉ lệ 1.1% -Gia đình văn hóa, KDC văn hóa được công nhận tại thông báo số: 14/QĐ-UBND Huyện -kế hoạch thực hiện CT XDNTM của 8/8 KDC	=98.9%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 55\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	1.506/1.533 sử dụng nước HVS	=98%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	-134/134 hộ kinh doanh có cam kết bảo vệ môi trường	=100%
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	-Tuyên truyền vận động nhân dân vệ sinh môi trường. -các tổ chức đoàn thể lập kế hoạch bảo vệ, vệ sinh môi trường. -tạo vết mương đất, đá.	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	-14.563 m^2 cây xanh/6.017 khẩu	=2.4 $\text{m}^2/\text{người}$
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	100%	-Nghĩa trang nhân dân xã Lộc Hòa- tại ấp 8A – 3 hecta. -QĐ số 04/QĐ – UBND quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang.	100%
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	-250kg/270kg/1 ngày	=93%
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	-Bao gói thuốc BVTV 12/12kg/1 năm được xử lý 100% bằng hình thức đốt và chôn lấp. -Rác thải y tế thu gom về TTYT huyện xử lý 240/240kg/1 năm xử lý 100%	100%

		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³	$\geq 90\%$	-1.314/1.416 hộ	=92.79%
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	80%	-416/416 hộ	100%
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	-46/46 hộ	100%
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	475/1.516 hộ	0.31%
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 65\%$	225/303kg/ngày	=74%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	-21/21 cán bộ công chức đáp ứng tiêu chuẩn theo QĐ số: 04/2004/QĐ – BNV, Nghị định: 112/2011/NĐ-CP, Thông tư 13/2019/TT – BNV, quyết định số: 30/2013/QĐ-UBND tỉnh.	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	-Hoàn thành tốt nhiệm vụ theo QĐ số: 8109/QĐ-UBND huyện -Đánh giá sơ bộ 10 tháng đầu năm 2022 Đảng bộ, chính quyền đạt “ Trong sạch, vững mạnh).	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	-Năm 2021 có 5/5 tổ chức chính trị - xã hội được cấp trên đánh giá đạt loại tốt trở lên. Đánh giá sơ bộ 10 tháng đầu năm 2022 đạt loại tốt trở lên	100%
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	-Năm 2021 xã được đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật theo QĐ số: 384/QĐ – UBND Huyện Lộc Ninh. -Đánh giá sơ bộ đến tháng 11/2022 đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã trình hồ sơ đề UBND Huyện phê duyệt.	Đạt

19	Quốc phòng và An ninh	18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	-01 tổ phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gồm 8 thành viên, 06 chi hội tại KDC có vốn xoay vòng để chị em phát triển kinh tế. -có địa chỉ tin cậy theo QĐ số: 1184/QĐ-UBND xã Lộc Hòa. -có nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã theo QĐ số: 614/QĐ-UBND xã Lộc Hòa (kèm theo quy chế hoạt động).	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	-Kế hoạch số 21/KH – UBND bồi dưỡng kiến thức XD NTM trên địa bàn xã	Đạt
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	-Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương (đạt) -Ban chỉ huy quân sự cấp xã (đạt) -Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng, an ninh (đạt) -Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của LLDQ (đạt) -Xây dựng quản lý LLDB động viên (đạt) -Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh (đạt) -Thực hiện chính sách giải quyết khiếu nại, tố cáo (đạt) -Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng (đạt) -Công tác tuyên truyền thi đua khen thưởng (đạt)	Đạt

	19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; phạm tội và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm ít nhất 5% so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	+ Số vụ PPHS trên địa bàn: 07 vụ/22 đối tượng (so sánh với cùng kỳ năm 2021 giảm 09 vụ/12 đối tượng vi phạm) + Công an xã chính quy đã trực tiếp giải quyết bao nhiêu vụ: 04 vụ/ 08 đối tượng (giảm 08 vụ/ 16 đối tượng so với cùng kỳ năm 2021) + Chuyển Cơ quan điều tra : 03 vụ/14 đối tượng. Kết quả kiểm chế TNXH + Kết quả lập hồ sơ CNBB:03 TH (so sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng 01 TH) + Kết quả đưa đi CNBB: 04 (so sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng 03 TH) + Tình hình quản lý người nghiện: 03 đối tượng nghiện (so sánh với cùng kỳ năm 2021 tăng 01 đối tượng) Trong năm, địa bàn xã không xảy ra tai nạn giao thông, không xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ. * Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng. * Không có vụ việc tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng. * Kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông và tai nạn lao động ít nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng so với năm trước.	
Tổng	19 tiêu chí	Đạt	Đạt

Số: /BC-UBND

Lộc Ninh, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới nâng cao cho xã Lộc Điền năm 2022.**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị Quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 331/VPĐP ngày 13/10/2022 của Văn phòng Điều phối CT MTQG xây dựng NTM tỉnh về việc hướng dẫn tổ chức đánh giá thực hiện các tiêu chí/chỉ tiêu để hoàn thiện hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã NTM nâng cao;

Thực hiện Kế hoạch số 39-KH/HU ngày 01/9/2021 của Huyện ủy Lộc Ninh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Lộc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lộc Ninh, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 5678/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc thay đổi Trưởng ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lộc Ninh, giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của UBND xã Lộc Điền về việc thăm tra, đề nghị xét, công nhận xã Lộc Điền đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2022.

Căn cứ kết quả thăm tra, đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Lộc Điền của các thành viên Ban chỉ đạo cấp huyện. UBND huyện Lộc Ninh báo cáo kết quả thăm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Lộc Điền năm 2022, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG.

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã.

1.1. Vị trí địa lý:

Xã nằm phía Đông nam huyện. Phía Bắc giáp xã Lộc Thuận; phía Tây giáp xã Lộc Thái, phía Nam giáp xã Lộc Khánh, phía Đông giáp xã Lộc Quang và xã An Khương (huyện Hớn Quản). Tổng diện tích đất tự nhiên 3.177,79 ha. Trong đó đất nông nghiệp chiếm trên 80%. Địa hình tương đối bằng phẳng đồi dốc thấp, thoải dần về phía Tây

1.2. Điều kiện tự nhiên.

Xã Lộc Điền thuộc huyện Lộc Ninh, nằm phía Đông Nam của huyện Lộc Ninh, cách trung tâm huyện 10 km. Diện tích đất tự nhiên 3.177,79 ha. Tổng dân số là 7593 người với 1998 hộ, trong đó có 236 hộ dân tộc ít người (Khơ me, Stiêng, và một số hộ Tày, Nùng ...) với 933 nhân khẩu. Cùng với sự phát triển chung của huyện và của tỉnh, trong những năm gần đây tình hình KT-XH của xã Lộc Điền có chiều hướng phát triển khá, đời sống nhân dân từng bước được nâng lên rõ rệt, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Quá trình khảo sát, đánh giá Lộc Điền là xã có điều kiện KT-XH ở mức trung bình khá.

1.3. Kinh tế xã hội của địa phương

Kinh tế của xã trong những năm qua có bước tăng trưởng khá ổn định, cơ cấu kinh tế cơ bản vẫn là nông nghiệp, thu nhập của người dân trong xã chủ yếu là trồng cây công nghiệp dài ngày (cao su, hồ tiêu, điều, cây ăn trái); cây hàng năm (lúa nước, rau, củ quả...); chăn nuôi (heo, dê, bò và gia cầm).

3. Công tác chỉ đạo, điều hành.

Huyện ủy, HĐND hằng năm giao chỉ tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình NTM. UBND huyện, BCD huyện xây dựng kế hoạch, lộ trình giải pháp thực hiện chương trình hằng năm và năm 2022 trên địa bàn huyện và tập trung cho xã Lộc Điền về đích NTM và NTM nâng cao.

Được sự chỉ đạo của BCD tỉnh, Huyện ủy-UBND huyện, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện và các văn bản hướng dẫn của các ban, ngành cấp trên, Nghị quyết của Đảng bộ, HĐND xã, UBND xã tích cực triển khai các phương án triển khai xây dựng NTM trên địa bàn đúng theo kế hoạch cấp trên giao và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Hàng năm, UBND xã luôn kiện toàn Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã do đồng chí Bí thư Đảng ủy-Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; 01 đồng chí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy làm Phó ban, 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND làm Phó ban thường trực. Mời UBMTTQ xã và các ban ngành đoàn thể tham gia Ban quản lý để thuận lợi trong việc triển khai nhiệm vụ tới hội viên, đoàn viên.

Trên cơ sở thành lập Ban quản lý, tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Theo đó, từng thành viên có trách nhiệm theo dõi đôn đốc việc xây dựng NTM trên, từng lĩnh vực được phân công.

Thành lập Ban giám sát cộng đồng, Ban Vận động thực hiện xây dựng nông thôn mới để tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao. Hàng năm xem xét kiện toàn Ban Quản lý và Ban Vận động đủ số lượng theo quy định.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

Nguồn vốn đã bố trí:

Tổng Kinh phí thực hiện: 13.412.000.000 đồng. Trong đó:

Ngân sách nhà nước (tỉnh, huyện): 13.012.000.000 đồng. chiếm 97%.

Nhân dân đóng góp: 400.000.000 đồng. (chiếm 3%)

	Tiêu chí	Tổng KP	Tỉnh/ huyện hỗ trợ	Nhân dân đóng góp	Ghi chú
	Tổng kế hoạch	13.412.000.000	13.012.000.000	400.000.000	
	Thực hiện tập trung năm 2022	13.412.000.000	13.012.000.000	400.000.000	
1	Giao Thông	5.200.00.000	4.900.000.000	300.000.000	
2	Xây dựng công trình đường điện tổ 1,2 ấp 3 tổ	595.000.000	595.000.000		

Tổng thu nhập toàn xã năm 2022 là khoảng 703.708 tỷ đồng, Trong đó: Thu từ nông lâm nghiệp 548,892 tỷ (chiếm 78%); Thương mại - dịch vụ và việc làm 154,815 tỷ (chiếm 22%), thu nhập bình quân đầu người là 92.687 triệu đồng/người/năm, đạt 121,96 % so với Nghị quyết.

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2022 của xã 10-12%.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Thường trực Huyện ủy, Thường trực UBND huyện, Ban Chỉ đạo CTMTQG xây dựng NTM huyện, Lộc Điền đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức xây dựng Nông thôn mới nâng cao.

- Công tác tuyên truyền, vận động đến cán bộ, đoàn viên, hội viên tầng lớp nhân dân được thực hiện rộng rãi và nghiêm túc. Ban Quản lý xây dựng NTM xã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, trước khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng địa phương tiến hành họp dân, thông qua chủ trương xây dựng, lấy ý kiến đóng góp của nhân dân để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, sau đó tổ chức việc niêm yết công khai để nhân dân nắm bắt.

- Sự quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể cùng với sự nhiệt tình ủng hộ của nhân dân (về đất đai, ngày công lao động) đã góp phần tạo nên sức mạnh trong công cuộc xây dựng NTM của xã.

- Địa phương có nhiều thuận lợi, tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội, các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp được triển khai và thực hiện có hiệu quả.

2.2. Khó khăn

- Là xã có xuất phát điểm thấp, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tình trạng sản xuất tự phát còn khá phổ biến nên chất lượng, hiệu quả sản xuất hàng hóa còn hạn chế, tổ chức sản xuất còn yếu, chưa có sự liên kết để chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nông dân một cách bền vững. Đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn, trình độ dân trí có nâng lên nhưng chưa đồng đều;

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư xây dựng, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn. Mạng lưới giao thông tuy đã phát triển rộng khắp, song chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, các tuyến đường liên thôn xây dựng chưa theo quy chuẩn, chật hẹp, chưa đảm bảo cho lưu thông hàng hóa. Hệ thống giao thông vào các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung còn thiếu. Nhà văn hóa các ấp chưa có đầy đủ trang thiết bị.

Hiện tại xã đang điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Điền theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Đã có quyết định 5130/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Điền huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước.

Đang đề nghị chấp thuận chủ trương hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

Kinh phí thực hiện: 284.097.760 đồng

2.1.3. Đánh giá tiêu chí: Cơ bản đạt

2.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông.

2.2.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định. Đạt 100%

- Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn: Được cứng hóa và bảo trì hàng năm: Đạt

- Có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt $\geq 95\%$

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất vận chuyển hàng hóa đạt 100%

2.2.2. Kết quả thực hiện:

+ Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến huyện đã được nhựa hóa (theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT) 18/18 km, đạt 100%. Có lắp đặt đầy đủ biển hệ thống biển chỉ dẫn, chiếu sáng và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt

- Đang triển khai làm mới đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh chiều dài 1,4 km.

+ Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp dài 3,9km được Bê tông, cứng hóa 3,9/3,9km đạt 100%

Đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm được đầu tư xây dựng hệ thống mương thoát nước.

Các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt

	5 ấp 5 xã Lộc Điền				
3	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng	420.000.000	420.000.000		
4	Xây dựng hệ thống biển báo đường giao thông ấp 3 và ấp 5	240.000.000	240.000.000		
5	Văn hóa (xây dựng nhà văn hóa ấp 2, 4, 6 và nhà văn hóa thể dục thể thao đa năng)	6.957.000.000	6.857.000.000	100.000.000	

II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.

Thời gian: /12/2022.

1. Về hồ sơ: Đầy đủ theo quy định tại mục 1, Chương II của QĐ 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 20/20 tiêu chí, đạt 100 %, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 01 – Quy hoạch:

2.1.1. Yêu cầu của tiêu chí:

Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

2.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2013, đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lộc Điền (Giai đoạn năm 2011-2015 và định hướng đến năm 2020) đã UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 30/8/2013.

Năm 2019, đề án điều chỉnh xây dựng nông thôn mới xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh (Giai đoạn 2016-2020) đã UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt theo Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 21/6/2019.

+ Đường ngõ, xóm dài 75km. Đã được cứng hóa 72,1km/75km, đạt 96,1%.
Trong đó có 45,7km đường bê tông và 26,1km đường sỏi đỏ.

Hiện tại các tuyến đường giao thông được nhựa hóa, bê tông hóa đã tạo điều kiện tốt cho việc đi lại của nhân dân, không còn tình trạng lầy lội vào mùa mưa, dịch vụ thương mại được phát triển, từ đó góp phần phát triển kinh tế của địa phương.

Kinh phí thực hiện: 6.400.000.000 đồng

2.2.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.3. Tiêu chí số 3 -Thủy lợi và phòng, chống thiên tai Đạt

2.3.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$
- Có 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: Đạt
- Tỷ lệ diện tích cây trồng cạn chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 35%
- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng được bảo trì, trong đó ít nhất 50% được nâng cấp theo quy định
- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá

2.3.2. Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động 2973,05 ha/2973,05 ha đạt 100%

Trên địa bàn xã hiện có 01 Dập Suối phèn tọa lạc tại ấp 8 xã Lộc Điền có tổng diện tích 12,2 ha. Tích nước sử dụng tưới cho cây trồng có hiệu quả

Hiện hữu xã có 7km kênh mương nội đồng, đã bê tông hóa khoảng 5km và khoảng 500m người dân tự mở nhằm đưa nước đập thủy lợi Bù nâu về sử dụng

Tỷ lệ diện tích cây trồng cạn chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước có 389,5ha/791,5ha đạt 49,2%

Hàng năm thường xuyên kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt

Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã được thành lập và thường xuyên được củng cố, kiện toàn đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Hàng năm các xã đều xây dựng các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai và phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ huy để tổ chức thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người dân nhằm

giảm thiểu thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân khi có thiên tai xảy ra, cơ bản đảm bảo đáp ứng yêu cầu dân sinh và phòng chống thiên tai tại chỗ

2.3.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.4. Tiêu chí số 4 - Điện

2.4.1. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%

2.4.2. Kết quả thực hiện:

Địa phương luôn tích cực hỗ trợ ngành điện trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân phối hợp thực hiện giải phóng mặt bằng, phát hoang cây xanh đảm bảo khoảng cách an toàn hành lang bảo vệ lưới điện, tăng cường công tác tuyên truyền an toàn sử dụng điện trong nhân dân, thường xuyên khảo sát, kiểm tra hiện trạng mạng lưới điện sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã để kiến nghị UBND huyện, Phòng KT-HT huyện, chi nhánh Điện lực huyện nâng cấp, sửa chữa khi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của người dân. Qua điều tra hiện nay toàn xã có 1998/1998 Đạt 100%

Kinh phí thực hiện: 1.015.000.000 đồng

2.4.3. Đánh giá tiêu chí: Xã Lộc Điền đạt theo yêu cầu của tiêu chí số 4 (Điện)

2.5. Tiêu chí số 5 - Giáo dục.

2.5.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: Đạt 100%

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt

- Xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: mức độ 3;

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá: Đạt

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Đạt

2.5.2. Kết quả thực hiện:

Hiện nay tại UBND xã có 4 trường cơ sở vật chất đã đạt được 1 trường là trường tiểu học Lộc Điền A

Còn lại 3 trường là Mẫu giáo, Trường tiểu học Lộc Điền B và trường THCS Lộc Điền đang xây dựng các hạng mục còn thiếu, cơ bản đã đạt

+ Trường tiểu học đang xây dựng 8 phòng học lầu dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2023

+ Trường THCS: Đang xây dựng nhà đa năng, bốn phòng chức năng (2 phòng vi tính, 1 phòng KHTN, 1 phòng KHXH) dự kiến hoàn thành trong tháng 01/2023

+ Trường mẫu giáo: Đang xây dựng 01 nhà bảo vệ, xây tường rào cổng, nâng cấp sân, sửa trạm y tế thành khối phòng hiệu bộ.

Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt

Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3; PCGD tiểu học mức độ 3

Xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2

Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá

Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. gồm mô hình bóng đá và mô hình bóng bàn

Kinh phí thực hiện: 1.256.940.232 đồng

2.5.3. Đánh giá tiêu chí

Mức độ đạt tiêu chí: Cơ bản đạt

2.6. Tiêu chí 6 - Văn hóa

2.6.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Đạt

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. Đạt

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới $\geq 95\%$

2.6.2. Kết quả thực hiện:

- Nhà văn hóa Ấp 1. 789. 993.771đ (Bảy trăm tám mươi chín triệu chín trăm chín ba nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng).

+ Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².

+ Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bốn nước.

+ Xây dựng hàng rào xung quanh khuôn viên nhà văn hóa.

+ Xây dựng mới 1 cổng nhà văn hóa.

+ Xây dựng sân bê tông.

- Nhà văn hóa Ấp 2: 1.235.247.030đ (Một tỷ hai trăm ba lăm triệu hai trăm bốn bảy ngàn không trăm ba mươi đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bồn nước
- + Xây dựng 1 công nhà văn hóa mới.

Nhà văn hóa ấp 3: 1.020.000.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi triệu không trăm không không ngàn không trăm không không đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bồn nước.
- + Xây dựng hàng rào xung quanh khuôn viên nhà văn hóa.
- + Xây dựng mới 1 công nhà văn hóa.
- + Xây dựng sân bê tông.

- Nhà văn hóa ấp 4: 1.040.043.586đ (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bồn nước..
- + Xây dựng mới 1 công nhà văn hóa.

- Nhà văn hóa Ấp 5: 824. 478.483đ (Tám trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bồn nước.
- + Xây dựng hàng rào xung quanh khuôn viên nhà văn hóa.
- + Xây dựng mới 1 công nhà văn hóa.
- + Xây dựng sân bê tông.

- Nhà văn hóa Ấp 6: 1.256.592.642đ (Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng)

- + Xây dựng nhà văn hóa diện tích 142 m²
- + Xây dựng nhà vệ sinh, lắp dựng bồn nước.
- + Xây dựng sân bê tông.

- Nhà văn hóa Ấp 7: 840.130.000đ (Tám trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm không không đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 10 m², bồn nước.
- + Xây dựng hàng rào xung quanh khuôn viên nhà văn hóa.
- + Xây dựng mới 1 công nhà văn hóa.
- + Xây dựng sân bê tông.

- Nhà văn hóa Ấp 8: 806.148.448đ (Tám trăm không sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bốn tám đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bồn nước.
- + Xây dựng hàng rào xung quanh khuôn viên nhà văn hóa.
- + Xây dựng mới 1 cổng nhà văn hóa.
- + Xây dựng sân bê tông.

- Nhà văn hóa Ấp 9: 841.764.000đ (Tám trăm bốn mươi một triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn không trăm không không đồng)

- + Xây nhà văn hóa với diện tích khoảng 142 m².
- + Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 17 m², bồn nước.
- + Xây dựng hàng rào xung quanh khuôn viên nhà văn hóa.
- + Xây dựng mới 1 cổng nhà văn hóa.
- + Xây dựng sân bê tông.

Trên địa bàn xã không có Di sản văn hóa

9/9 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới

Kinh phí thực hiện: 6.957.000.000 đồng

2.6.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt.

2.7. Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.7.1 Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. Đạt

2.7.2. Kết quả thực hiện:

Chợ xã Lộc Điền được khởi công xây dựng năm 2012 đến năm 2019 hồ sơ pháp lý cơ bản hoàn thành, các hạng mục công trình đã hoàn thành đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng cụ thể như sau:

16 nhà phố đã được cấp GCNQSDĐ cho 16 hộ kinh doanh buôn bán ổn định

Nhà lồng A gồm có 55 ki ốt kinh doanh các mặt hàng áo, quần và kinh doanh tạp hóa

Nhà lồng B gồm có 20 lô bố trí cho các hộ buôn bán hàng rau, trái cây và bán hàng chế biến ăn sẵn

Nhà lồng C gồm 32 lô buôn bán Thịt, Cá và hải sản tươi sống.

Chợ đã thành lập Ban quản lý chợ và ban hành quyết định nội quy chợ

Kinh phí thực hiện: không

2.7.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt.

2.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông.

2.8.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Có điểm phục vụ bưu chính đảm bảo phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh

- Có dịch vụ báo chí truyền thông

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

2.8.2. Kết quả thực hiện:

Xã có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng được các điều kiện sau:

Xã có Nhà Bưu Điện, trang thiết bị phù hợp với tình hình tổ chức cung ứng nhu cầu dịch vụ bưu chính tại địa phương.

Có treo biển tên điểm phục vụ.

Niêm yết giờ mở cửa phục vụ các thông tin dịch vụ bưu chính cung ứng tại các điểm dịch vụ.

Thời gian mở cửa là 4 giờ/ ngày làm việc

Tại thời điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp dịch vụ:

Dịch vụ thư có địa chỉ nhận khối lượng đơn chiếc đến 2kg.

Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg.

Xã có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 100%

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành khi đáp ứng các điều kiện sau:

Về cơ sở vật chất: xã có 14 máy vi tính phục vụ cho công tác cán bộ, công chức

- Cơ quan, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã máy tính đều đã kết nối mạng internet băng rộng;

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Xã có ít nhất một trong các phần mềm ứng dụng:

- Xã có hệ thống quản lý văn bản điều hành.

- Xã có hệ thống chính thức thư điện tử của cơ quan nhà nước

- Hệ thống một cửa điện tử .

- Xã có cổng/trang thông tin điện tử; có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn khi đáp ứng các điều kiện sau:

Xã có đài truyền thanh thông minh vô tuyến được thiếp lập, đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến, sử dụng tần số điện theo cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Ít nhất 2/3 số ấp trong xã có loa hoạt động. Xã 9/9 thôn có loa hoạt động

Xã có dịch vụ viễn thông, internet Wifi khi đáp ứng được các điều kiện sau:

Tại UBND xã đã kết nối Wifi công cộng miễn phí .

Tất cả các thôn của xã Lộc Điền đáp ứng nhu cầu sử dụng hai loại dịch vụ điện thoại mạng viễn thông cố định mạng viễn thông mặt đất, mạng viễn thông di động. Truy cập internet băng rộng cố định mặt đất trên mạng viễn thông di động mặt đất.

Dịch vụ viễn thông , internet trên địa bàn xã có vinaphone và viettel đáp ứng đầy đủ quy định kỹ thuật quốc gia, do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2.8.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư.

2.9.1. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 95%

2.9.2. Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 1924/1998 đạt 96,3%

Kinh phí thực hiện: 600.000.000 đồng

2.9.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.10. Tiêu chí 10 - Thu nhập .

2.10.1. Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người ≥ 76 triệu đồng/người

2.10.2. Kết quả thực hiện:

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Lộc Điền, tính đến thời điểm này là 92.678.000 đồng/người/năm. Tiếp tục Nâng cao thu nhập cho người dân trên cơ sở khuyến khích tạo điều kiện cho người dân liên doanh, liên kết, phát triển sản xuất, kinh doanh, hình thành sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, ứng dụng KHKT góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống cho nhân dân

Kinh phí thực hiện: 40.000.000 đồng

2.10.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.11. Tiêu chí số 11 – Nghèo đa chiều:

2.11.1 Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025

2.11.2. Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 không còn hộ nghèo trên địa bàn xã.

Kinh phí thực hiện: không

2.11.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.12. Tiêu chí số 12 (Lao động): Đạt

2.12.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 85\%$
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 35\%$
- Tỷ lệ lao động có việc làm trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

2.12.2. Kết quả thực hiện:

Về tỷ lệ lao động qua đào tạo: Địa phương luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện thật tốt cho người lao động tham gia học nghề, mở các lớp đào tạo ngắn hạn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, qua số liệu điều tra thực tế ở từng hộ gia đình có 4231/4977 đạt 85% lao động đã qua đào tạo như: nghề cạo mũ, nghề uốn tóc, nghề thợ rèn, nghề thợ may, nghề lái xe.

Về tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 1753/4977 đạt 35,2%

Về tỷ lệ lao động có việc làm trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn như chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp như khai thác mủ cao su, cây ăn trái từng bước phát triển mang lại việc làm ổn định cho người dân

Kinh phí thực hiện: không

2.12.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.13. Tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất)

2.13.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định: Đạt

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận. Đạt

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ≥ 1

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. Đạt

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử 10%

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Đạt

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. Đạt

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)

2.13.2. Kết quả thực hiện:

Về nội dung xã có mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả:

Hợp tác xã được xếp loại khá trở lên theo tiêu chí đánh giá phân loại hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã *(kèm theo phụ lục I tiêu chí đánh giá phân loại hợp tác xã và bảng đánh giá hợp tác xã năm)*.

Về nội dung có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Hiện trạng:

+ Trên địa bàn xã đã thành lập 3 hợp tác xã:

- Hợp tác xã tiêu sạch Quyết tiến thành lập năm 2019 có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản bền vững với Doanh nghiệp gia vị Hà Lan với 13 hộ tham gia

- HTX Nông nghiệp an toàn Dừng Mai thành lập năm 2019 gồm có 17 thành viên, hiện nay HTX chưa có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ đảm bảo bền vững, chủ yếu bán lẻ cho các đại lý.

- Hợp tác xã chăn nuôi Lộc Điền thành lập ngày 22/8/2019, có đầy đủ các thành viên theo quy định. Với 9 hộ tham gia

Xã có sản phẩm OCOP nước uống đóng chai AQUA PLUS sản phẩm đạt hạng 3 sao năm 2012 theo quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

Cây trồng chủ lực của xã chủ yếu là Điều và Cao su, Cây tiêu, cây ăn trái. Điều được cơ giới hóa trong chăm sóc và chế biến.

- Trên địa bàn xã người dân áp dụng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch như tưới phun cho cây trồng

Sản phẩm sầu riêng đã được chứng nhận VietGAP đáp ứng đầy đủ về truy xuất nguồn gốc.

Các sản phẩm chủ lực của xã chủ yếu bán qua mạng ZALO và facebook

Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng cho cây sầu riêng với 10 hộ tham gia với diện tích 29,5 ha. Sản phẩm sầu riêng đã được chứng nhận VietGAP

Trên địa bàn xã không có điểm du lịch

Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị

Kinh phí thực hiện: không

2.13.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.14. Tiêu chí số 14 - Y tế.

2.14.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$
- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$
- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 90\%$

2.14.2. Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã 7312/7593 đạt 96,3%./ $\geq 95\%$.

Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe có 4789/5274 đạt 91%

Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). Hiện nay chưa triển khai áp dụng

Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử. Hiện nay chưa triển khai áp dụng

Kinh phí thực hiện: không

2.14.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.15. Tiêu chí số 15 (Hành chính công) Đạt

2.15.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính
- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên đã thực hiện. Đạt
- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: không có tình trạng khiếu nại vượt cấp

2.15.2. Kết quả thực hiện:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:

UBND xã đã ứng dụng phần mềm Cổng dịch vụ công (dichvucong.binhphuoc.gov.vn và phần mềm dichvucong.gov.vn) vào giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

Có 80% thủ tục hành chính là dịch vụ công trực tuyến toàn trình (là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng)

Căn cứ vào bảng tổng số TTHC của văn phòng UBND tỉnh công bố gần nhất: TTHC cấp xã ở mức độ 3,4 là 121/127 thủ tục đạt 95% (có bản tổng hợp kèm theo)

Có tỷ lệ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%.(Có bảng tổng hợp kèm theo)

Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ

trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.c)
Đánh giá tiêu chí

Kinh phí thực hiện: không

2.15.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.16. Tiêu chí số 16 (Tiếp cận pháp luật):

2.16.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: $\geq 90\%$

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$

2.16.2. Kết quả thực hiện:

Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền có 02 mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận là: Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý và Điểm sáng pháp luật.

Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành là: 90% (Tổng số vụ việc tranh chấp thuộc phạm vi là: 09 vụ, trong đó: Hòa giải thành là 08 vụ, hòa giải không thành là 01 vụ).

Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu là 100%.

Kinh phí thực hiện: không

2.16.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường

2.17.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đạt

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: 98%
- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: Đạt 50%
- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: $\geq 50\%$
- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%
- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: $\geq 80\%$
- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: $\geq 95\%$
- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đạt
- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 10\%$
- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/người$
- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 90\%$

2.17.2. Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã không có khu giết mổ gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

Trên địa bàn xã theo thống kê năm 2022 có 891 con Bò, 571 con Heo và 4013 con dê, gia cầm 176 hộ. Số hộ chăn nuôi gia súc và gia cầm trên được người dân chăn nuôi rải rác trên địa bàn các thôn số lượng các hộ nuôi không nhiều nguồn phân các hộ chủ yếu sử lý bón cho cây trồng. Để đảm bảo vệ sinh môi trường UBND xã đã thường xuyên liên hệ các trung tâm khuyến nông phổ biến khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi cũng như quy trình sử lý ủ nguồn phân bón cho cây trồng đảm bảo vệ sinh môi trường tới các hộ chăn nuôi.

Khu chăn nuôi có 2 trại heo tại ấp 7 và ấp 9. Và hợp tác xã chăn nuôi gà tại ấp 7 Thực hiện đúng theo cam kết bảo vệ môi trường

Cơ sở sản xuất- kinh doanh: Theo thống kê năm 2022 trên địa bàn xã Lộc Điền có 09 Cơ sở sản xuất, kinh doanh; Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã đều có đầy đủ hồ sơ, pháp lý thủ tục, cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

Về việc thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường cam kết:

Nhìn chung các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thực hiện đúng cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

Nuôi trồng thủy sản: trên địa bàn xã không có cơ sở nuôi trồng thủy

- Về chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được phân loại, thu gom, vận chuyển đến khu tập kết chất thải tập trung của huyện.

+ Đơn vị thu gom: Đội quản lý công trình đô thị huyện Lộc Ninh.

+ Phương tiện thu gom: Xe chở rác chuyên dụng.

+ Tần suất thu gom: Vào các buổi (thứ 2, 4 và thứ 6).

Đối với các hộ gia đình ở cách xa các trục đường chính, khu dân cư tập trung đều có biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải bằng các hình thức như:

+ Chất thải rắn có thể tái chế, thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Chất thải rắn khó phân hủy như bao ni long,... được các hộ xử lý bằng cách đốt.

+ Các chất thải còn lại dễ dàng phân hủy thì được chôn lấp đúng quy định.

Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả. Các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp có hầm hố bioga đảm bảo phù hợp.

Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã đã phân công cụ thể cho từng bộ phận thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và phát huy mang tính bền vững, qua đó UBND xã phân công cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã phối hợp Công chức Địa chính xã lập kế hoạch thực hiện thí điểm mô hình phân loại và xử lý rác thải tại nguồn từ đó nhân rộng ra địa bàn các thôn nhất là đối với những hộ dân sống rải rác chưa hợp đồng được với đội thu gom rác.

Hội liên hiệp phụ nữ xã, hội nông dân vận động tuyên truyền nhân dân phân loại rác thải tại nguồn kết quả có đa số hội viên tham gia tích cực

Nhìn chung các hộ gia đình thực hiện theo kế hoạch phân loại, xử lý rác thải tại nguồn đạt hiệu quả.

Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trên địa bàn xã xây dựng bãi tập kết rác tại ấp 2 xã Lộc Điền với diện tích 385 m². UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai cho các ấp tuyên truyền cho Các hộ dân có chất thải rắn nguy hại đem đến bãi tập kết của xã và được Đội quản lý công trình đô thị huyện Lộc Ninh thu gom đưa về bãi rác của huyện xử lý.

Nhìn chung các hộ dân thực hiện đúng theo kế hoạch, các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường

Xã Lộc Điền có diện tích đất sản xuất là: 2.973,05 ha, trong đó phần lớn diện tích là đất trồng cây lâu năm điển hình là loại cây Cao Su, cây Điều, tiêu và cây ăn trái, cây. Đối với số ít các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ gia súc, gia cầm chất thải hữu cơ luôn được người dân ủ làm nguồn phân bón cho cây trồng của gia đình và bán cho các hộ dân trên địa bàn bón cây trồng.

Do đó tiêu chí 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường.

Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường tại các ấp dựa trên các tiêu chí sau, Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường 526/545 đạt 96,5%

- Đối với hộ chăn nuôi nhỏ lẻ

+ Vị trí chuồng trại gia súc, gia cầm tách biệt nguồn nước sinh hoạt và nhà ở chuồng trại làm xa sông suối, có mái che, có nền xi măng hoặc gạch có hệ thống xử lý chất thải và rãnh thoát nước.

+ Chăn nuôi đảm bảo vệ sinh không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

+ Có biện pháp thu gom và xử lý đúng quy định.

Không có kiến nghị về chuồng trại không đảm bảo vệ sinh môi trường

Trên địa bàn xã có 03 nghĩa trang tại ấp 2, 3 và ấp 8, (không có cơ sở hỏa táng) nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch đảm bảo việc chôn cất đúng quy định. Nghĩa trang ấp 2 có diện tích 5,3 ha và nghĩa trang ấp 3 có diện tích 2,2 ha, nghĩa trang ấp 8 có diện tích 1,3 ha hiện nay vẫn được chôn cất.

Việc chôn cất, mai táng luôn đảm bảo vệ sinh môi trường, đưa người chết vào áo quan, đưa ra mộ táng được xây dựng sẵn và không để quá thời gian quy định là 72 giờ.

Nhằm đảm bảo khu nghĩa trang được đưa vào sử dụng đúng mục đích, theo quy hoạch và hiệu quả UBND xã đã ban hành quyết định thành lập ban quản lý nghĩa trang.

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Qua thống kê rà soát đến thời điểm tháng 11/2022 trên địa bàn xã có 60 người chết, nhưng hiện nay trên địa bàn xã có 3 nghĩa trang của xã và 1 nghĩa trang của huyện các hộ chủ yếu chôn cất nên việc hỏa táng không có.

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: UBND xã đã ban hành quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 về việc thành lập Ban thực hiện Chương trình trồng cây xanh, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã

Hàng năm UBND xã Phối hợp với hạt kiểm lâm thông báo đến tất cả các tổ chức và các hộ dân trên địa bàn xã có nhu cầu đăng ký trồng cây xanh phân tán để cấp về cho các hộ trồng.

UBND xã đã chỉ đạo các thôn ấp, các trường học, trạm y tế bố trí sử dụng đất để trồng cây xanh đảm bảo theo quy định. (Dọc theo các tuyến đường đã thi công hoàn chỉnh, trụ sở UBND xã và tại Nhà văn hóa các ấp, trường học, trạm y tế, điểm dân cư nông thôn với diện tích $31372\text{m}^2 / 7593 \text{ người} = 4,1 \text{ m}^2/\text{người}$).

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. - Về chất thải nhựa: Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được phân loại, thu gom, vận chuyển đến khu tập kết chất thải tập trung từng địa điểm.

Đối với các hộ gia đình ở cách xa các trục đường chính, khu dân cư tập trung đều có biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải bằng các hình thức như:

+ Chất thải nhựa có thể tái chế, thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.

Hiện nay trên địa bàn xã có 5 cơ sở thu mua phế liệu và có 12 nhân lực chuyên đi thu gom mua các phế phẩm nhựa và các phế phẩm khác sau đó bán cho các vựa thu mua ve chai sau đó đưa đi tái chế sử dụng do đó phần lớn các phế phẩm Nhựa trên địa bàn xã phần lớn được thu gom tái chế.

Kinh phí thực hiện: 500.000.000 đồng

2.17.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.18. Tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống

2.18.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: $\geq 65\%$

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 80 lít

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 40\%$

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận HACCP/ISO 22000 hoặc tương đương

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: đạt 100%

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường: 100%

2.18.2. Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã Lộc Điền, ngoài nguồn nước sinh hoạt là các giếng khoan, giếng đào để phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhiều hộ dân còn sử dụng hệ thống lọc nước hộ gia đình và nước đóng bình đảm bảo yêu cầu nước sạch để sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt. Theo kết quả điều tra, đánh giá trên địa bàn xã có 1819/1998 hộ dân sử dụng hệ thống lọc nước hộ gia đình và nước đóng bình, đạt 91%.

Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 80 lít. Trên địa bàn xã không có hệ thống cấp nước sinh hoạt

Trên địa bàn xã các hộ dân sử dụng nước sinh hoạt chủ yếu từ giếng khoan và giếng đào nên bình quân sử dụng đạt theo yêu cầu.

Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung

Trên địa bàn xã có 17 giếng khoan chống hạn tại trung tâm của các ấp như ấp 1 có 2 giếng, ấp 2 có 3 giếng, ấp 3 có 1 giếng, ấp 4 có 1 giếng, ấp 5 có 1 giếng, ấp 6 có 1 giếng, ấp 7 có 5 giếng, ấp 8 có 2 giếng, ấp 9 có 01 giếng nhìn chung các giếng khoan đảm bảo sử dụng đủ nước cho mùa hạn.

Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: Trong năm 2022 trung tâm y tế huyện không tổ chức tập huấn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh

Trên địa bàn xã không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm của xã kiểm tra 02 đợt

Đợt 1 vào tháng 09/2022 kiểm tra các cơ sở kinh doanh thực phẩm xã quản lý

Đợt 2 vào tháng 10/2022 kiểm tra cơ sở dịch vụ ăn uống

Cơ bản các cơ sở đảm bảo không có trường hợp sự cố về an toàn thực phẩm

Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận HACCP/ISO 22000 hoặc tương đương: Trên địa bàn xã không có cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản.

Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch 1998/1998 hộ đạt 100%

Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường: Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Hiện nay có bãi tập kết rác tại ấp 2 xã Lộc Điền với diện tích 385m²

Kinh phí thực hiện: không

2.18.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh

2.19.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên: có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy) Gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

2.19.2. Kết quả thực hiện:

- Xã đạt xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng

(1) Xây dựng Dân quân vững mạnh về chính trị

- Ban CHQS xã tham mưu cho ĐU – UBND xã xây dựng: 01 chỉ huy trưởng, 01 chỉ huy phó, 01 chính trị viên, 01 chính trị viên phó.

- Tiểu đội DQTT hiện tại là 09/09 đ/c đủ chỉ tiêu trên giao. (01 đ/c nữ)

- Chi bộ Quân sự đã thành lập được chi ủy, tổng số Đảng viên trong chi bộ là 10 đ/c. Các đảng viên trong chi bộ đều an tâm tư tưởng công tác, luôn nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh toàn diện đạt chỉ tiêu giao là 136 đ/c, trong đó đảng viên trong dân quân đạt 17%. 09 ấp đội trưởng trong đó có 02 đ/c là đảng viên đạt 22,2%.

- Hàng năm giao quân đều đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

- Ban CHQS xã đã tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã, tổ chức đăng ký nguồn thanh niên trong độ tuổi NVQS (tuổi 17), rà soát nắm chắc nguồn thanh niên SSNN năm 2023 và tổ chức rà soát, đăng ký, nắm chắc công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân đạt 100%.

- Lực lượng Dự bị động viên (DBĐV) hàng năm được rà soát nắm nguồn biên chế theo kế hoạch của trên tổng nguồn 127/09 SQ được sắp xếp biên chế cho các đơn vị được phân bổ theo kế hoạch của trên. Gồm Trung đoàn 736 tỉnh và d2 của huyện.

(2) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức huấn luyện, hoạt động.

- Ban CHQS xã đã tham mưu cho ĐU – UBND xã mua sắm vật chất mô hình học cụ, tham gia huấn luyện cho dân quân. Hàng năm đều tham gia thi mô hình học cụ, hội thao kết quả loại khá trở lên.

- Ban CHQS xã tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã xây dựng đầy đủ các Nghị quyết, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ QS – QP tháng, quý, năm 2022. Đồng thời, luôn quán triệt thực hiện tốt công tác Quốc phòng, quân sự địa phương.

- Ban CHQS xã tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã xây dựng kế hoạch và củng cố kiện toàn lực lượng dân quân, các kế hoạch trực bảo vệ cao điểm lễ, tết trong năm 2022.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an theo Nghị định 02, 03. Xây dựng hoàn thiện các kế hoạch trong công tác PCTT và TKCN trong mùa mưa bão; làm tốt công tác phòng chống cháy nổ có thể xảy ra trên địa bàn xã.

- Tham mưu xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống văn kiện sẵn sàng chiến đấu theo đúng Thông tư 43 của Bộ Quốc phòng đề ra. Sẵn sàng cơ động nhận nhiệm vụ và xử trí các tình huống có thể xảy ra.

(3) Bảo đảm hậu cần:

- Ban CHQS xã tham mưu lập dự toán ngân sách và luôn thực hiện tốt, đúng đủ các chế độ, chính sách cho Dân quân, Dự bị động viên và chính sách hậu phương Quân đội.

- Ban CHQS xã luôn tổ chức duy trì tốt công tác TGSX, phát triển nhà lưới vườn rau sạch với diện tích 100 m², xuống giống nhiều loại rau củ, quy hoạch chăn nuôi heo, gà và nuôi cá. Luôn đảm bảo 100% rau xanh nhập bếp, bếp ăn tập trung cho LLDQTT.

- Tổ chức duy trì lực lượng DQTT luôn xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp; Vệ sinh đơn vị, cơ quan, nơi làm việc luôn sạch đẹp đúng quy định.

- Thực hiện tốt theo đúng phong trào ký kết thi đua văn hóa nơi công sở.

- Nhà làm việc của Ban CHQS xã đảm bảo, nhà ăn, nhà nghỉ của DQTT, kho dụng vật chất được xây dựng với diện tích 140m².

- Ban CHQS xã đã được trang bị đầy đủ công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ; Dụng cụ, phương tiện, vật chất PCTT và TKCN cũng được trang bị tương đối đầy đủ.

(4) Quản lý sử dụng VKTB kỹ thuật

Ban CHQS xã luôn thực hiện tốt công tác sử dụng, quản lý, bảo quản VKTB kỹ thuật theo đúng yêu cầu. Có tủ đựng súng của tiểu đội DQTT, có bàn lau súng, tủ đựng công cụ hỗ trợ và các trang thiết bị khác.

Công tác quản lý VKTB luôn chặt chẽ và đảm bảo, thực hiện tốt chế độ bảo quản, lau chùi VKTB ngày, tuần; Công tác quản lý chìa khóa tủ súng đúng theo quy định.

Nội dung 2:

Chỉ tiêu 1: An ninh trật tự được giữ vững

- Công an xã đã tích cực triển khai các Nghị quyết, Kế hoạch của CA huyện, Đảng ủy-UBND xã trong công tác đảm bảo ANTT tại địa phương. Tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT theo hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện. Do vậy, các tụ điểm phức tạp về ANTT không có và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn xã. Số ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT hàng

năm được Công an xã tham mưu UBND xã ra quyết định công nhận đúng trình tự, thủ tục.

Chỉ tiêu 2: Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

- Hàng năm thường xuyên, kịp thời củng cố về tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban Tổ chức thực hiện phòng chống tội phạm-TNXH và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước được thực hiện thường xuyên, hiệu quả tốt

Kết quả thực hiện phong trào:

- Đầu năm 2022 công an xã đã tham mưu cho đảng ủy, UBND xã xây dựng Nghị quyết chuyên đề, kế hoạch về đảm bảo an ninh trật tự năm 2022. Trong năm đã tham mưu UBND xã về việc thay đổi nhân sự, củng cố về tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban tổ chức thực hiện PCTP, TNXH và PTTDBVANTQ xã.

- Hàng năm UBND xã Lộc Điền đều có bản đăng ký thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Hàng tháng tham mưu xây dựng các kế hoạch bảo đảm ANTT trên địa bàn, bảo vệ tuyệt đối an toàn các ngày lễ, tết diễn ra ở địa phương.

- Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ được duy trì lồng ghép với cuộc vận động “TĐĐKXDĐSVH ở khu dân cư” tổ chức cho 9/9 khu dân cư ký kết phần đầu xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, 100% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, ký cam kết đảm bảo TTATGT, phần đầu xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”. Hàng năm đều phối hợp xây dựng kế hoạch tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ đảm bảo theo hướng dẫn của UBND tỉnh.

Chỉ tiêu 3: Có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên hiệu quả, đảm bảo ANTT

***Mô hình PCTP:**

- Trên địa bàn có 04 mô hình phòng chống tội phạm được Chủ tịch UBND xã ký quyết định thành lập, có quy chế hoạt động cụ thể, gồm:

+ Mô hình “Xóm đạo bình yên ấp 3 xã Lộc Điền”.

+ Mô hình "Cụm chiến binh tham gia PCTP tại ấp 8 xã Lộc Điền.

+ Mô hình PCCC, tổ liên gia PCCC tại ấp 2 xã Lộc Điền.

+ Mô hình “Camera an ninh” trên địa bàn toàn xã (đã lắp đặt được 26 mắt).

- Tổ ANND: Trên địa bàn có 70 tổ an ninh nhân dân gồm có 70 tổ trưởng (đủ) và 39 tổ phó (thiếu 31). Trong đó có 55 tổ hoạt động tốt, 10 tổ hoạt động khá và 05 tổ hoạt động trung bình vì nhiều nguyên nhân như: Thay đổi nhân sự trong các tổ an ninh nhân dân, thiếu kinh phí hoạt động.....

Lực lượng Công an thường xuyên làm tốt công tác phối kết hợp với các ngành đoàn thể trong công tác tuyên truyền và đấu tranh phòng chống tội phạm. Qua công tác phát động phong trào, nhân dân đã cung cấp nhiều nguồn tin cho lực lượng Công an xã, trong đó có nhiều nguồn tin có giá trị giúp lực lượng Công an kịp thời giải

quyết các vụ việc liên quan đến tình hình ANTT. Đa số nhân dân trên địa bàn có ý thức phòng chống tội phạm. Luôn cảnh giác với các loại tội phạm, không để sơ hở trong việc bảo vệ tài sản để các đối tượng lợi dụng trộm cắp tài sản. Nhưng trong đó vẫn có một số người dân trên địa bàn chưa nêu cao tinh thần cảnh giác và tinh thần tố giác các loại tội phạm. Tình hình hoạt động của các mô hình PCTP đạt kết quả tốt, được duy trì hoạt động thường xuyên, đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đảm bảo ANTT trên địa bàn. Trong thời gian tới tiếp tục duy trì thường xuyên và mở rộng các mô hình để phục vụ công tác đảm bảo tình hình ANTT trên địa bàn.

Kinh phí thực hiện: không

2.19.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

2.20. Tiêu chí số 20 (Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu)

2.20.1. Yêu cầu của tiêu chí:

Có ít nhất một Khu dân cư Nông thôn mới kiểu mẫu (cấp thôn, ấp) phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa, xã hội đặc thù của địa phương và nhu cầu của cộng đồng dân cư trên địa bàn xã được UBND cấp huyện công nhận (Có Quyết định ban hành riêng)

2.20.2. Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã trong năm 2022, ấp 5 đạt khu dân cư nông thôn kiểu mẫu

Kinh phí thực hiện: 4.864.478.483 đồng

Gồm các hạng mục sau:

Xây dựng nhà văn hóa 824. 478.483 đồng

Hạ thế điện tại tổ 5 ấp 5: 300.000.000 đồng

Lắp đặt biển báo 240.000.000 đồng

Xây nhà văn hóa thể dục thể thao đa năng 3.500.000.000 đồng

Đã được UBND huyện Lộc Ninh công nhận tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 về Quyết định công nhận Ấp 5, xã Lộc Điền là khu dân cư kiểu mẫu năm 2022.

2.20.3. Đánh giá tiêu chí: Đạt

(Có bảng phụ lục tóm tắt 20 tiêu chí kèm theo)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Tính đến ngày 31/11/2022, xã Lộc Điền không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

Đối với các công trình đầu tư về đích năm 2022 thực hiện nguồn vốn theo Luật đầu tư công, bố trí nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2022 - 2024.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đủ hồ sơ theo quy định tại điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao:

Tổng số 20/20 tiêu chí nông thôn mới của xã Lộc Điền đã được thành viên của huyện cơ bản đánh giá thống nhất đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Đảm bảo điều kiện xã đạt chuẩn NTM nâng cao: “Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới” theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

IV. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TIÊU CHÍ

1. Quan điểm:

Bên cạnh những kết quả đạt được, hiện nay, sản xuất nông nghiệp vẫn còn quy mô nhỏ; việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất còn hạn chế; năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả đầu tư chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của xã; việc liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế; vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn là nỗi lo của người dân. Chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp chưa thu hút được các hộ, các doanh nghiệp đầu tư, nhiều lĩnh vực, ngành nghề còn thiếu tính bền vững. Tuy đã hình thành một số chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nhưng số lượng còn ít, việc triển khai còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn.

Một trong những hạn chế cơ bản hiện nay là công tác bảo vệ môi trường chưa thật sự được quan tâm đúng mức, nhất là ở một số ấp chưa có giải pháp bảo vệ môi trường hữu hiệu, làm cho đời sống sinh hoạt của người dân còn gặp nhiều khó khăn như vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải. Đời sống và thu nhập của một bộ phận nông dân vùng xa trung tâm còn thấp, thiếu ổn định, vẫn còn nhiều lao động thiếu việc làm, kinh tế còn khó khăn. Chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục ở các thôn xa trung tâm còn hạn chế.

2. Mục tiêu:

Đề đạt được những mục tiêu đặt ra, UBND xã đã chỉ đạo các ấp tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực ngành nông nghiệp (giống cây trồng; vật nuôi, thú y...), phát huy hơn nữa hiệu quả các mô hình kinh tế, phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt.

Tiếp tục tập trung, tăng cường và đa dạng hóa phương pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm xây dựng NTM nâng cao hướng đến xây dựng NTM Kiểu mẫu... nâng cao chất lượng các tiêu chí, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn địa phương.

Quan tâm đến công tác đào tạo, dạy nghề cho lực lượng lao động phổ thông; thu hút các đơn vị, doanh nghiệp trong các lĩnh vực, ngành nghề cần nhiều nhu cầu về lao động.

3. Nội dung, giải pháp:

+ Đối với các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất (giao thông, thủy lợi, điện...) ngoài việc huy động đóng góp của dân bằng tiền, ngày công lao động, hiến đất, vật kiến trúc, cây trồng... phải vận động nhân dân thực hiện phát quang, khai thông cống, rãnh thoát nước để đảm bảo thông thoáng tầm nhìn và bảo vệ kết cấu đường bộ nhằm tăng tuổi thọ công trình, đồng thời không trồng cây, xây dựng công trình thuộc đất hành lang đường bộ và hệ thống thoát nước đường bộ.

+ Về y tế, văn hóa, giáo dục: vận động mọi người dân tham gia đóng BHYT. Vận động con, em phổ cập giáo dục trung học, không bỏ học giữa chừng. Thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

+ Công tác môi trường: tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh phải tuân thủ các quy định về môi trường.

+ Công tác an ninh, trật tự xã hội: thực hiện đảm bảo an ninh ở khu dân cư, không gây rối trật tự, cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, đánh nhau...và thực hiện tốt luật an toàn giao thông.

+ Quan tâm đến phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, liên kết sản xuất theo chuỗi, tạo điều kiện cho người dân sản xuất quy mô, công nghệ cao, thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

4. Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu:

Sau khi xã được UBND tỉnh Bình Phước công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, UBND xã tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng kế hoạch, lộ trình và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh Bình Phước thẩm định, xét, công nhận xã Lộc Điền đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện Lộc Ninh về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt xã chuẩn nông thôn mới nâng cao cho Lộc Điền năm 2022 của UBND huyện Lộc Ninh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BCD, VPĐP tỉnh;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các tổ chức CT-XH;
- TV BCD huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, VP.ĐPNTM huyện.

CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2022 CỦA XÃ LỘC ĐIỀN.**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện Lộc Ninh)

ST	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Năm 2013, đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lộc Điền (Giai đoạn năm 2011-2015 và định hướng đến năm 2020) đã UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 30/8/2013. Năm 2019, đề án điều chỉnh xây dựng nông thôn mới xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh (Giai đoạn 2016-2020) đã UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt theo Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 21/6/2019. Hiện tại xã đang điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Điền theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đã có quyết định 5130/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Điền huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước. - Năm 2022 UBND xã đã tiến hành ký hợp đồng về việc tư vấn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 với Công ty TNHH tư vấn FAS và đã hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch. + Có Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025.	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý		Hiện tại xã đang điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Điền	Đạt

		và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Sau khi phê duyệt sẽ Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đang đề nghị chấp thuận chủ trương hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.	Đạt
		2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết (biên báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	-100% đường xã được bảo trì hàng năm, có hệ thống an toàn giao thông phù hợp và đúng quy định. - Có hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực đông dân cư.	Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến huyện đã được nhựa hóa (theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT) 18/18 km, đạt 100%. Có lắp đặt đầy đủ biển hệ thống biển chỉ dẫn, chiếu sáng và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp: Đạt Đang triển khai làm mới đường liên xã Lộc Điền – Lộc Khánh chiều dài 1,4 km.	Đạt 100%
2	Giao thông	2.2. Tỷ lệ đường thôn, ấp và đường liên thôn, ấp	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biên báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp	Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp dài 3,9km được Bê tông, cứng hóa 3,9/3,9km đạt 100% Đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm được đầu tư xây dựng hệ thống mương thoát nước. Các hạng mục cần thiết (biên báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp	Đạt

		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp	$\geq 95\%$	Đường ngõ, xóm dài 75km. Đã được cứng hóa 72,1km/75km, đạt 96,1%. Trong đó có 45,7km đường bê tông và 26,1km đường sỏi đỏ	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100%	Không có	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động 2973,05 ha/2973,05 ha đạt 100%	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Trên địa bàn xã hiện có 01 Đập Suối phèn tọa lạc tại ấp 8 xã Lộ Điện có tổng diện tích 12,2 ha. Tích nước sử dụng tưới cho cây trồng có hiệu quả	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 35\%$	Tỷ lệ diện tích cây trồng cận chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước có 389,5ha/791,5ha đạt 49,2%	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	Hiện hữu xã có 7km kênh mương nội đồng, đã bê tông hóa khoảng 5km và khoảng 500m người dân tự mở nhằm đưa nước đập thủy lợi Bù nâu về sử dụng	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Qua thống kê rà soát trên địa bàn xã các trang trại chăn nuôi heo, gà vịt của các hộ dân nuôi cách công trình thủy lợi từ 600 m trở lên các hộ chăn nuôi có hệ thống biogaz xử lý chất thải đảm bảo, nên không có tình trạng xả thải vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã được thành lập và thường xuyên được củng cố, kiện toàn đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Hàng năm các xã đều xây dựng các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai và phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ huy để tổ chức thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho	Đạt

				người dân nhằm giảm thiểu thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân khi có thiên tai xảy ra, cơ bản đảm bảo đáp ứng yêu cầu dân sinh và phòng chống thiên tai tại chỗ	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%	Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: 1998/1998 hộ Trên địa bàn xã có 66,9km đường nhựa và đường bê tông xi măng, trong đó có 39,1km đường giao thông được thấp sáng , đạt tỷ lệ 58,4%.	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Hiện nay tại UBND xã có 4 trường cơ sở vật chất đã đạt được 1 trường là trường tiểu học Lộc Điền A Còn lại 3 trường là Mẫu giáo, Trường tiểu học Lộc Điền B và trường THCS Lộc Điền đang xây dựng các hạng mục còn thiếu, cơ bản đã đạt Trường tiểu học đang xây dựng 8 phòng học lầu dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2023 Trường THCS: Đang xây dựng nhà đa năng, bốn phòng chức năng (2 phòng vi tính, 1 phòng KHTN, 1 phòng KHXH) dự kiến hoàn thành trong tháng 01/2023 Trường mẫu giáo: Đang xây dựng 01 nhà bảo vệ, xây tường rào cổng, nâng cấp sân, sửa trạm y tế thành khối phòng hiệu bộ.	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi mức độ 3	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3; PCGD tiểu học mức độ 3	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá,	Khá	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá	Đạt

		xếp loại			
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. gồm mô hình bóng đá và mô hình bóng bàn	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng, các nhà văn hóa có sân cầu lông, bóng chuyền đáp ứng được nhu cầu tập luyện của nhân dân trong ấp	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Trên địa bàn xã không có di sản văn hóa	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	100%	9/9 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	<i>Có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (trường hợp xã không có chợ nông thôn đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao,</i>	Đạt	Chợ xã Lộc Điền được khởi công xây dựng năm 2012 đến năm 2019 hồ sơ pháp lý cơ bản hoàn thành, các hạng mục công trình đã hoàn thành đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng cụ thể như sau: 16 nhà phố đã được cấp GCNQSDĐ cho 16 hộ kinh doanh buôn bán ổn định Nhà lồng A gồm có 55 ki ốt kinh doanh các mặt hàng áo, quần và kinh doanh tạp hóa Nhà lồng B gồm có 20 lô bố trí cho các hộ buôn bán hàng rau, trái cây và bán hàng chế biến ăn sẵn Nhà lồng C gồm 32 lô buôn bán Thịt, Cá và hải sản tươi sống. Chợ đã thành lập Ban quản lý chợ và ban hành quyết định nội quy chợ	Đạt

		việc xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới)			
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	a) Về cơ sở vật chất Xã có Nhà Bưu Điện, trang thiết bị phù hợp với tình hình tổ chức cung ứng nhu cầu dịch vụ bưu chính tại địa phương. Có treo biển tên điểm phục vụ. Niêm yết giờ mở cửa phục vụ các thông tin dịch vụ bưu chính cung ứng tại các điểm dịch vụ. Thời gian mở cửa là 4 giờ/ ngày làm việc b) Về dịch vụ Tại thời điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp dịch vụ: Dịch vụ thư có địa chỉ nhận khối lượng đơn chiếc đến 2kg. Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg.	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Đạt	Xã có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 100%	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành khi đáp ứng các điều kiện sau: a) về cơ sở vật chất	Đạt

Xã có 14 máy vi tính phục vụ cho công tác cán bộ, công chức
- Cơ quan, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã máy

				tính đều đã kết nối mạng internet băng rộng; b. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Xã có ít nhất một trong các phần mềm ứng dụng: - Xã có hệ thống quản lý văn bản điều hành. - Xã có hệ thống chính thức thư điện tử của cơ quan nhà nước - Hệ thống một cửa điện tử . - Xã có cổng / trang thông tin điện tử	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Xã có đài truyền thanh thông minh vô tuyến được thiết lập, đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến, sử dụng tần số điện theo cơ quan có thẩm quyền ban hành. Ít nhất 2/3 số ấp trong xã có loa hoạt động. Xã 9/9 thôn có loa hoạt động	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Tại UBND xã đã kết nối Wifi công cộng miễn phí . Tất cả các thôn của xã Lộc Điền đáp ứng nhu cầu sử dụng hai loại dịch vụ điện thoại mạng viễn thông cố định mạng viễn thông mặt đất, mạng viễn thông di động. Truy cập internet băng rộng cố định mặt đất trên mạng viễn thông di động mặt đất. Dịch vụ viễn thông , internet trên địa bàn xã có vinaphone và Viettel đáp ứng đầy đủ quy định kỹ thuật quốc gia, do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	95%	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 1924/1998 đạt 96.3%	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2022 (triệu đồng/người)	≥ 76 (triệu đồng/người)	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã: 703.708 triệu đồng/7593 người = 92,687 triệu đồng/ người.	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Năm 2022 0,3%	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 không còn hộ nghèo trên địa bàn xã	Đạt

12	Lao động có việc làm	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 85\%$	Về tỷ lệ lao động qua đào tạo: Địa phương luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện thật tốt cho người lao động tham gia học nghề, mở các lớp đào tạo ngắn hạn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, qua số liệu điều tra thực tế ở từng hộ gia đình có 4231/4977 đạt 85% lao động đã qua đào tạo như: nghề cạo mù, nghề uốn tóc, nghề thợ rèn, nghề thợ may, nghề lái xe.	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 35\%$	Về tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 1753/4977 đạt 35,2%	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Đạt	Về tỷ lệ lao động có việc làm trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn như chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp như khai thác mù cao su, cây ăn trái từng bước phát triển mang lại việc làm ổn định cho người dân	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	Đạt	+ Trên địa bàn xã đã thành lập 3 hợp tác xã: - Hợp tác xã tiêu sạch Quyết tiến thành lập năm 2019 có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản bền vững với Doanh nghiệp gia vị Hà Lan với 13 hộ tham gia - HTX Nông nghiệp an toàn Dũng Mai thành lập năm 2019 gồm có 17 thành viên, hiện nay HTX chưa có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ đảm bảo bền vững, chủ yếu bán lẻ cho các đại lý. - Hợp tác xã chăn nuôi Lộc Điền thành lập ngày 22/8/2019, có đầy đủ các thành viên theo quy định. Với 9 hộ tham gia	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận	Đạt	Xã có sản phẩm OCOP nước uống đóng chai AQUA PLUS sản phẩm đạt hạng 3 sao năm 2012 theo quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết	≥ 1	Cây trồng chủ lực của xã chủ yếu là Điều và Cao su, Cây tiêu, cây ăn trái. Điều được cơ giới hóa trong chăm sóc và chế biến. Trên địa bàn xã người dân áp dụng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch như tưới phun cho cây	Đạt

		theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		trồng	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	Sản phẩm sầu riêng đã được chứng nhận VietGAP đáp ứng đầy đủ về truy xuất nguồn gốc.	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	10%	Các sản phẩm chủ lực của xã chủ yếu bán qua mạng ZALO và facebook	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã đang đăng ký cấp mã vùng cho cây sầu riêng với 10 hộ tham gia với diện tích 29,5 ha. Sản phẩm sầu riêng đã được chứng nhận VietGAP	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Trên địa bàn xã không có điểm du lịch	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt
14	Y Tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã 7312/7593 đạt 96,3%	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe có 4789/5274 đạt 91%	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ	$\geq 40\%$	Hiện nay chưa triển khai áp dụng	Đạt

		xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	Năm 2022-2024 $\geq$ 90% Năm 2025 $\geq$ 95%	Hiện nay chưa triển khai áp dụng	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	UBND xã đã ứng dụng phần mềm Công dịch vụ công (dichvucong.binhphuoc.gov.vn và phần mềm dichvucong.gov.vn) vào giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	- Có 80% thủ tục hành chính là dịch vụ công trực tuyến toàn trình (là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng) Căn cứ vào bảng tổng số TTHC của văn phòng UBND tỉnh công bố gần nhất: TTHC cấp xã ở mức độ 3,4 là 121/127 thủ tục đạt 95% (có bản tổng hợp kèm theo) - Có tỷ lệ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ	Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. - 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4	Đạt

năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết

				thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.c) Đánh giá tiêu chí	
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền có 02 mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận là: Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý và Điểm sáng pháp luật.	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành là: 90% (Tổng số vụ việc tranh chấp thuộc phạm vi là: 09 vụ, trong đó: Hòa giải thành là 08 vụ, hòa giải không thành là 01 vụ).	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu là 100%.	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Trên địa bàn xã không có khu giết mổ gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Trên địa bàn xã theo thống kê năm 2022 có 891 con Bò, 571 con Heo và 4013 con dê, gia cầm 176 hộ. Số hộ chăn nuôi gia súc và gia cầm trên được người dân chăn nuôi rải rác trên địa bàn các thôn số lượng các hộ nuôi không nhiều nguồn phân các hộ chủ yếu sử lý bón cho cây trồng. Để đảm bảo vệ sinh môi trường UBND xã đã thường xuyên liên hệ các trung tâm khuyến nông phổ biến khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi cũng như quy trình sử lý ủ nguồn phân bón cho cây trồng đảm bảo vệ sinh môi trường tới các hộ chăn nuôi. Khu chăn nuôi có 2 trại heo tại ấp 7 và ấp 9. Và hợp tác xã chăn nuôi gà tại ấp 7 Các cơ sở thực hiện đúng theo cam kết bảo vệ môi trường	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản	100%	+ Cơ sở sản xuất- kinh doanh: Theo thống kê năm 2022 trên địa bàn	

	xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		xã Lộc Điền có 09 Cơ sở sản xuất, kinh doanh; Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã đều có đầy đủ hồ sơ, pháp lý thủ tục, cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Về việc thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường cam kết: Nhìn chung các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thực hiện đúng cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. + Nuôi trồng thủy sản: trên địa bàn xã không có cơ sở nuôi trồng thủy	Đạt
	17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 98\%$	Tổng lượng Rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã là 4 tấn/ngày và tỷ lệ xử lý theo quy định đạt 100%, trong đó có 350 hộ đăng ký thu gom rác với đơn vị thu gom, số hộ còn lại tự xử lý theo quy định. - Về chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được phân loại, thu gom, vận chuyển đến khu tập kết chất thải tập trung của huyện. + Đơn vị thu gom: Đội quản lý công trình đô thị huyện Lộc Ninh. + Phương tiện thu gom: Xe chở rác chuyên dụng. + Tần suất thu gom: Vào các buổi (thứ 2, 4 và thứ 6). Đối với các hộ gia đình ở cách xa các trục đường chính, khu dân cư tập trung đều có biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải bằng các hình thức như: + Chất thải rắn có thể tái chế, thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. + Chất thải rắn khó phân hủy như bao ni long,... được các hộ xử lý bằng cách đốt. + Các chất thải còn lại dễ dàng phân hủy thì được chôn lấp đúng quy định. Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.	Đạt
	17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý	$\geq 50\%$	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện	Đạt

		nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		pháp phù hợp, hiệu quả. Các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp có hầm hố bioga đảm bảo phù hợp. Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã đã phân công cụ thể cho từng bộ phận thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và phát huy mang tính bền vững, qua đó UBND xã phân công cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã phối hợp Công chức Địa chính xã lập kế hoạch thực hiện thí điểm mô hình phân loại và sử lý rác thải tại nguồn từ đó nhân rộng ra địa bàn các thôn nhất là đối với những hộ dân sống rải rác chưa hợp đồng được với đội thu gom rác. Hội liên hiệp phụ nữ xã, hội nông dân vận động tuyên truyền nhân dân phân loại rác thải tại nguồn kết quả có đa số hội viên tham gia tích cực Nhìn chung các hộ gia đình thực hiện theo kế hoạch phân loại, xử lý rác thải tại nguồn đạt hiệu quả.	Đạt 100%
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trên địa bàn xã xây dựng bãi tập kết rác tại ấp 2 xã Lộc Điền với diện tích 385 m ² . UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai cho các ấp tuyên truyền cho Các hộ dân có chất thải rắn nguy hại đem đến bãi tập kết của xã và được Đội quản lý công trình đô thị huyện Lộc Ninh thu gom đưa về bãi rác của huyện xử lý. Nhìn chung các hộ dân thực hiện đúng theo kế hoạch, các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường	Đạt 100%
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi	$\geq 80\%$	Xã Lộc Điền có diện tích đất sản xuất là: 2.973,05 ha ha, trong đó phần lớn diện tích là đất trồng cây lâu năm điển hình là loại cây Cao Su, cây Điều, tiêu và cây ăn trái, cây. Đối với số ít các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ gia súc, gia cầm chất thải hữu cơ luôn được người dân ủ làm nguồn phân bón cho cây trồng của gia đình và bán cho các hộ dân trên địa bàn bón cây trồng.	Đạt 100%

	trường		Do đó tiêu chí 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường.	
	17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường tại các ấp dựa trên các tiêu chí sau, Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường 526/545 đạt 96,5% - Đối với hộ chăn nuôi nhỏ lẻ + Vị trí chuồng trại gia súc, gia cầm tách biệt nguồn nước sinh hoạt và nhà ở chuồng trại làm xa sông suối, có mái che, có nền xi măng hoặc gạch có hệ thống xử lý chất thải và rãnh thoát nước. + Chăn nuôi đảm bảo vệ sinh không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh + Có biện pháp thu gom và xử lý đúng quy định. Không có kiến nghị về chuồng trại không đảm bảo vệ sinh môi trường - Có 02/02 trang trại chăn nuôi heo thực hiện việc chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường. đạt 100 %.	Đạt 91,99%
	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Trên địa bàn xã có 03 nghĩa trang tại ấp 2, 3 và ấp 8, (không có cơ sở hỏa táng) nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch đảm bảo việc chôn cất đúng quy định. Nghĩa trang ấp 2 có diện tích 5,3 ha và nghĩa trang ấp 3 có diện tích 2,2 ha, nghĩa trang ấp 8 có diện tích 1,3 ha hiện nay vẫn được chôn cất. Việc chôn cất, mai táng luôn đảm bảo vệ sinh môi trường, đưa người chết vào áo quan, đưa ra mộ táng được xây dựng sẵn và không để quá thời gian quy định là 72 giờ. Nhằm đảm bảo khu nghĩa trang được đưa vào sử dụng đúng mục đích, theo quy hoạch và hiệu quả UBND xã đã ban hành quyết định thành lập ban quản lý nghĩa trang.	Đạt 99,6%
	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 10\%$	Qua thông kê rà soát đến thời điểm tháng 11/2022 trên địa bàn xã có 60 người chết, nhưng hiện nay trên địa bàn xã có 3 nghĩa trang của xã và 1 nghĩa trang của huyện các hộ chủ yếu chôn cất nên việc hỏa táng không có.	Đạt 100%

		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	- UBND xã đã chỉ đạo các thôn ấp, các trường học, trạm y tế bố trí sử dụng đất để trồng cây xanh đảm bảo theo quy định. (Dọc theo các tuyến đường đã thi công hoàn chỉnh, trụ sở UBND xã và tại Nhà văn hóa các ấp, trường học, trạm y tế, điểm dân cư nông thôn với diện tích $31372\text{m}^2 / 7593 \text{ người} = 4,1 \text{ m}^2/\text{người}$. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: UBND xã đã ban hành quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 về việc thành lập Ban thực hiện Chương trình trồng cây xanh, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Hàng năm UBND xã Phối hợp với hạt kiểm lâm thông báo đến tất cả các tổ chức và các hộ dân trên địa bàn xã có nhu cầu đăng ký trồng cây xanh phân tán để cấp về cho các hộ trồng.	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. - Về chất thải nhựa: Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được phân loại, thu gom, vận chuyển đến khu tập kết chất thải tập trung từng địa điểm. Đối với các hộ gia đình ở cách xa các trục đường chính, khu dân cư tập trung đều có biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải bằng các hình thức như: + Chất thải nhựa có thể tái chế, thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường. Hiện nay trên địa bàn xã có 5 cơ sở thu mua phế liệu và có 12 nhân lực chuyên đi thu gom mua các phế phẩm nhựa và các phế phẩm khác sau đó bán cho các vựa thu mua ve chai sau đó đưa đi tái chế sử dụng do đó phần lớn các phế phẩm Nhựa trên địa bàn xã phần lớn được thu gom tái chế.	Đạt
18	Chất	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống	$\geq 65\%$	Trên địa bàn xã Lộc Điền, ngoài nguồn nước sinh hoạt là các giếng khoan, giếng đào để phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhiều hộ dân còn sử dụng hệ thống lọc nước hộ gia đình và nước đóng bình đảm bảo	Đạt

		cấp nước tập trung		yêu cầu nước sạch để sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt. Theo kết quả điều tra, đánh giá trên địa bàn xã có 1819/1998 hộ dân sử dụng hệ thống lọc nước hộ gia đình và nước đóng bình, đạt 91%.	
	lượng môi trường sống	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 80 lít. Trên địa bàn xã không có hệ thống cấp nước sinh hoạt. Trên địa bàn xã các hộ dân sử dụng nước sinh hoạt chủ yếu từ giếng khoan và giếng đào nên bình quân sử dụng đạt theo yêu cầu.	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40\%$	Trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung. Trên địa bàn xã có 17 giếng khoan chống hạn tại trung tâm của các ấp như ấp 1 có 2 giếng, ấp 2 có 3 giếng, ấp 3 có 1 giếng, ấp 4 có 1 giếng, ấp 5 có 1 giếng, ấp 6 có 1 giếng, ấp 7 có 5 giếng, ấp 8 có 2 giếng, ấp 9 có 01 giếng nhìn chung các giếng khoan đảm bảo sử dụng đủ nước cho mùa hạn.	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Trong năm 2022 trung tâm y tế huyện không tổ chức tập huấn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Đạt	Trên địa bàn xã không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm của xã kiểm tra 02 đợt. Đợt 1 vào tháng 09/2022 kiểm tra các cơ sở kinh doanh thực phẩm xã quản lý. Đợt 2 vào tháng 10/2022 kiểm tra cơ sở dịch vụ ăn uống. Cơ bản các cơ sở đảm bảo không có trường hợp sự cố về an toàn thực phẩm.	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	Cao hơn 1,5 lần so với bình quân của huyện, thị xã, thành phố	Trên địa bàn xã không có cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản.	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh,	$\geq 100\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch 1998/1998 hộ đạt 100%.	

		nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch			
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Hiện nay có bãi tập kết rác tại ấp 2 xã Lộc Điền với diện tích 385m ²	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	1. Xây dựng Dân quân vững mạnh về chính trị - Ban CHQS xã tham mưu cho ĐU – UBND xã xây dựng: 01 chỉ huy trưởng, 01 chỉ huy phó, 01 chính trị viên, 01 chính trị viên phó. - Tiểu đội DQTT hiện tại là 09/09 đ/c đủ chỉ tiêu trên giao. (01 đ/c nữ) - Chi bộ Quân sự đã thành lập được chi ủy, tổng số Đảng viên trong chi bộ là 10 đ/c. Các đảng viên trong chi bộ đều an tâm tư tưởng công tác, luôn nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. - Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh toàn diện đạt chỉ tiêu giao là 136 đ/c, trong đó đảng viên trong dân quân đạt 17%. 09 ấp đội trưởng trong đó có 02 đ/c là đảng viên đạt 22,2%. - Hàng năm giao quân đều đạt 100% chỉ tiêu trên giao. - Ban CHQS xã đã tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã, tổ chức đăng ký nguồn thanh niên trong độ tuổi NVQS (tuổi 17), rà soát nắm chắc nguồn thanh niên SSNN năm 2023 và tổ chức rà soát, đăng ký, nắm chắc công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân đạt 100%.	Đạt

--	--	--	--

phòng, quân sự địa phương.

- Ban CHQS xã tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã xây dựng kế hoạch và củng cố kiện toàn lực lượng dân quân, các kế hoạch trực bảo vệ cao điểm lễ, tết trong năm 2022.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an theo Nghị định 02, 03. Xây dựng hoàn thiện các kế hoạch trong công tác PCTT và TKCN trong mùa mưa bão; làm tốt công tác phòng chống cháy nổ có thể xảy ra trên địa bàn xã.

- Tham mưu xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống văn kiện sẵn sàng chiến đấu theo đúng Thông tư 43 của Bộ Quốc phòng đề ra. Sẵn sàng cơ động nhận nhiệm vụ và xử trí các tình huống có thể xảy ra.

3. Bảo đảm hậu cần:

- Ban CHQS xã tham mưu lập dự toán ngân sách và luôn thực hiện tốt, đúng đủ các chế độ, chính sách cho Dân quân. Dự bị động viên và chính sách hậu phương Quân đội.

- Ban CHQS xã luôn tổ chức duy trì tốt công tác TGSX, phát triển nhà lưới vườn rau sạch với diện tích 100 m², xuống giống nhiều loại rau củ, quy hoạch chăn nuôi heo, gà và nuôi cá. Luôn đảm bảo 100% rau xanh nhập bếp, bếp ăn tập trung cho LLDQTT.

- Tổ chức duy trì lực lượng DQTT luôn xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp; Vệ sinh đơn vị, cơ quan, nơi làm việc luôn sạch đẹp đúng quy định.

- Thực hiện tốt theo đúng phong trào ký kết thi đua văn hóa nơi công sở.

- Nhà làm việc của Ban CHQS xã đảm bảo, nhà ăn, nhà nghỉ của DQTT, kho đựng vật chất được xây dựng với diện tích 140m².

- Ban CHQS xã đã được trang bị đầy đủ công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ; Dụng cụ, phương tiện, vật chất PCTT và TKCN cũng được trang bị tương đối đầy đủ.

4. Quản lý sử dụng VKTB kỹ thuật

Ban CHQS xã luôn thực hiện tốt công tác sử dụng, quản lý, bảo quản VKTB kỹ thuật theo đúng yêu cầu. Có tủ đựng súng của tiểu đội DQTT, có bàn lau súng, tủ đựng công cụ hỗ trợ và các trang thiết bị khác.

				Công tác quản lý VKTB luôn chặt chẽ và đảm bảo, thực hiện tốt chế độ bảo quản, lau chùi VKTB ngày, tuần; Công tác quản lý chìa khóa tủ súng đúng theo quy định.	
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Chỉ tiêu 1: An ninh trật tự được giữ vững - Công an xã đã tích cực triển khai các Nghị quyết, Kế hoạch của CA huyện, Đảng ủy-UBND xã trong công tác đảm bảo ANTT tại địa phương. Tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ ANTO theo hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện. Do vậy, các tụ điểm phức tạp về ANTT không có và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn xã. Số ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT hàng năm được Công an xã tham mưu UBND xã ra quyết định công nhận đúng trình tự, thủ tục. 2. Chỉ tiêu 2: Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ ANTO - Hàng năm thường xuyên, kịp thời củng cố về tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban Tổ chức thực hiện phòng chống tội phạm-TNXH và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO - Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước được thực hiện thường xuyên, hiệu quả tốt Kết quả thực hiện phong trào: - Đầu năm 2022 công an xã đã tham mưu cho đảng ủy, UBND xã xây dựng Nghị quyết chuyên đề, kế hoạch về đảm bảo an ninh trật tự năm 2022. Trong năm đã tham mưu UBND xã về việc thay đổi nhân sự, củng cố về tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban tổ chức thực hiện PCTP, TNXH và PTTDBVANTQ xã. - Hàng năm UBND xã Lộc Điền đều có bản đăng ký thi đua trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTO. Hàng tháng tham mưu xây dựng các kế hoạch bảo đảm ANTT trên địa bàn, bảo vệ tuyệt đối an toàn các ngày lễ, tết diễn ra ở địa phương. - Phong trào toàn dân bảo vệ ANTO được duy trì lồng ghép với cuộc vận động “TĐĐKXDĐSVH ở khu dân cư” tổ chức cho 9/9 khu dân cư ký kết phần đầu xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, 100% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, ký cam kết đảm bảo TTATGT, phần đầu xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn	Đạt

				“An toàn về ANTT”. Hàng năm đều phối hợp xây dựng kế hoạch tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ ANTT đảm bảo theo hướng dẫn của UBND tỉnh. 3. Chỉ tiêu 3: Có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên hiệu quả, đảm bảo ANTT *Mô hình PCTP: - Trên địa bàn có 04 mô hình phòng chống tội phạm được Chủ tịch UBND xã ký quyết định thành lập, có quy chế hoạt động cụ thể, gồm: + Mô hình “Xóm đạo bình yên ấp 3 xã Lộc Điền”. + Mô hình “Cựu chiến binh tham gia PCTP tại ấp 8 xã Lộc Điền. + Mô hình PCCC, tổ liên gia PCCC tại ấp 2 xã Lộc Điền. + Mô hình “Camera an ninh” trên địa bàn toàn xã (đã lắp đặt được 26 mắt). - Tổ ANND: Trên địa bàn có 70 tổ an ninh nhân dân gồm có 70 tổ trưởng (đủ) và 39 tổ phó (thiếu 31). Trong đó có 55 tổ hoạt động tốt, 10 tổ hoạt động khá và 05 tổ hoạt động trung bình vì nhiều nguyên nhân như: Thay đổi nhân sự trong các tổ an ninh nhân dân, thiếu kinh phí hoạt động..... Lực lượng Công an thường xuyên làm tốt công tác phối kết hợp với các ngành đoàn thể trong công tác tuyên truyền và đấu tranh phòng chống tội phạm. Qua công tác phát động phong trào, nhân dân đã cung cấp nhiều nguồn tin cho lực lượng Công an xã, trong đó có nhiều nguồn tin có giá trị giúp lực lượng Công an kịp thời giải quyết các vụ việc liên quan đến tình hình ANTT. Đa số nhân dân trên địa bàn có ý thức phòng chống tội phạm. Luôn cảnh giác với các loại tội phạm, không để sơ hở trong việc bảo vệ tài sản để các đối tượng lợi dụng trộm cắp tài sản. Nhưng trong đó vẫn có một số người dân trên địa bàn chưa nêu cao tinh thần cảnh giác và tinh thần tố giác các loại tội phạm. Tình hình hoạt động của các mô hình PCTP đạt kết quả tốt, được duy trì hoạt động thường xuyên, đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đảm bảo ANTT trên địa bàn. Trong thời gian tới tiếp tục duy trì thường xuyên và mở rộng các mô hình để phục vụ công tác đảm bảo tình hình ANTT trên địa bàn.	
20	Khu dân cư	Có ít nhất 01 (một) khu dân cư nông thôn mới	Đạt	Trên địa bàn xã trong năm 2022, ấp 5 đạt khu dân cư nông thôn kiểu mẫu	Đạt

	nông thôn mới kiểu mẫu	kiểu mẫu (cấp thôn, ấp) phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa, xã hội đặc thù của từng địa phương và nhu cầu của cộng đồng dân cư trên địa bàn xã được UBND cấp huyện công nhận (có quyết định riêng)	
--	---	--	--

Kinh phí thực hiện: 4.864.478.483 đồng Gồm các hạng mục sau: Xây dựng nhà văn hóa 824. 478.483 đồng Hạ thế điện tại tổ 5 ấp 5: 300.000.000 đồng Lắp đặt biển báo 240.000.000 đồng Xây nhà văn hóa thể dục thể thao đa năng 3.500.000.000 đồng	
---	--

Số: /BC-UBND

Lộc Ninh, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Lộc Thành năm 2022.**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị Quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 331/VPĐP ngày 13/10/2022 của Văn phòng Điều phối CT MTQG xây dựng NTM tỉnh về việc hướng dẫn tổ chức đánh giá thực hiện các tiêu chí/chỉ tiêu để hoàn thiện hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã NTM nâng cao;

Thực hiện Kế hoạch số 39-KH/HU ngày 01/9/2021 của Huyện ủy Lộc Ninh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lộc Ninh, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Lộc Ninh; Quyết định số 5678/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc thay đổi Trưởng ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lộc Ninh, giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 14/11/2022 của UBND xã Lộc Thành về việc thăm tra, đề nghị xét, công nhận xã Lộc Thành đạt chuẩn NTM năm 2022.

Căn cứ kết quả thăm tra, đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Lộc Thành của các thành viên Ban chỉ đạo cấp huyện. UBND huyện Lộc Ninh báo cáo kết quả thăm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Lộc Thành năm 2022, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG.

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã.

1.1. Vị trí địa lý:

Lộc Thành là xã biên giới, nằm ở phía Tây Nam huyện Lộc Ninh, phía Tây Bắc của Tỉnh Bình Phước, cách trung tâm huyện khoảng 8 km, cách trung tâm tỉnh khoảng 75 km, ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Lộc Thái, Lộc Hưng;
- Phía Tây giáp với 2 xã: Tuần Lung và Karaviên, huyện Mi Mốt, tỉnh Tbum KhMum (Campuchia) có đường biên giới dài 17,41km;
- Phía Nam giáp xã Lộc Thịnh;
- Phía Bắc giáp xã Lộc Thiện;

1.2. Điều kiện tự nhiên.

Tổng diện tích tự nhiên là 12.704,18 ha, được phân chia địa giới hành chính thành 9 ấp (gồm: ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2, Tân Bình 1, Tân Bình 2, Tà Tê 1, Tà Tê 2, K Liêu, Cần Dục, Tân Mai (trong đó: có 02 ấp biên giới). Đặc biệt trên địa bàn xã có khu Di tích lịch sử đặc biệt Tà Thiết Căn cứ Bộ chỉ huy quân sự Miền nam Việt Nam đứng chân.

Dân số: 8.091 nhân khẩu, với 2.011 hộ, xã có kết cấu dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào, với 09 dân tộc anh em chung sống trên địa bàn, trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 43% dân số toàn xã, có 04 tôn giáo chính: Phật giáo, Công giáo, tin lành và cao đài.

Địa hình tương đối bằng phẳng, ít đồi dốc.

Về khí hậu: nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt độ cao quanh năm, ít gió bão. Nhiệt độ trung bình trong năm cao đều và ổn định là 25-30⁰C, nhiệt độ trung bình cao không quá 33⁰C, nhiệt độ trung bình thấp không quá 22⁰C.

Lượng mưa bình quân tương đối cao (2.045-2.145mm), nhưng phân hoá theo mùa tạo ra hai mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô. Mùa khô ít mưa, mùa mưa mưa nhiều nên gây xói mòn mạnh và suy thoái đất, nên đã chi phối mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp.

1.3. Kinh tế xã hội của địa phương.

Kinh tế của xã trong những năm qua có bước tăng trưởng khá ổn định, cơ cấu kinh tế cơ bản vẫn là nông nghiệp, thu nhập của người dân trong xã chủ yếu là trồng cây công nghiệp dài ngày (cao su, hồ tiêu, điều, cây ăn trái); cây hàng năm (lúa nước, rau, củ quả...); chăn nuôi (heo, dê, bò và gia cầm).

Tổng thu nhập toàn xã năm 2022 là khoảng 522.673 tỷ đồng, Trong đó: Thu từ nông lâm nghiệp 407.684 triệu đồng (chiếm 78%); Thương mại - dịch vụ và việc làm 114.989 triệu đồng (chiếm 22%), thu nhập bình quân đầu người là 64,599 triệu đồng/người/năm, đạt 157,46 % so với Nghị quyết.

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2022 của xã 10-12%.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận Lợi

Địa bàn xã rộng, giao thông đi lại thuận lợi, đường trục xã, liên xã đã được nhựa hóa nối liền các xã lân cận, địa hình tương đối bằng phẳng, đất màu mỡ rất thuận tiện cho việc đầu tư chăn nuôi: Trâu, Bò, Dê, Heo và gia cầm, phát triển các loại cây công nghiệp như: cao su, tiêu, điều, cây ăn trái vv... đặc biệt trên địa bàn xã có khu di tích lịch sử Tà Thiết thuận lợi cho việc phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch.

Ngoài ra trên địa bàn xã có nguồn tài nguyên đá tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác nguyên liệu phục vụ cho nhà máy xi măng, tài nguyên rừng tương đối phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành lâm nghiệp, diện tích đất nông nghiệp tương đối tạo điều kiện phát triển ngành nông nghiệp;

Lực lượng lao động trẻ dồi dào, đây là quá trình hiện đại hoá - công nghiệp hoá nông thôn, giáo dục, y tế sức khỏe cộng đồng đã được quan tâm đúng đắn nên trong công tác giáo dục y tế cộng đồng đạt được nhiều thành tích khích lệ đồng thời triển khai nhiều chương trình khám chữa bệnh đến bà con nông dân của xã. Vì vậy đời sống người dân ngày càng được cải thiện nâng cao, từ đó đời sống kinh tế, văn hóa xã hội và Quốc phòng - An ninh của xã ngày càng phát triển đi lên, Quốc phòng - An ninh vững chắc.

2.2. Khó khăn.

Là một xã biên giới có địa bàn rộng, xã chiếm 43,% là đồng bào DTTS, cơ cấu kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp - Lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao; Công nghiệp –TTCN –TM-DV phát triển chậm.

Liên kết hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, việc áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật chưa cao, sản phẩm nông nghiệp chất lượng chưa cao, nên khó tiêu thụ, ảnh hưởng giá thành còn thấp,

Cơ cấu kinh tế cơ bản vẫn là nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp, tiềm ẩn nhiều yếu tố kém bền vững.

Trình độ dân trí không đồng đều, chất lượng lao động thấp, phần lớn là lao động nông nghiệp.

Việc tiếp cận các nguồn vốn của nhà nước cho vay để đầu tư vào sản xuất chưa thật thuận lợi, mức cho vay còn hạn chế, thời gian cho vay quá ngắn, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất vào phát triển kinh tế hộ chưa mạnh dạn, thiếu đầu tư. trình độ dân trí còn thấp và không đồng đều, đây là một thách thức không nhỏ cho quá trình xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành.

Huyện ủy, HĐND hằng năm giao chỉ tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình NTM. UBND huyện, BCĐ huyện xây dựng kế hoạch, lộ trình giải pháp thực hiện chương trình hằng năm và năm 2022 trên địa bàn huyện và tập trung cho xã Lộc Thành về đích NTM.

Được sự chỉ đạo của BCĐ tỉnh, Huyện ủy-UBND huyện, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện và các văn bản hướng dẫn của các ban, ngành cấp trên, Nghị quyết của Đảng bộ, HĐND xã, UBND xã tích cực triển khai các phương án triển khai xây dựng NTM trên địa bàn đúng theo kế hoạch cấp trên giao và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Hàng năm, UBND xã luôn kiện toàn Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã gồm 32 người do đồng chí Bí thư Đảng ủy-Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; 01 đồng chí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy làm Phó ban, 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND làm Phó ban thường trực. Mời UBMTTQ xã và các ban ngành đoàn thể tham gia Ban quản lý để thuận lợi trong việc triển khai nhiệm vụ tới hội viên, đoàn viên.

Trên cơ sở thành lập Ban quản lý, tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Theo đó, từng thành viên có trách nhiệm theo dõi đôn đốc việc xây dựng NTM trên, từng lĩnh vực được phân công.

Thành lập Ban giám sát cộng đồng, Ban Vận động thực hiện xây dựng nông thôn mới để tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. Hàng năm xem xét kiện toàn Ban Quản lý và Ban Vận động đủ số lượng theo quy định.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới.

Tổng kinh phí đã thực hiện từ 2011-2022: 337.397,081 triệu đồng. Trong đó:

- * Vốn ngân sách: 301.245,856 triệu đồng, chiếm 89,29%.
- Vốn chương trình NTM: 26.212,856 triệu đồng, chiếm 7,77%.
- + Ngân sách Trung ương, Tỉnh: 239.390 triệu đồng, chiếm 70,95%.
- + Ngân sách huyện, xã: 35.643 triệu đồng, chiếm 10,57%.
- Vốn đối ứng: 2.076,225 triệu đồng, chiếm 0,61%.
- Vốn lồng ghép: 34.075 triệu đồng, chiếm 10,10%.

II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.

Thời gian: /12/2022.

1. Về hồ sơ: Đầy đủ theo quy định tại mục 1, Chương II của QĐ 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100 %, cụ thể:

2.1 Tiêu chí số 1 – Quy hoạch.

2.1.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn. Đạt.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch. Đạt.

Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh theo Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

2.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Quyết định số 5921/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt lại nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Lộc Thành, giai đoạn 2010-2020; Biên bản công bố quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lộc Thành giai đoạn 2011-2020.

- Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng NTM xã Lộc Thành, giai đoạn 2010-2020.

- Năm 2022 UBND xã đã tiến hành ký hợp đồng về việc tư vấn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 với Công ty TNHH tư vấn FAS và đã hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch.

+ Có Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025.

+ Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Kinh phí thực hiện: 263.000.000 đồng.

2.1.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.2 Tiêu chí số 2 – Giao thông.

2.2.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đạt 100%.

- Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm. Đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Đạt 100%.

2.2.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Đường xã, liên xã: Tổng số: 24,5 km, đã nhựa hóa 24,5 km, đạt 100%. So với năm 2011 tăng 6.4 km.

- Đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: Tổng số: 61,730km; đã được nhựa hóa 31,483 km, cứng hóa bằng bê tông xi măng 1 km, cấp phối sỏi đỏ 32,9829,2473 km, đạt 100%. So với năm 2011 tăng 25,53 km.

- Đường ngõ, xóm: Tổng số 24,816 km; đã cứng hóa bằng bê tông xi măng 17,706 km, cấp phối sỏi đỏ 7,110 km, đạt 100%. So với năm 2011 tăng 18,316 km.

- Đường trục chính nội đồng: Do điều kiện tự nhiên các cánh đồng lúa có quy mô nhỏ, không tập trung, nằm rải rác trên các trục đường đường xã - liên xã, đường trục thôn, ấp nên có điều kiện giao thông thuận lợi. Vì vậy, trên địa bàn xã không còn đường trục chính nội đồng. Giảm 1.020 km so với năm 2011.

Biểu thống kê kinh phí thực hiện

Stt	Tên loại đường	Số km	Tổng kinh phí thực hiện năm 2022	Tổng kinh phí thực hiện 2011-2021
-----	----------------	-------	----------------------------------	-----------------------------------

			(triệu đồng)	(triệu đồng)
1	Láng nhựa	56.983	7.713.386.409	37.139.251.628
2	Bê tông xi măng	18.706	0	19.812.350.104
3	Sỏi đỏ	36.357	3.288.027.875	1.954.069.988
Tổng			11.011.414.284	58.905.671.720

Biểu thống kê số km các loại đường

Stt	Loại đường	Tổng số (Km)	Kết cấu mặt đường (Km)				
			BTN	BT XM	LN	CPSĐ	Khác
1	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện.	24,5	16,049		8,451		
2	Đường trục thôn, ấp, sóc và đường liên thôn, sóc, ấp.	61,730		1	31,483	29,247	
3	Đường ngõ, xóm.	24,816		17,706		7,110	
4	Đường trục chính nội đồng.	0					
Tổng		111,046	16,049	18,706	39,934	36,357	

Ghi chú:

- + “BTN” là kết cấu mặt đường Bê tông nhựa.
- + “BTXM” là kết cấu mặt đường Bê tông xi măng.
- + “LN” là kết cấu mặt đường láng nhựa.
- + “CPSĐ” là kết cấu mặt đường cấp phối sỏi đỏ.

2.2.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.3. Tiêu chí số 3 – Thủy lợi.

2.3.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên. Đạt.
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Đạt.

2.3.2 Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp đất trồng cây lâu năm và cây hàng năm là: 2939,2 ha, trong đó:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm: 2609,5 ha (*Cao su: 1471,6 ha; Điều: 931 ha; Hồ tiêu: 48,1 ha; Cây ăn trái: 83,3 ha; Cây trồng khác Keo lai, Xà cừ...: 75,5 ha*).

- Diện tích đất trồng cây hàng năm: 329,7 ha (*Lúa: 251,7 ha; Rau màu: 43,9 ha; Khoai mỳ: 28,5 ha; Ngô bắp: 5,6 ha*).

* Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S1: 2939,2}{S: 2939,2} \times 100(\%) = 100\%$$

Trong đó:

S1 : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới: 2939,2 (ha).

S : diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch: 2939,2 (ha).

* Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F1: 3.950,12}{F: 4.138,32} \times 100(\%) = 95,45\%$$

Trong đó:

F1: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi công nghiệp thực tế được tiêu (3.950,12 ha).

F: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã (4.138,32 ha).

* Trên địa bàn xã có 04 đập thủy lợi gồm: Đập thủy lợi Tà Tê, Đập thủy lợi Tà Thiết, Đập thủy lợi nhỏ Lộc Bình và đập thủy lợi nhỏ Cần Dực. (Trong đó có 195,6 ha đất sản xuất nông nghiệp nằm trong danh sách đăng ký từ công trình Thủy lợi. Còn lại là hộ dân tự chủ động tưới từ các hệ thống sông suối, ao, hồ tự nhiên, giếng đào, giếng khoan do nhân dân tự đầu tư rải khắp trên địa bàn xã). Cơ bản đáp ứng nhu cầu nước phục vụ cho tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và tưới cây công nghiệp.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: (Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ). Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người dân nhằm giảm thiểu thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

* Chỉ huy tại chỗ:

+ Xã có thành lập Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã và thường xuyên kiện toàn BCH và các thành viên (*Theo quy định, Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã do Chủ tịch UBND xã kiêm nhiệm làm Trưởng ban, Phó trưởng ban thường trực do Phó chủ tịch*

UBND xã phụ trách khối kinh tế kiêm nhiệm, các thành viên là Trưởng các ban, ngành, đoàn thể xã và Trưởng Ban điều hành các ấp kiêm nhiệm).

+ Có Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã.

+ Có xây dựng kế hoạch, phương án PCTT&TKCHCN và điều chỉnh hàng năm phù hợp với tình hình thiên địa phương.

+ Có Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên; Có Thông báo lịch trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã.

* Lực lượng tại chỗ:

+ Có Quyết định thành lập Đội xung kích PCTT&TKCHCN xã; Quyết định về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội xung kích PCTT&TKCHCN xã; Có danh sách đội PCTT&TKCHCN xã.

* Phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ:

+ Về phương tiện: Khi tình huống xảy ra (tùy vào tình hình thực tế) UBND xã-Ban chỉ huy PCTT sẽ vận động, huy động phương tiện tại chỗ như xe tải, xe máy, xe đầu kéo của các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn xã.

+ Về vật tư: (Có bảng thống kê kèm theo).

Kinh phí thực hiện: 350.000.000đ.

2.3.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.4. Tiêu chí số 4 – Điện.

2.4.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Hệ thống điện đạt chuẩn. Đạt.
- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Đạt $\geq 99\%$.
- Tỷ lệ đường được chiếu sáng trong khu dân cư hoặc dân cư cư trú. Đạt $\geq 7\%$.

2.4.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Điện lực Lộc Ninh thường xuyên kiểm tra, duy tu, nâng cấp hệ thống lưới điện và đường dây luôn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Trên địa bàn xã có khoảng 65 km trung thế, 54 km hạ thế, 73 trạm biến áp công suất 532kva đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất của người dân và các doanh nghiệp tại địa phương.

- Năm 2022 đã triển khai thi công công trình điện tổ 2,4,6,7 ấp Cần Dực, tổ 6 ấp Tân Bình 2, tổ 5,6,7,8 ấp Tân Mai, tổ 1,2,3 ấp Tà Tê 1, tổ 3 ấp Tà Tê 2, với tổng kinh phí: 7.298.835.618đ.

- Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: 2011/2011 hộ, đạt 100%. Tăng 15% so với năm 2011.

- Tỷ lệ đường được chiếu sáng trong khu dân cư hoặc dân cư cư trú tính trên tổng km đường xã, đường thôn, bản ấp, đường ngõ xóm trong khu dân cư và dân cư cư trú: 6,400m/82,007m, đạt 7,8%. Tăng 6,82 % so với năm 2011.

Kinh phí thực hiện: 15.200.000.000 đ.

2.4.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.4.4. So sánh giai đoạn.

Năm 2022 tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ các nguồn là: 1909/1909 hộ, tăng 366 hộ so với năm 2011 (1543/1615hộ)

2.5. Tiêu chí số 5 – Trường học.

2.5.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Các xã có hơn 3 trường. Đạt $\geq 75\%$

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Các xã có từ 03 trường trở xuống. Đạt 100%.

2.5.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Trên địa bàn xã có 02 trường: Trường TH&THCS Lộc Thành và trường Mẫu giáo Hoa Sen.

*** Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thành:**

- Tổng diện tích đất xây dựng hiện có: 9858,8m² (Điểm THCS: 6.780.8m²; Điểm TH: 3078m²).

- Phòng học, phòng bộ môn: Tổng số 20 phòng học (12 phòng kiên cố, 8 phòng học đã xuống cấp).

- Phòng làm việc và các phòng chức năng khác: 15 phòng.

- Trang thiết bị: 21 Tivi dùng trong giảng dạy; 05 Laptop; 02 bộ máy tính bàn.

- Các công trình phụ trợ khác:

+ Nhà vệ sinh: 04 khu (Giáo viên: 02, Học sinh: 02).

+ Nhà để xe: 02 (Tiểu học: 01, THCS: 01).

+ Hàng rào, cổng của trường: Xây dựng kiên cố, đầy đủ.

- Số diện tích sân chơi, bãi tập: Hơn 1000 m²

So sánh với quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường TH&THCS Lộc Thành cơ bản đạt và đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất. Đồng thời đang đầu tư xây dựng mới 12 phòng học, 12 phòng bộ môn và 01 nhà tập đa năng (Đã được UBND huyện chấp thuận tại Quyết định số

1869/QĐ –UBND ngày 14/5/2022), dự kiến cuối tháng 8 năm 2023 cơ bản hoàn thành và đưa vào sử dụng.

*** Trường mẫu giáo Hoa Sen:**

Trường MG Hoa Sen - xã Lộc Thành được tách ra từ các điểm trường của Trường MG Hoa Mai - xã Lộc Thiện từ tháng 04 năm 2015 theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND huyện Lộc Ninh. Trường được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi từ năm 2016 cho đến nay.

Tháng 8/2021 Trường được UBND tỉnh Bình Phước ra quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (theo QĐ số 2024/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Bình Phước) và trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo QĐ số 2346/QĐ-SGDĐT ngày 03/8/2021 của Sở GD&ĐT Bình Phước).

- Tổng diện tích đất hiện có: 4120,1m²
- Tổng số phòng học: 8 phòng học được xây dựng kiên cố, có phòng vệ sinh cho trẻ khép kín bên trong.
- Khối phòng hành chính quản trị: 07 phòng.
- Khối phòng phụ trợ: 03 phòng.
- Phòng chức năng: 02 phòng.
- Nhà bếp: 01.
- Khu vệ sinh dành cho CB-GV-NV: 01

Cơ sở vật chất nhà trường tương đối đầy đủ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc – nuôi dưỡng – giáo dục trẻ.

Kinh phí đầu tư: 29.727.000.000đ.

2.5.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Cơ bản Đạt.

2.5.4. So sánh giai đoạn.

Giai đoạn 2011–2022: Xây mới

- Trường TH&THCS: xây mới 08 phòng học, 03 nhà làm việc, 04 nhà vệ sinh, 03 nhà công vụ, 01 phòng hội đồng, 01 phòng ngoại ngữ, 02 phòng thư viện thiết bị, 01 phòng tin học.

- Trường mẫu giáo: Năm 2015 xây mới trường mẫu giáo Hoa Sen, Năm 2017 xây mới công trình 08 phòng học lầu.

2.6. Tiêu chí số 6 – Cơ sở vật chất văn hóa.

2.6.1 Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã. Đạt.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Đạt.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. Đạt 100%.

2.6.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Hiện tại xã sử dụng Hội trường của xã và sân bãi của xã để hình thành trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.

- Hội trường của xã: Hiện tại xã có 01 hội trường được trang bị đầy đủ bàn ghế, dàn âm thanh, hệ thống quạt, phong chữ, khánh tiết, diện tích 264m², quy mô hơn 150 chỗ ngồi.

- Khu thể thao: Xã đã xây dựng 01 nhà thi đấu bóng bàn và cầu lông với diện tích 1000m² bằng nguồn kinh phí xã hội hóa. Ngoài ra tại sân trụ sở UBND xã còn có 01 sân bóng chuyên, 01 sân cầu lông ngoài trời, kết hợp tổ chức các môn thể thao khác như kéo co, đẩy gậy, tổ chức hội diễn văn nghệ về cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Hiện trên địa bàn có điểm vui chơi, giải trí cho các em thiếu nhi tại sân trụ sở UBND xã, điểm trường Mẫu giáo Hoa sen; Người cao tuổi, đội văn nghệ của ấp tham gia tập luyện dưỡng sinh, văn hoá văn nghệ tại nhà văn hóa các ấp.

- Xã có 9/9 ấp có nhà văn hóa được đầu tư xây dựng đảm bảo hoạt động. Trong đó năm 2022 đầu tư xây dựng mới 2/9 Nhà văn hoá cộng đồng (ấp Tà Tê 1, Tà Tê 2), sửa chữa nâng cấp 7/9 Nhà văn hoá cộng đồng ấp. Nhìn chung các nhà văn hóa được đầu tư cơ bản, hệ thống cơ sở vật chất nhà văn hóa được trang bị đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

Tổng kinh phí: 7.004.643.140đ.

2.6.3. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Đạt.

2.6.4. So sánh giai đoạn.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp Hội trường (Nhà văn hóa xã), xây mới 02 nhà văn hóa ấp và sửa chữa 07 nhà văn hóa ấp.

2.7. Tiêu chí số 7 – Cơ sở vật chất văn hóa thương mại nông thôn.

2.7.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Xã có chợ nông thôn hoặc có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (*trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, việc xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới*).

2.7.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Xã Lộc Thành có 01 chợ nông thôn, tổng diện tích $1.807,9m^2$, trong đó có 01 nhà chợ chính xây dựng bán kiên cố với diện tích $321m^2$, được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021 và đưa vào hoạt động tháng 05/2022. Có mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động chợ.

Đã bố trí 32 điểm kinh doanh cố định, với 25 hộ đăng ký kinh doanh, diện tích tối thiểu cho 01 điểm doanh cố định là $10m^2$;

Nhà chợ chính được xây dựng bán kiên cố, bằng khung thép, mái lợp tôn, có mái hiên, nền chợ, sân chợ được bê tông hóa.

Chợ có bảng hiệu thể hiện chợ, có đại diện hộ kinh doanh làm công tác quản lý chợ; có khu nhà vệ sinh bố trí nam nữ riêng; khu bán thực phẩm tươi sống được bố trí phía sau chợ, khu dịch vụ ăn uống được bố trí khu vực phía trước chợ, Có hệ thống nước sạch, có hệ thống điện đảm bảo cho hoạt động của chợ; có khu lưu chứa rác, có xe vận chuyển rác do đội quản lý đô thị vào thu gom vận chuyển đi để xử lý; có hệ thống mương thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, dễ dàng thông tắc; Có phương án, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Có tổ chức quản lý chợ gồm 03 thành viên; Có nội quy chợ được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ; Có cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa; Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có 137 cửa hàng kinh doanh do hộ gia đình kinh doanh, với số lượng hàng hóa đa dạng, đạt trên 200 mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân.

Kinh phí thực hiện: 842.573.616 đồng.

2.7.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.8. Tiêu chí số 8 – Thông tin và Truyền thông.

2.8.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có điểm phục vụ bưu chính. Đạt
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet. Đạt
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn. Đạt
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Đạt

2.8.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Trên địa bàn xã có 01 điểm bưu chính ở khu vực trung tâm xã, có 01 nhân viên phụ trách và quản lý. Có các dịch vụ nhận và chuyển hàng hóa, đóng gói khối lượng theo quy định từ 02kg-5kg, thư từ, chuyển tiền, cấp tiền hưu trí và các dịch vụ tiện ích khác; Có treo biển tên điểm phục vụ; Có niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông

tin về dịch vụ bưu chính cho người dân hiểu (*Thời gian mở cửa buổi sáng từ 7h30p-11h30p, Buổi chiều từ 13h30p- 16h30p*)

- Xã Lộc Thành có 09 cột BTS đảm bảo nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và Internet di động cho nhân dân; hiện sóng điện thoại đã phủ kín toàn xã, các nhà mạng chủ yếu là Vinaphone, Viettel các đường truyền Internet như VNPT, Viettel cũng được kết nối tới nhiều điểm phục vụ nhu cầu truy cập Internet. (*Trung tâm xã có 2 trạm BTS: Viettel và Vinaphone, ấp Tân Mai: Vinaphone, Tân Bình 2: Vinaphone, Lộc Bình 2: Viettel, Vinaphone, Cần Dực: Viettel, Vinaphone, Đồn Biên phòng Lộc Thành: Viettel*)

- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến 9/9 ấp, năm 2022 xã được Tỉnh đầu tư hệ thống truyền thanh thông minh với 20 cụm và 47 loa phóng thanh trên toàn xã.

- Xã có 21 máy tính/20 CB,CC sử dụng hệ thống quản lý văn bản, các phần mềm chuyên dùng trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ như phần mềm hộ tịch, phần mềm Kế toán. Máy tính của Đảng ủy, HĐND và UBND xã có kết nối Internet băng rộng. Xã có hệ thống thư điện tử đảm bảo tiếp nhận và xử lý văn bản theo quy định, xã có trang thông tin điện tử đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Xã đạt tỷ lệ giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên 30%.

2.8.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.9. Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư.

2.9.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Nhà tạm, dột nát. Không

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 90\%$.

2.9.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Nhà tạm, nhà dột nát hiện có trên địa bàn xã không có.

Hiện nay không còn nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn. Năm 2011-2022 đã xóa nhà tạm, dột nát là 235 căn (*Trong đó: 201 căn xây mới và 34 căn sửa chữa*). Kinh phí: 12.658.350.000 đồng.

9.2. Xã có 1.793/1857 căn nhà ở kiên cố và bán kiên cố, đạt 96,55%

2.9.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.9.4. So sánh giai đoạn.

Trong giai đoạn từ 2011-2022 đã hỗ trợ xóa nhà tạm, dột nát là 235 căn.

Năm 2022 tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định là 1.793/1857, đạt 96,55%, hộ so với năm 2011(593/1567hộ, đạt 56,98%). Tăng 39,57%.

2.10. Tiêu chí số 10 – Thu Nhập

2.10.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 của xã là: ≥ 62 (triệu đồng/người/năm)

2.10.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Qua công tác tổng hợp thông tin thu nhập của các hộ khảo sát chọn mẫu tại 9 ấp để suy rộng tổng thu nhập của 9 ấp trên địa bàn xã Lộc Thành năm 2022, kết quả như sau:

Thu nhập bình quân đầu người toàn xã:

+ Số nhân khẩu thường trú của xã: 8.091 người.

+ Tổng thu nhập toàn xã: 52.673 triệu đồng

+ Thu nhập bình quân đầu người của xã:

$52.673 \text{ triệu đồng} / 8.091 \text{ người} = 64.599 \text{ triệu đồng/ người.}$

STT	M Ã ẤP	TÊN ẤP	SỐ HỘ(hộ)		SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ(người)		Thu nhập BQ đầu người của hộ khảo sát (triệu đồng/ng ười)	Tổng thu nhập (triệu đồng)
			TỔNG SỐ	T ĐÓ : SỐ HỘ MẪU	Tổng số	T đó: Số nhân khẩu hộ mẫu		
A	B	C	1	2	3	4	5	6= 3*5
1	1	ẤP LỘC BÌNH 1	211	35	551	142	61096	33664
2	2	LỘC BÌNH 2	157	26	678	87	66559	45127
3	3	TÂN BÌNH 1	114	19	772	64	65313	50422
4	4	TÂN BÌNH 2	150	25	705	83	66395	46808
5	5	TÀ TÊ 1	203	34	745	147	62280	46399
6	6	TÀ TÊ 2	148	25	638	74	65946	42074
7	7	TÂN MAI	187	31	757	115	65122	49297
8	8	CẦN DỰC	434	72	1583	285	63672	100791
9	9	K'LIÊU	407	68	1662	241	65037	108091
TỔNG SỐ			2011	335	8091	1238		522673

2.10.3. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 10 - Thu nhập: Đạt

2.10.4. So sánh giai đoạn.

Năm 2022 thu nhập bình quân đầu người là 64.599 triệu đồng/người/năm; tăng 56.799 triệu đồng so với năm 2011 (Năm 2011: 7.8 triệu đồng/người/năm).

2.11. TIÊU CHÍ SỐ 11 – HỘ NGHÈO.

2.11.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. (Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí “nghèo đa chiều” là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới mức chỉ tiêu theo vùng, cụ thể tỉnh Bình Phước thuộc vùng Đông Nam Bộ nên tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 giảm còn $\leq 0,5\%$).

2.11.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Công tác xóa đói giảm nghèo được các cấp quan tâm, tạo điều kiện cho hộ nghèo được vay vốn sản xuất, hướng dẫn cách làm ăn để thoát nghèo. Thực hiện đầy đủ các chính sách của nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo nhằm giúp các hộ thoát nghèo bền vững (cấp thẻ BHYT, chế độ giảm học phí học tập, hỗ trợ tiền điện sinh hoạt...).

Hỗ trợ sản xuất, đầu tư vật nuôi, cây trồng, vật tư và con giống giúp bà con nông dân nâng cao thu nhập, thoát nghèo năm 2022 với số tiền là 1.316.500.000 đồng.

Từ năm 2011–2022 đã hỗ trợ được 277 con bò, 121 con dê, 3812 cây Điều giống và một số nông cụ vật tư khác như: phân bón 22.180 kg, máy phát cỏ 07 cái, bình xịt 25 cái.

Tổng số hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo đầu năm 2022 là 144/2.011 hộ (trong đó có 31 bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động), chiếm tỷ lệ 5,70%; cận nghèo 39/2.011 hộ (trong đó có 16 hộ bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động), chiếm tỷ lệ 1,15%. Cuối năm 2022 thoát nghèo là 121 hộ và phát sinh 04 hộ, còn lại 27 hộ (trong đó 17 hộ bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động) 0,5%, thoát cận nghèo 33 hộ và phát sinh 10 hộ, còn lại 16 hộ (trong đó 16 hộ bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động) chiếm tỷ lệ 0%.

* Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên toàn xã năm 2022:

- Tỷ lệ hộ nghèo: $(HNĐC - HNKCKNLĐ) / (TDSTX - HNKCKNLĐ)$

- Tỷ lệ hộ nghèo: $(27-17) / (2011-17) = 0.50\%$

-Tỷ lệ hộ cận nghèo: $(HCNĐC - HCNKCKNLĐ) / (TDSTX - HCNKCKNLĐ)$

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: $(16-16) / (2011-16) = 0\%$

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: Tỷ lệ hộ nghèo + Tỷ lệ hộ cận nghèo

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $0.50\% + 0\% = 0,50\%$

Kinh phí thực hiện: 7.432.244.000 đồng.

2.11.3. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 11- Hộ nghèo: **Đạt**

2.11.4. So sánh giai đoạn.

Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 27 hộ (trong đó có 17 bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động), giảm 223 hộ nghèo so với năm 2011 (250 hộ).

Tỷ lệ hộ cận nghèo là 16 hộ (trong đó có 16 hộ bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động), giảm 75 hộ so với năm 2011 (91 hộ).

2.12. Tiêu chí số 12 – Lao động việc làm.

2.12.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 80\%$
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$.

2.12.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Về tỷ lệ lao động qua đào tạo:

Địa phương luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động và phối hợp với các Sở ban ngành, các phòng ban chuyên môn, các đoàn thể và các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn xã tổ chức các lớp học nghề ngắn hạn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, qua số liệu điều tra thực tế tỷ lệ lao động qua đào tạo như: nghề cạo mủ, Tin học, nghề uốn tóc, nghề thợ rèn, nghề thợ may, nghề lái xe, sửa xe máy, thợ mộc...

Số lao động qua đào tạo là: 4.926/6.096 lao động, đạt 80,8% (trong đó: số lao động nam là 2.580/3.201 người – đạt 80,6%; số lao động nữ là 2.346/2.895 người – đạt 81%).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1.837/6.096 người lao động, đạt 30,1% (Trong đó: số lao động nam 935/3.201 người – đạt 29,3%; số lao động nữ 902/2.895 người – đạt 31,1%).

2.12.3. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm: Đạt

2.12.4. So sánh giai đoạn.

- Về tỷ lệ lao động qua đào tạo so với năm 2011 tăng 12,8% (3.210/4.720).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ So với năm 2011 tăng 4,5% (1.208/4.720).

2.13. Tiêu chí số 13 – Hình thức tổ chức sản xuất.

2.13.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Xã có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật.
- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững. Đạt và gấp 1,5 lần so với bình quân của huyện, thị xã, thành phố.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. Đạt
- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường. Đạt.
- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả. Đạt.

2.13.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có 01 hợp tác Nông nghiệp Cây ăn trái Tà Thiết, xã Lộc Thành hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012 và các văn bản có liên quan.

- Địa chỉ, trụ sở hợp tác xã: Ấp Càn Dục, Xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.

- Về hồ sơ pháp lý của hợp tác xã.

+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số: 3801245198, đăng ký lần đầu ngày 27/01/2021.

+ Có giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu số 250/ĐKMCD ngày 05/5/2021 và có con dấu của hợp tác xã.

+ Có giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Hợp tác xã hoạt động theo:

+ Quy chế HTX đã được thông qua tại hội nghị thành viên.

+ Phương án sản xuất kinh doanh

+ Điều lệ hợp tác xã đã được thống nhất và thông qua.

+ Số lượng thành viên HTX đảm bảo: 7 thành viên

+ Cơ cấu tổ chức quản lý HTX đầy đủ theo quy định:

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, chủ tịch HĐQT, kiêm giám đốc HTX, 01 phó giám đốc, 01 kiểm soát viên và kế toán.

+ Mô hình liên kết: Cung ứng Bưởi, Quýt, Cam, Xoài, Chanh, Sầu Riêng.

Xã có 02 mô hình:

- Tổ hợp tác phụ nữ chăn nuôi dê xã Lộc Thành.

+ Quyết định công nhận số 237/QĐ-UBND ngày 28/8/2019.

+ Danh sách tổ viên: 12 thành viên

+ Hợp đồng hợp tác

+ Quy trình sản xuất chăn nuôi

- Tổ hợp tác phụ nữ chăn nuôi dê xã Lộc Thành.

+ Quyết định công nhận số 159/QĐ-UBND ngày 17/5/2022.

+ Danh sách tổ viên: 07 thành viên

+ Hợp đồng hợp tác

+ Quy trình sản xuất chăn nuôi

Tổng số 02 mô hình trên có 700 con, hoạt động có hiệu quả, gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững. (Đạt)

Xã có Công ty TNHH Nông nghiệp Làng Sen đáp ứng đầy đủ về truy xuất nguồn gốc, và được chứng nhận VietGAP. HTX Nông nghiệp cây ăn trái Tà Thiết, Lộc Thành được chứng nhận VietGAP vào ngày 24/3/2022, với diện tích 11,5 ha trên diện tích đất quyền sử hữu của xã viên gồm Bưởi, Quýt, Cam, Xoài, Chanh, Sầu Riêng. (Đạt).

Xã không có làng nghề, làng nghề truyền thống.

Có tổ khuyến nông cộng đồng, gồm 07 thành viên hoạt động hiệu quả, có xây dựng nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động và hoạt động theo quy định của pháp luật. (Đạt).

2.13.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.14. Tiêu chí số 14 – Giáo dục.

2.14.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ. Đạt.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp). $\geq 90\%$

2.14.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Phổ cập giáo dục Mầm non: Xã có Trường mẫu giáo Hoa Sen được thành lập từ tháng 4/2015. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi từ năm 2016 cho đến nay. Từ năm 2016 tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đều đạt từ 90% trở lên. Từ những năm 2020 đến nay tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đều tăng so với các năm trước, đến nay đều đạt trên 99%.

Được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2021 theo Quyết định số 7823/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Lộc Ninh về việc công nhận lại xã Lộc Thành năm 2021 duy trì đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Kết quả Phổ cập giáo dục Mầm non trẻ em 5 tuổi năm học 2021-2022:

- Tổng số trẻ MN 5 tuổi phải PC: 129; ra lớp: 128; Tỷ lệ: 99,22%.
- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 374, ra lớp: 252; Tỷ lệ: 66,37%.
- Tổng số trẻ 0-2 tuổi: 235, ra lớp: 0 ; Tỷ lệ: 0 %.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0-5 tuổi trên địa bàn: 0.
- Tổng số trẻ khuyết tật có khả năng học tập và được tiếp cận giáo dục: 0; Tỷ lệ: 0%.
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình (năm học 2020-2021) đạt: 94,7%.
- Phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học lên trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp):

STT	Năm học	Số HS tốt nghiệp/TSHS	Số HS tiếp tục học PHTH	Số HS tiếp tục học trung tâm GDTX	Số HS tiếp tục học trung cấp (Trung cấp nghề)	Số học sinh không học tiếp
1	2021-2022	110/110	75	13	11	11

Tỷ lệ tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 đạt 110/110 HS, đạt tỷ lệ 100%; học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học Trung học phổ thông đạt 99/110 học sinh, đạt 90%.

2.14.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.14.4. So sánh giai đoạn: Năm 2022 tỷ lệ học sinh tiếp tục học lên trung phổ thông, bổ túc hoặc học nghề đạt tỷ lệ 1% (Năm 2011: 89%).

2.15. Tiêu chí số 15 – Y tế:

2.15.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). đạt $\geq 90\%$.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Đạt

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi). $\leq 14,5\%$.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử. Năm 2022- 2024: $\geq 70\%$.

2.15.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): 7886 người/8091 người, đạt 97%.

Stt	Đối tượng	Số người	Tỷ lệ (%)
Tổng số dân		8091	
Số người tham gia BHYT		7886	97,46%
1	Bảo trợ xã hội	240	2,96%
2	Cán bộ công nhân viên chức	135	1,66%
3	Người có công, hưởng trợ cấp 1 lần (TNXP, QĐ 142, QĐ 62, QĐ 49, CCB, thân nhân NCC)	269	3,32%
4	Cận nghèo, hộ nghèo	150	1,85%
5	Tham gia BHYT ngoài huyện (Công nhân, nhân viên công ty)	403	4,98%
6	Tham gia BHYT trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh		

7	Hộ gia đình	1032	12,75%
8	Học sinh, sinh viên	347	4,28%
9	Hưu trí	26	0,32%
10	Trẻ em	960	11,86%
11	Đối tượng khác	4324	53,44%
Tỷ lệ người tham gia BHYT			97,46%

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc công nhận xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

- Ngày 24 tháng 9 năm 2022, UBND huyện thẩm tra lại bộ tiêu chí đạt 92 điểm (đạt).

- Tỷ lệ Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi có 75/707 trẻ, chiếm 10,6%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:

Tính cho nợ (Lý do: Hiện giờ chưa có phần mềm): Đạt

2.15.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Tiêu chí số 15 - Y tế: **Đạt.**

2.15.4. Giải pháp nâng cao tiêu chí trong thời gian tới: Tiếp tục công tác tuyên truyền về Luật BHYT, vận động để người dân tiếp tục tham gia BHYT bền vững.

2.16. Tiêu chí số 16 – Văn hóa.

2.16.1. Yêu cầu của tiêu chí.

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới. $\geq 75\%$.

2.16.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Đầu năm UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” tỉ lệ hàng năm có 9/9 KDC đăng ký KDC văn hóa và 95-99% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa. Cuối năm bình xét có từ 9/9 KDC đạt văn hóa, từ 95-99% hộ đạt gia đình văn hóa.

** Khối lượng thực hiện:*

- Kết quả bình xét gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa năm 2022 xã Lộc Thành: cuối năm 1904/1931 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt 98,6%.

- Có 9/9 khu dân cư được công nhận khu dân cư đạt văn hóa năm 2022 theo Quyết định số: 5434/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh.

- Có 01 khu dân cư văn hóa 5 năm liên tục (2018-2022) theo Quyết định số: 5447/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh.

2.16.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.16.4. Giải pháp nâng cao tiêu chí trong thời gian tới.

Tiếp tục duy trì và giữ vững 9/9 khu dân cư đạt văn hóa.

2.17. Tiêu chí số 17 – Môi trường.

2.17.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. $\geq 55\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%.

- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. Đạt.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. $\geq 2m^2/\text{người}$.

- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch. 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định. $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. $\geq 30\%$.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. $\geq 65\%$.

2.17.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Hộ sử dụng nước sạch 1477/1857, đạt 79,54%. Hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 1788/1857 đạt 96,28% (từ các nguồn giếng đào, giếng khoan, và các máy lọc nước gia đình).

- Hiện tại 16 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có đề án, bản cam kết bảo vệ môi trường. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đến

nay thực hiện tốt nội dung cam kết, không vi phạm các quy định về Bảo vệ môi trường. Đạt 100%.

- Định kỳ UBND xã xây dựng, triển khai kế hoạch tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường và phát động trồng cây xanh.

Toàn xã có tổng số: 9,3 km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ; Ngoài ra tại các điểm công cộng như: Trụ sở UBND xã, các trường học, hội trường nhà văn hóa các ấp được trồng cây xanh, với diện tích 34.000m², tạo cảnh quan, không gian xanh – sạch – đẹp.

Phối hợp các ban ngành đoàn thể, nhân dân tham gia bảo vệ môi trường như nạo vét kênh mương, khai thông cống rãnh thoát nước không để xảy ra tồn đọng nước thải tại các khu dân cư.

- UBND xã đã chỉ đạo các thôn ấp, các trường học, trạm y tế bố trí sử dụng đất để trồng cây xanh đảm bảo theo quy định. (Dọc theo các tuyến đường đã thi công hoàn chỉnh, trụ sở UBND xã và tại Nhà văn hóa các ấp, trường học, trạm y tế, với diện tích 34.000m² / 8953 người = 3,79 m²/người.

- Toàn xã có 6 nghĩa trang/9 ấp, có Quyết định thành lập Ban quản lý nghĩa trang ấp, có quy chế hoạt động, việc mai táng, chôn cất người chết trong nghĩa trang phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của địa phương và theo Quy chế quản lý nghĩa trang.

- Các hộ dân sống dọc theo tuyến đường liên xã, các tuyến liên ấp đăng ký dịch vụ thu gom rác thải có 627/2011 hộ, những hộ sống ở các tuyến đường nông thôn, xa trung tâm xã thì có xây dựng hố rác hoặc hố chôn lấp chất thải sau khi đã phân loại, đảm bảo vệ sinh. Không có các hoạt động phát tán khí thải, nước thải và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Mỗi hộ gia đình đều có hệ thống thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại hoặc hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

Các khu dân cư đều có hương ước cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải, nước thải.

Tổng lượng Rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã là 3,2 tấn/ngày và tỷ lệ xử lý theo quy định đạt 100%, trong đó có 627 hộ đăng ký thu gom rác với đơn vị thu gom, số hộ còn lại tự xử lý theo quy định.

- Trên địa bàn xã không có tình trạng phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt bừa bãi ra môi trường.

Việc thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, rác thải y tế được tiêu hủy ngay tại chỗ. Các khu dân cư đều có hương ước cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải, nước thải.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, 1.850 căn/2011, đạt 91,99% tăng 50,19% so với năm 2011.

- Tổng số trang trại trên địa bàn xã năm 2022 là: 11 trại chăn nuôi heo thực hiện việc chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 10/11 trang trại đạt 90,9 %.

Tổng số cơ sở chăn nuôi gia công, nông hộ (Heo, gà) trên địa bàn xã năm 2022 là: 06 cơ sở chăn nuôi gia công nông chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 6/6 cơ sở đạt 100%

Tổng số hộ gia đình chăn nuôi trên địa bàn xã năm 2022 là: 433 chăn nuôi chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 433/433 hộ đạt 100%.

Chuồng nuôi bảo đảm cách biệt với nơi ở của người; Định kỳ vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại dụng cụ chăn nuôi; Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch thu gom xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

- Có 25 hộ gia đình kinh doanh thực phẩm, tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; hướng dẫn các hộ sản xuất, kinh doanh hồ sơ, thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Giấy cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Kết quả 25/25; Đạt 100%.

- Tổng số hộ dân trên địa bàn xã là: 2011 hộ.

Trong đó: Số hộ gia đình đăng ký dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải, tự phân loại xử lý tại nhà và vận chuyển xử lý theo quy định là: 627/2011 hộ đạt 31,17%.

- Tại các hộ gia đình thường được phân loại theo nguyên tắc sau:

+ Chất thải rắn có khả năng sử dụng tái chế thì người dân tự tái chế sử dụng làm đồ gia dụng trong gia đình hoặc đem bán cho các vựa da chai phế liệu xử lý vận chuyển đến nhà máy tái chế sử dụng theo nhu cầu.

+ Chất thải rắn hữu cơ thì ủ làm phân bón cho cây trồng.

+ Chất thải rắn vô cơ không thể phân hủy được sau khi thu gom thì đội quản lý đô thị huyện vận chuyển đến khu xử lý theo quy định.

Các hộ dân đều tham gia đầy đủ các quy định bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước khu dân cư hàng năm.

- Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được hộ dân thu gom, xử lý 794 kg/ngày, đêm/1116.6 kg /ngày, đêm đạt 71,1 %.

- Kinh phí thực hiện: 2.040 triệu đồng.

2.17.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.18. Tiêu chí số 18 – Hệ thống chính trị xã hội và tiếp cận pháp luật.

2.18.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. Đạt
- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đạt
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. 100%.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Đạt
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội. Đạt.
- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn. Đạt.

2.18.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. 19/20 cán bộ công chức và đáp ứng tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định số: 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/1/2004 của Bộ nội vụ, Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ, Thông tư 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 30/2013/QĐ/UBND ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh Bình Phước.

Hiện nay còn khuyết 02 chức danh công chức gồm, Công chức ĐCXD (xin chuyển công tác khỏi địa bàn huyện), Công chức VHXXH (điều chuyển chức vụ công tác); Số công chức đạt chuẩn theo quy định. Trong đó, có đồng chí Chủ tịch Hội Cựu chiến binh chưa đạt chuẩn. Cụ thể:

Biểu thống kê số lượng, chất lượng cán bộ công chức xã

[illegible]

- Chỉ tiêu: Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Năm 2021, Đảng bộ và chính quyền được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo thông báo số 471-TB/HU ngày 25/3/2022 của Huyện ủy Lộc Ninh).

Qua kiểm điểm đánh giá chất lượng tổ chức Đảng, đảng viên và tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý năm 2022 đảng bộ tự chấm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề nghị huyện ủy xem xét; ước đạt Hoàn thành xuất sắc trở lên

- Chỉ tiêu 18.3: Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Năm 2021, có 5/5 tổ chức chính trị - xã hội đều được cấp trên đánh giá tiên tiến trở lên. Năm 2022 có 3 tổ chức đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (MTTQ, Hội LHPN, Hội CCB), 02 tổ chức đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Công đoàn, Đoàn thanh niên).

- Chỉ tiêu: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

Xã được đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định năm 2021 theo Quyết định 331/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của UBND huyện Lộc Ninh.

Đánh giá sơ bộ 11 tháng đầu năm 2022, xã cơ bản đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Chỉ tiêu 18.5: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

+ Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã: Hiện tại trong cấp ủy xã có 03 đồng chí tham gia cấp ủy trong đó có 01 đồng chí là Phó Bí thư Đảng ủy, chủ tịch HĐND xã; 01 đồng chí là Phó Chủ tịch HĐND xã.

+ Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị: Hiện nay trên địa bàn xã có 01 hợp tác xã (HTX DVTM Phước Thiện gồm 22 thành viên) và 01 câu lạc bộ tiêu sạch (11 thành viên) ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với công ty gia vị Nespice, tổng số 33 thành viên, trong đó tỷ lệ nữ là 11/33 chiếm tỷ lệ 33,3%.

+ Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của tỉnh: Trong thời gian qua trên địa bàn không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, tất cả các trường hợp kết hôn đều tuân theo nguyên tắc hôn nhân tự nguyện; tỷ lệ giới tính khi sinh vẫn ở mức cân đối, trong năm 2022 có 52 trẻ được sinh ra, trong đó có 24 nữ và 28 nam.

+ Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình: Trong thời gian qua trên địa bàn xã không

có vụ việc bạo lực nghiêm trọng xảy ra, nhưng 6/6 ấp trên địa bàn xã đều đã chủ động chọn được “Địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh” để tiếp nhận, bảo vệ nạn nhân khi có bạo lực xảy ra, đó là nhà của Trưởng ấp hoặc chi hội trưởng phụ nữ (nếu nhà đó đủ điều kiện) để bảo vệ an toàn tuyệt đối cho nạn nhân. Theo quyết định số 45/QĐ-UBND của UBND xã Phước Thiện ngày 20 tháng 8 năm 2013.

+ Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: Công chức VHXXH (phụ trách LĐTBOXH) được bố trí phụ trách kiêm nhiệm chức danh bảo vệ, chăm sóc trẻ em kể từ ngày 02/02/2017 theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND huyện Bù Đốp về việc bố trí kiêm nhiệm và xếp phụ cấp kiêm nhiệm đối với công chức cấp xã.

+ Có Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 và được kiện toàn theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 09/08/2022 của UBND xã Phước Thiện; Quyết định số 02^A/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND xã Phước Thiện về việc ban hành quy chế làm việc của Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em xã.

+ Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của tỉnh: 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã Phước Thiện đều được trợ giúp, đảm bảo đạt chỉ tiêu.

+ Đối với công tác hỗ trợ trẻ em bị xâm hại: Đến nay, xã Phước Thiện không có trường hợp xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm hại trẻ em và không có trường hợp trẻ em bị xâm hại.

- Chỉ tiêu 18.6: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn: UBND xã đã xây dựng Kế hoạch 02/KH-UBND ngày 17/1/2022 về xây dựng xây thôn mới trên địa bàn xã, trong đó triển khai nội dung tuyên truyền về chương trình xây dựng nông thôn mới; triển khai Bộ tiêu chí NTM mới, các văn bản của chương trình cho Thành viên Ban quản lý xây dựng NTM xã và các Trưởng ấp.

2.18.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt

2.19. Tiêu chí số 19 – An ninh và Quốc quốc phòng

2.19.1. Yêu cầu của tiêu chí.

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng. Đạt.

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; phạm tội và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm ít nhất 5% so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Đạt.

2.19.2. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Ban CHQS xã đã làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương; Ban hành nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng – an ninh; nghị quyết lãnh đạo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, kế hoạch phát triển đảng viên nhập ngũ và phát triển đảng viên giữ chức vụ ấp đội trưởng nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết của HĐND và Kế hoạch của UBND xã về việc phát triển Kinh tế - văn hóa xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh luôn được thể hiện rõ vai trò quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã, xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

+ Hằng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) xã căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Ban CHQS xã đã làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy – UBND xã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương; Ban hành nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng – an ninh; nghị quyết lãnh đạo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, kế hoạch phát triển đảng viên nhập ngũ và phát triển đảng viên giữ chức vụ ấp đội trưởng nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Kế hoạch của UBND xã về việc phát triển Kinh tế - văn hóa xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh luôn được thể hiện rõ vai trò quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã, xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp; xây dựng quân nhân dự bị hạng 1 đạt chỉ tiêu, Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, giáo dục quốc phòng an ninh cho các đối tượng; phối hợp với các lực lượng trong giữ gìn ANCT-TTATXH ở địa phương; quan tâm chăm lo chính sách hậu phương quân đội.

Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã:

Hằng năm UBND xã chỉ đạo cho ban CHQS xã xây dựng Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động của dân quân; dự toán ngân sách phục vụ hoạt động của Ban CHQS xã và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân;

Chỉ đạo cho Ban CHQS xã chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ, Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công An và Bộ Quốc Phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng;

Các KH SSCĐ Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Ban chỉ huy quân sự xã: Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần

Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, sỹ quan dự bị; Đảng ủy viên, Đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026.

Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy xã đảm nhiệm.

Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM) xã đảm nhiệm.

Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng:

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ; Lộc Thành thuộc xã biên giới được bố trí 02 đ/c Pcht Ban CHQS xã, tuy nhiên hiện nay đang thiếu 01 đ/c do nghỉ công tác và chuyển về Đắk Lắk sinh sống.

Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã có trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở, trung cấp lý luận chính trị - hành chính; Đại học quản lý nhà nước.

Phó chỉ huy trưởng Ban CHQS xã có trình độ Trung cấp ngành quân sự cơ sở; trung cấp lý luận chính trị, sỹ quan dự bị.

Hàng năm cán bộ trong Ban CHQS xã được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng; có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh: Hàng năm Ban CHQS xã tham mưu cho Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh và cử cán bộ đảng viên thuộc đối tượng 3, 4 đi tập huấn khi cấp trên mở lớp; phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân nhất là các hộ dân sống giáp biên.

Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân

Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tổng số dân quân trên toàn xã là 148 đ/c được biên chế: 2adqtt = 18 đ/c, 1bdqcd = 28đ/c, 5 tổ dân quân bình chủng và 2 khẩu đội cối 60mm = 21 đ/c, 09 adqtc/09 ấp = 81 đ/c.

Ban CHQS xã được biên chế 02 tủ súng gồm 01 tủ súng trung đội bố trí tại phòng làm việc của đ/c Cht; 01 tủ súng tiểu đội bố trí tại chốt dân quân biên giới tại phòng làm việc của đ/c Pcht phụ trách chốt; Công tác lau chùi bảo quản luôn được chú trọng, thực hiện công tác lau chùi bảo quản hằng tuần vào giờ thứ 8 ngày thứ 6 và lau chùi sau huấn luyện, VKTB luôn được cất giữ an toàn và đảm bảo cho công tác huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

Chi bộ quân sự xã hiện nay có 09 Đảng viên, chi ủy có 03 đ/c; Bí thư chi bộ là đồng chí Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm, phó bí thư chi bộ được bầu tại đại hội là đ/c Cht/Ban CHQS xã, Chi ủy viên là đ/c Bí thư đoàn thanh niên CSHCM xã.

Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần theo quy định của Điều lệ Đảng, đóng đảng phí đầy đủ. Trong sinh hoạt hằng tháng thực hiện theo hướng dẫn nội dung của buổi sinh hoạt, tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề; Chi bộ tập trung thảo luận và giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Chi bộ, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đảng viên.

Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 20% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên.

Ban CHQS xã tham mưu cho Đảng ủy ban hành kế hoạch phát triển đảng viên nhập ngũ và Đảng viên giữ chức vụ ấp đội trưởng nhiệm kỳ 2020 – 2025; tỷ lệ đảng viên trong độ tuổi dân quân là 20%.

Căn cứ khoản 1 điều 28 Luật dân quân tự vệ năm 2019 và thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/06/2020; Ban CHQS xã làm tốt công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân thuộc quyền: dân quân thường trực 60 ngày/năm; dân quân năm thứ nhất 15 ngày/năm, dân quân năm thứ 2 trở đi 12 ngày/năm; dân quân tại chỗ 7 ngày/năm

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (*tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động*); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực

lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật; thực tốt quy trình trong đăng ký, kết nạp, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân.

Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Tổng số QNDB là 203 đ/c, trong đó 05 sỹ quan, biên chế 110 đ/c vào đơn vị c3d208 và 21 đ/c cho Đoàn BP Lộc Thành.

Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh.

Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản hướng dẫn; Ban CHQS xã tham mưu cho UBND xã kiện toàn Hội đồng NVQS xã, quy chế làm việc, kế hoạch phân công thành viên phụ trách ấp đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng; Ban CHQS xã chủ động phối hợp với các hội đoàn thể từ xã đến các ấp tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân vận động con em của đoàn viên hội viên thi vào các trường quân đội.

Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

Phối hợp với cấp trên thực hiện tốt các chế độ chính sách cho lực lượng dự bị động viên như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp quân nhân trong biên chế; phụ cấp khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện; giúp đỡ quân nhân khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng.

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng tại địa phương, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

Tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã, UBND xã tổ chức quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng – an ninh trên địa bàn trong đó tập trung hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao trình độ dân trí, hỗ trợ xây nhà ở và đất sản xuất; đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng chốt dân quân biên giới, công trình chiến đấu tại chốt.

Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng.

Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức,

trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, trong đó tập trung vào các nội dung như : Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, Luật NVQS, Luật quốc phòng, Luật DQTV, Luật dự bị động viên luật biên giới quốc gia; luật biển đảo..v.v., âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đến đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân thông qua các buổi sinh hoạt của các Hội – Đoàn thể. Từ đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, tích cực vươn lên làm giàu chính đáng, tuyệt đối không nghe theo lời của kẻ xấu, tham gia các phong trào ở địa phương, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tổ chức cho dân quân đăng bài trên trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên.

Ban CHQS xã chủ động phát động thi đua đột kích lập thành tích chào mừng các ngày lễ, tết, phong trào thi đua quyết thắng năm đến 100% cán bộ, chiến sỹ dân quân thuộc quyền và các đợt huy động quân nhân dự bị tập trung huấn luyện. Tổ chức họp Ban CHQS xã và cán bộ quản lý dân quân để xét thi đua khen thưởng hằng năm hoặc khen thưởng đột xuất đúng quy định; công tác thi đua khen thưởng luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ và sự đồng thuận cao của tất cả cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị.

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm các tội về xâm hại trẻ em; phạm tội và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm ít nhất 5% so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Công tác tham mưu hướng dẫn: Trong 10 tháng đầu năm 2022 Công an xã đã tham mưu cho ĐU-UBND xã tiếp tục thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn, bên cạnh đó Công an xã đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp giữa Công an với các đội nghiệp vụ Công an huyện, Ban CHQS xã, các ban ngành đoàn thể, các trường học và các đồn biên phòng đứng chân trên địa bàn về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa phương. Cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy xã về thực hiện công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội trong năm 2022 phấn đấu năm 2022 xã Lộc Thành đạt tiêu chí số 19 và về đích nông thôn mới.

2.19.2. Đánh giá công tác thực hiện kết quả đạt được trong việc thực hiện tiêu chí số 19.2.

Chỉ tiêu 1:

Đảng ủy xã có Nghị quyết số 34-NQ/ĐU ngày 07/02/2022 về Công tác QP – AN, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT và XDPTTDBVANTQ

Đã đề nghị UBND huyện Lộc Ninh quyết định công nhận xã Lộc Thành đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” năm 2022.

Đã làm hồ sơ đề nghị công an huyện ĐN công an tỉnh xét danh hiệu thi đua tập thể công an xã danh hiệu thi đua “đơn vị tiên tiến” năm 2022

Chỉ tiêu 2:

Không có các hoạt động:

Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối Đại đoàn kết dân tộc

Tập trung đông người khiếu nại, tố cáo

Móc nối vượt biên, xâm nhập trái phép, vi phạm quy chế biên giới

Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng

Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền lợi hoặc có liên quan đến thực thi chính sách pháp luật mục đích để gây rối an ninh, trật tự hoặc lợi dụng để tuyên truyền chống phá nhà nước; xâm phạm lợi ích của nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chỉ tiêu 3:

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc các tội xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm nhiều hơn 5% so với năm 2021 (hiện nay 00 vụ); tai nạn GT, cháy nổ giảm so với năm trước (không có vụ nào).

Đã xây dựng mới 01 mô hình mô hình “Tổ thanh niên tự quản về ANTT” tại ấp K Liêu. Hiện nay địa bàn xã có 03 mô hình hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần đảm bảo ANTT tại địa phương

2.19.3. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

(Có bảng phụ lục tóm tắt 19 tiêu chí kèm theo)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Tính đến ngày 11/11/2022, xã Lộc Thành không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

Đối với các công trình đầu tư về đích năm 2022 thực hiện nguồn vốn theo Luật đầu tư công, bố trí nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2022 - 2024.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đủ hồ sơ theo quy định tại điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số 19/19 tiêu chí nông thôn mới của xã Lộc Thành đã được thành viên của huyện cơ bản đánh giá thống nhất đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Đảm bảo điều kiện xã đạt chuẩn NTM: “Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới” theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

IV. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ

1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:

1.1. Quan điểm:

Tiếp tiếp tục triển khai thực hiện giữ vững, nâng chất các chỉ tiêu, tiêu chí. Trong đó trọng tâm là áp dụng các tiến bộ của KHKT vào sản xuất; triển khai thực hiện các phong trào cách mạng nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng chính quyền từ huyện tới xã, áp trong việc thực hiện Chương trình nông thôn mới, chú trọng khơi dậy và phát huy tinh thần chủ động, tự giác của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư.

1.2. Mục tiêu:

Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Gắn với quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch.

Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi, giảm dần khoảng cách so với cuộc sống đô thị.

Nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành Chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nâng cao vai trò trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, cộng đồng dân cư trong việc xây dựng nông thôn mới.

1.3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới:

+ *Tiêu chí số 1 về Quy hoạch*: Thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch.

+ *Tiêu chí số 2 về Giao thông*: Tiếp tục khảo sát đề xuất UBND huyện xem xét đầu tư các tuyến giao thông còn lại bằng đường láng nhựa và BTXM.

+ *Tiêu chí số 3 về Thủy lợi*: Xây dựng phương án PCTT phù hợp với tình hình thời tiết, tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân trong việc phòng chống thiên tai, lụt bão.

+ *Tiêu chí số 4 về Điện*: Khảo sát đề nghị các cấp các ngành tiếp tục đầu tư lưới điện vào khu vực một số khu vực và nâng cấp các trạm biến áp nhằm đáp ứng nhu cầu về điện sản xuất của người dân.

+ *Tiêu chí số 5 về Trường học*: Triển khai kêu gọi sự đóng góp của phụ huynh học sinh để xây dựng các hạng mục cần thiết.

+ *Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa*: Giữ vững, nâng cao tỉ lệ thôn văn hóa theo quy định, sửa sang các nhà văn hóa cộng đồng không để hư hỏng xuống cấp, xây dựng các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu của cộng đồng dân cư.

+ *Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông*: Tổ chức quản lý và vận hành tốt hệ thống một cửa điện tử.

+ *Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư*: Tiếp tục khảo sát, kiểm tra những trường hợp khó khăn về nhà ở hoặc những trường hợp hộ nghèo, cận nghèo có nhà cửa bị hư hỏng và có kế hoạch vận động các mạnh thường quân, ban ngành đoàn thể đóng góp kinh phí làm nhà hoặc sửa nhà cho các hộ.

+ *Tiêu chí số 10 về Thu nhập*: Tiếp tục tuyên truyền vận động các hộ tích cực lao động sản xuất, thay đổi cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên. Tổ chức các buổi hội thảo, chuyển giao khoa học kỹ thuật mới cho người dân. Tìm kiếm, học hỏi những mô hình sản xuất kinh doanh mới, hiệu quả của các địa phương khác để áp dụng về địa phương.

+ *Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều*: Thực hiện tốt công tác khảo sát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo hàng năm. Xây dựng kế hoạch giảm tỉ lệ hộ nghèo theo theo chỉ tiêu hàng năm. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo.

+ *Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm*: Tiếp tục vận động số người trong độ tuổi lao động tham gia học nghề để có công việc ổn định.

+ *Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất*: Theo dõi, hướng dẫn và tạo điều kiện để các câu lạc bộ, HTX hoạt động ngày càng hiệu quả.

+ *Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo*: Tuyên truyền vận động người dân động viên, giáo dục và tạo điều kiện để con em được đến trường và học nghề sau khi học hết THCS; Thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài nhằm động viên tinh thần học tập.

+ *Tiêu chí số 15 về Y tế*: Nâng cao ý thức và ý thức phục vụ nhân dân; tiếp tục tuyên truyền vận động nâng cao tỉ lệ người dân tham gia mua BHYT theo tiêu chí.

+ *Tiêu chí số 16 về Văn hóa*: Hàng năm thực hiện tốt việc triển khai xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư theo quy định, giữ vững, nâng cao tỉ lệ ấp văn hóa.

+ *Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm*:

- Tuyên truyền vận động có hiệu quả để nhân dân dọn dẹp, chỉnh trang nhà cửa, vườn, kiến trúc cho ngăn nắp.

- Tuyên truyền, giao nhiệm vụ cụ thể cho người đứng đầu đẩy mạnh công tác môi trường để không có hiện tượng rác thải tại các cơ quan công sở, trường học, nhà văn hóa, dọc các tuyến đường.

- Tiếp tục có kế hoạch cụ thể và triển khai nhanh: Phân công các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị có liên quan, vận động nhân dân trồng cây tạo bóng mát, hoa ven các tuyến đường giao thông trên địa bàn để tạo cảnh quan xanh sạch đẹp. Trong đó, triển khai nhân rộng các tuyến đường hoa.

- Định kỳ thứ 7 (hoặc chủ nhật) hàng tuần: Tổ chức phân công nhiệm vụ và khu vực cụ thể. Phát động toàn dân tham gia dọn dẹp vệ sinh, trồng cây xanh, cây hoa để từng bước góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân cộng đồng. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức chính trị - xã hội tham gia phối hợp về công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường.

- Nâng cao trách nhiệm của BGH các trường trên địa bàn và tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức của học sinh về đề rác thải đúng nơi quy định trong khuôn viên và xung quanh các trường học. Hình thành các ngày định kỳ trong tuần về toàn giáo viên và học sinh tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, cây hoa.

- Nâng cấp, khơi thông hệ thống các rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ các tuyến đường giao thông để đảm bảo hiệu quả sử dụng, cấm biển giao thông.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có cam kết và đồng hành tuyên truyền về công tác nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

+ *Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật*: Tạo điều kiện cho cán bộ công chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy từ xã tới thôn; thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực gia đình.

+ *Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh*: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hai lực lượng tăng cường hoạt động tuần tra truy quét làm trong sạch địa

bàn; thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện và đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

Sau khi xã được UBND tỉnh Bình Phước công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, UBND xã tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng kế hoạch, lộ trình và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh Bình Phước thẩm định, xét, công nhận xã Lộc Thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện Lộc Ninh về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Lộc Thành năm 2022 của UBND huyện Lộc Ninh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BCD, VPDP tỉnh;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các tổ chức CT-XH;
- TV BCD huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, VP.ĐPNTM huyện.

CHỦ TỊCH

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2022 CỦA XÃ LỘC THÀNH.**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện Lộc Ninh)

ST	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025.	Đạt	- Quyết định số 5921/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt lại nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. - Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Lộc Thành, giai đoạn 2010-2020; Biên bản công bố quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lộc Thành giai đoạn 2011-2020. - Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng NTM xã Lộc Thành, giai đoạn 2010-2020. - Năm 2022 UBND xã đã tiến hành ký hợp đồng về việc tư vấn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 với Công ty TNHH tư vấn FAS và đã hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch. + Có Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025. + Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	Đạt

		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Thực hiện theo trình tự về Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Tổng số: 24,5 km, đã nhựa hóa 24,5 km	Đạt 100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Tổng số: 61,730km; đã được nhựa hóa 31,483 km, cứng hóa bằng bê tông xi măng 1 km, cấp phối sỏi đỏ 29,247 km, đạt 100%	Đạt 100%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Tổng số 24,816 km; đã cứng hóa bằng bê tông xi măng 17,706 km, cấp phối sỏi đỏ 7,110 km	Đạt 100%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%	Không có	Đạt 100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	80%	Diện tích đất trồng cây lâu năm: 2939,2/2939,2 ha Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi công nghiệp thực tế được tiêu 3.950,12/4.138,32ha	Đạt 100%

		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	- Ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND, ngày 14/09/2022 về kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN kèm theo quy chế hoạt động. - Ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND, ngày 14/09/2022 về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN. - Ban hành Quyết định số 283/QĐ-UBND, ngày 14/09/2022 về kiện toàn đội xung kích phòng, chống thiên tai và TKCN. - Ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND, ngày 14/09/2022 về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đội xung kích phòng, chống thiên tai và TKCN kèm theo quy chế hoạt động. - Ban hành Kế hoạch số 59/KH-PCTT ngày 15/09/2022 về phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2022. - Ban hành Phương án số 02/PA-BCH ngày 15/9/2022 về phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2022.	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	có 65 km trung thế, 54 km hạ thế. 73 trạm biến áp công suất 532kva đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 99\%$	Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: 2011/2011 hộ	Đạt 100%
		4.3. Tỷ lệ đường được chiếu sáng trong khu dân cư hoặc dân cư cư trú	$\geq 7\%$	Tỷ lệ đường được chiếu sáng: 6,400m/82,007m	đạt 7,8%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu	100%	Trường TH&THCS: - Phòng học, phòng bộ môn: Tổng số 20 phòng học (12 phòng kiên cố, 8 phòng học). Phòng làm việc và các phòng chức năng khác: 15 phòng. -Trang thiết bị: 21 Tivi dùng trong giảng dạy; 05 Laptop; 02 bộ	Đạt 100%

		chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Các xã có từ 3 trường trở xuống		máy tính bàn. - Các công trình phụ trợ khác: Nhà vệ sinh: 04 khu, Nhà để xe: 02, Hàng rào, cổng của trường: Xây dựng kiên cố, đầy đủ. - Số diện tích sân chơi, bãi tập: Hơn 1000 m² - Đề xuất đầu tư xây dựng mới 12 phòng học, 12 phòng bộ môn và 01 nhà tập đa năng để đạt chuẩn NTM; Trong đó: đã được chấp thuận xây dựng 12 phòng học, 06 phòng bộ môn tại Quyết định số 1869/QĐ –UBND ngày 14/5/2022. Còn lại 06 phòng bộ môn và nhà đa năng và một số công trình phụ trợ đưa sang năm 2023 UBND huyện mới ra quyết định. Dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng quý IV/2023. Trường mẫu giáo Hoa Sen: - Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (theo QĐ số 2024/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Bình Phước) và trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo QĐ số 2346/QĐ-SGDDT ngày 03/8/2021 của Sở GD&ĐT Bình Phước).	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	- Xã có 01 hội trường được trang bị đầy đủ bàn ghế, dàn âm thanh, hệ thống quạt, phong chữ, khánh tiết, diện tích 264m², quy mô hơn 150 chỗ ngồi. - Xã có 01 nhà thi đấu bóng bàn và cầu lông với diện tích 1000m². Tại sân trụ sở UBND xã còn có 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông ngoài trời, kết hợp tổ chức các môn thể thao khác cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Trên địa bàn có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại sân trụ sở UBND xã, điểm trường Mẫu giáo Hoa sen, nhà văn hóa các ấp.	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản,	100%	9/9 ấp có nhà văn hóa là nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ	Đạt 100%

		ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		cộng đồng. Hiện đang khởi công xây dựng mới 2/9 Nhà văn hoá (ấp Tà Tê 1, Tà Tê 2), sửa chữa nâng cấp 7/9 Nhà văn hoá.	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Có 01 chợ nông thôn, tổng diện tích 1.807,9m ² , trong đó có 01 nhà chợ chính xây dựng bán kiên cố với diện tích 321m ² , đã bố trí 32 điểm kinh doanh cố định, với 25 hộ đăng ký kinh doanh và có 137 cửa hàng kinh doanh do hộ gia đình kinh doanh đảm bảo nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa.	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Có 01 điểm bưu chính ở khu vực trung tâm xã, có 01 nhân viên phụ trách và quản lý.	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Có 09 trạm phát sóng và đường truyền cáp quang internet của Vinaphone, Viettel, VNPT phủ sóng toàn xã và 01 điểm truy cập internet đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet cho nhân dân.	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến 9/9 ấp, với 20 cụm và 47 loa phóng thanh.	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Xã có 21 máy tính/20 CB,CC sử dụng hệ thống quản lý văn bản, các phần mềm chuyên dùng trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, có kết nối Internet băng rộng. Xã có hệ thống thư điện tử đảm bảo tiếp nhận và xử lý văn bản theo quy định.	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Đạt 90%	Có 1.793/1857 căn nhà ở kiên cố và bán kiên cố	Đạt 96,55%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực	≥62 (triệu đồng/người)	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã: 522.673 triệu đồng/8.091 người = 64.599 triệu đồng/ người.	Đạt

		nông thôn đến năm 2022 (triệu đồng/người)			
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Năm 2022 0,5%	* Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên toàn xã năm 2022: - Tỷ lệ hộ nghèo: (HNDC- HNKCKNLD)/ (TDSTX- HNKCKNLD) Tỷ lệ hộ nghèo: $(27-17) / (2011-17) = 0.50\%$ -Tỷ lệ hộ cận nghèo: (HCNDC- HCNKCKNLD)/ (TDSTX- HCNKCKNLD) Tỷ lệ hộ cận nghèo: $(16-16) / (2011-16) = 0\%$ - Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: Tỷ lệ hộ nghèo + Tỷ lệ hộ cận nghèo - Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $0.50\% + 0\% = 0,50 \%$	Đạt 0,5 %
12	Lao động có việc làm	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (Áp dụng cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	Số lao động qua đào tạo là: 4.926/6.096 lao động. (trong đó: số lao động nam là 2.580/3.201 người – đạt; số lao động nữ là 2.346/2.895 người)	Đạt 80,8%
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (Áp dụng cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1.837/6.096 người lao động (Trong đó: số lao động nam 935/3.201 người; số lao động nữ 902/2.895 người).	Đạt 30,1%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	- Có 01 hợp tác Nông nghiệp Cây ăn trái Tà Thiết, xã Lộc Thành.	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn	Đạt	- Có 02 mô hình:Tổ hợp tác chăn nuôi Dê xã Lộc Thành.	Đạt

với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền

	thôn	vững			
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	- Có 01 HTX Nông nghiệp cây ăn trái Tà Thiết, Lộc Thành được chứng nhận VietGAP vào ngày 24/3/2022. - Công ty TNHH Nông nghiệp Làng Sen đáp ứng đầy đủ về truy xuất nguồn gốc, và được chứng nhận VietGAP.	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống (Nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Xã không có làng nghề, làng nghề truyền thống.	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Có 01 tổ khuyến nông cộng đồng, gồm 07 thành viên hoạt động có hiệu quả.	Đạt
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở' xóa mù chữ	Đạt	Được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2021 theo Quyết định số 7823/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Lộc Ninh về việc công nhận lại xã Lộc Thành năm 2021 duy trì đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (Áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục	≥90%	Tỷ lệ tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 đạt 110/110 học sinh.	Đạt 100%

		thường xuyên, trung cấp)			
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (Áp dụng cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): 7886 người/8091 người, đạt 97%.	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc công nhận xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. - Ngày 24 tháng 9 năm 2022, UBND huyện thăm tra lại bộ tiêu chí đạt 92 điểm.	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 14,5\%$	Tỷ lệ Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi có 75/707 trẻ, chiếm 10,6%.	Đạt
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	Năm 2022- 2024: $\geq 70\%$	Tính cho nợ (Lý do: Hiện chưa có máy chủ để lưu phần mềm)	Đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng NTM	$\geq 75\%$	- Có 9/9 khu dân cư được công nhận khu dân cư đạt văn hóa năm 2022 theo Quyết định số: 5434/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh. - Có 01 khu dân cư văn hóa 5 năm liên tục (2018-2022) theo Quyết định số: 5447/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Lộc Ninh.	Đạt 100%
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	$\geq 55\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	Hộ sử dụng nước sạch 1143/1857, đạt 61,5%. Hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 1788/1857 đạt 96,28% từ các nguồn giếng đào, giếng khoan, và các máy lọc nước gia đình. Ngoài ra còn có 04 công trình	Đạt 61,5%

và an toàn thực phẩm			cấp nước tập trung các hộ dân chỉ sử dụng trong mùa khô hạn	
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Hiện tại 16 cơ sở sản xuất, kinh doanh kinh doanh trên địa bàn có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có đề án, bản cam kết bảo vệ môi trường. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đến nay thực hiện tốt nội dung cam kết, không vi phạm các quy định về Bảo vệ môi trường	Đạt 100%
	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư tập trung	Đạt	- Toàn xã có tổng số: 9,3 km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ; Ngoài ra tại các điểm công cộng như: Trụ sở UBND xã, các trường học, hội trường nhà văn hóa các ấp được trồng cây xanh, với diện tích 34.000m ² , tạo cảnh quan, không gian xanh – sạch – đẹp. - Phối hợp các ban ngành đoàn thể, nhân dân tham gia bảo vệ môi trường như nạo vét kênh mương, khai thông cống rãnh thoát nước không để xảy ra tồn đọng nước thải tại các khu dân cư.	Đạt
	17.4 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	- UBND xã đã chỉ đạo các thôn ấp, các trường học, trạm y tế bố trí sử dụng đất để trồng cây xanh đảm bảo theo quy định. (Dọc theo các tuyến đường đã thi công hoàn chỉnh, trụ sở UBND xã và tại Nhà văn hóa các ấp, trường học, trạm y tế, với diện tích 34.000m ² / 8953 người = 3,79 m ² /người.	Đạt 3,79 m ² /người.
	17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	100%	Toàn xã có 6 nghĩa trang, có Quyết định thành lập Ban quản lý nghĩa trang ấp, có quy chế hoạt động, có quy chế quản lý nghĩa trang, việc mai táng, chôn cất người chết trong nghĩa trang phù hợp với quy hoạch.	Đạt 100%
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo	$\geq 90\%$	Tổng lượng Rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã là 3,2 tấn/ngày và tỷ lệ xử lý theo quy định đạt 100%, trong đó có 627 hộ đăng ký thu gom rác với đơn vị thu gom, số hộ còn lại tự xử lý theo quy định.	Đạt 100%

		quy định			
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Việc thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, rác thải y tế được thu gom tiêu hủy theo quy định. Các khu dân cư đều có hương ước cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải, nước thải.	Đạt 100%
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 90\%$	Hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, 1.850 hộ/2011 hộ.	Đạt 91,99%
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	80%	- Có 10/11 trang trại chăn nuôi heo thực hiện việc chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 90,9 %. - Có 6/6 cơ sở chăn nuôi gia công, nông hộ (Heo, gà) chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 100% - Có 433/433 hộ gia đình chăn nuôi chấp hành và đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 100%.	Đạt 99,6%
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	- Có 25 hộ gia đình kinh doanh thực phẩm, tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	Đạt 100%
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	Có 627/2011 hộ gia đình đăng ký dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải, tự phân loại xử lý tại nguồn.	Đạt 31,17%.

		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 65\%$	Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được hộ dân thu gom, xử lý 794 kg/ngày, đêm/1116.6 kg /ngày, đêm.	Đạt 71,1 %.
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	19/20 cán bộ công chức và đáp ứng tiêu chuẩn.	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đảng bộ và chính quyền được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo thông báo số 471-TB/HU ngày 25/3/2022 của Huyện ủy Lộc Ninh).	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	Năm 2022 có 3 tổ chức đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (<i>MTTQ, Hội LHPN, Hội CCB</i>), 02 tổ chức đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ (<i>Công đoàn, Đoàn thanh niên</i>).	Đạt 100%
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định	Đạt	- Xã được đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định năm 2021 theo Quyết định 331/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của UBND huyện Lộc Ninh. - Đánh giá sơ bộ 11 tháng đầu năm 2022, xã cơ bản đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ	Đạt	- Có 03 đồng chí tham gia cấp ủy trong đó có 01 đồng chí là Phó Bí thư Đảng ủy, chủ tịch HĐND xã; 01 đồng chí là Phó Chủ tịch HĐND xã. - Phụ nữ tham gia tổ hợp tác, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất: có 01 tổ hợp tác xã gồm 22 thành viên, trong đó tỷ lệ nữ là 22/22 chiếm tỷ lệ 100%.	Đạt

		trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (Nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội		- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch. - Có 01 địa chỉ tin cậy Theo quyết định số 477/QĐ-UND của UBND xã Lộc Thành ngày 30 tháng 10 năm 2022. - Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 30/10/2022 của UBND xã Lộc Thành về việc thành lập Ban bảo vệ trẻ em xã Lộc Thành, gồm 24 thành viên. - 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã Lộc Thành đều được trợ giúp, đảm bảo đạt chỉ tiêu. - Lộc Thành không có trường hợp xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm hại trẻ em và không có trường hợp trẻ em bị xâm hại.	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn.		Có kế hoạch 02/KH-UBND ngày 17/1/2022 về xây dựng xây thôn mới trên địa bàn xã, trong đó triển khai nội dung tuyên truyền về chương trình xây dựng nông thôn mới; triển khai Bộ tiêu chí NTM mới, các văn bản của chương trình cho Thành viên Ban quản lý xây dựng NTM xã và các Trưởng ấp.	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	- Có xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. - BCHQS xã có 04 đ/c, tổng số dân quân trên toàn xã là 148 đ/c được biên chế: 2adqt = 18 đ/c, 1bdqcd = 28đ/c, 5 tổ dân quân bình chủng và 2 khẩu đội cối 60mm = 21 đ/c, 09 adqtc/09 ấp = 81 đ/c. - Tổng số QNDB là 203 đ/c, trong đó 05 sỹ quan, biên chế 110 đ/c	Đạt

			vào đơn vị c3d208 và 21 đ/c cho Đồn BP Lộc Thành. - Hàng năm thực hiện tốt nhiệm vụ động viên tuyển quân và các chính sách hậu phương quân đội. - Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng tại địa phương, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.	
	19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm về tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc...) và tai nạn giao thông, cháy nổ được kiểm chế giảm so với năm trước, có một trong các mô hình (phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt	Đạt	- Chỉ tiêu 1: + Đảng ủy xã có Nghị quyết số 34-NQ/ĐU ngày 07/02/2022 về Công tác QP –AN, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT và XDPTTĐBVANTQ + Đã đề nghị UBND huyện Lộc Ninh quyết định công nhận xã Lộc Thành đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” năm 2022. + Đã làm hồ sơ đề nghị công an huyện ĐN công an tỉnh xét danh hiệu thi đua tập thể công an xã danh hiệu thi đua “ đơn vị tiên tiến” năm 2022 - Chỉ tiêu 2:Không có các hoạt động: + Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối Đại đoàn kết dân tộc + Tập trung đông người khiếu nại, tố cáo + Móc nối vượt biên, xâm nhập trái phép, vi phạm quy chế biên giới + Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng + Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền lợi hoặc có liên quan đến thực thi chính sách pháp luật mục đích để gây rối an ninh, trật tự hoặc lợi dụng để tuyên truyền chống phá nhà nước ; xâm phạm lợi ích của nhà nước: xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo - Chỉ tiêu 3:	Đạt

		động thường xuyên có hiệu quả.	
--	--	--------------------------------	--

+ Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc các tội xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 + Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm nhiều hơn 5% so với năm 2021 (hiện nay 00 vụ); tai nạn GT, cháy nổ giảm so với năm trước (không có vụ nào). + Đã xây dựng mới 01 mô hình mô hình “ Tổ thanh niên tự quản về ANTT” tại ấp K Liêu. Hiện nay địa bàn xã có 03 mô hình hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần đảm bảo ANTT tại địa phương	
---	--